

NGÀY 1 THÁNG 8 NĂM 1964

BACH

KHOA

năm thứ tám

NHƯ - PHONG **HỌ HỒ MƯỜI NĂM Ở MIỀN**

BẮC (II) • ĐOÀN - THÊM *đọc tài liệu của lực lượng*

quốc gia thống nhất • DOHAMIDE *Hồi-giáo trong*

buổi sơ khai • TRẦN - HƯƠNG - TỬ **BIỆN**

CHỨNG PHÁP VÀ THỰC TẠI NHÂN

LINH • TRẦN - KIM - THẠCH *bài học dài*

trên hai trăm triệu năm của loài có xương

sống • NGUYỄN - HỮU - DUNG *sách lược xâm*

nhập của Cộng sản • THANH - THUYỀN —

THÁI - TÚ - HẠP *thơ* • LÊ - TẮT - ĐIỀU *về bốn*

phương trời • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG

vòng tay học trò • **SINH - HOẠT PEN** và

COMES • *Lại chuyện*

văn nghệ và chính trị :

một đêm không ngủ •

182



Thanh thoát
Fine
Dịu dàng
Racée
Tonique

**NUỐC HOA
 NGÔI SAO**
**EAU
 DE
 COLOGNE
 L'ÉTOILE**





DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{AB} DES DISTILLERIES DE L. I. C. **DiC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
 EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
 en vérifiant que la capsule inviolable
 que comportent les bouteilles
 d'origine sous leur bouchon à
 vis est bien en place

NUỐC HOA "NGÔI SAO"
 RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
 mua quý ngài nên đề dặt kiểm
 soát lại nắp chì giữa gian
 bọc ở miệng chai chính gốc
 nằm phía trong nắp vặn
 đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC



BÁCH

KHOA trong số này

Số 182 ngày 1-8-64

NHƯ-PHONG	họ Hồ mười năm ở miền Bắc (giai đoạn 58-60)	3
ĐOÀN-THÊM	đọc các tài liệu của Lực - lượng Quốc - gia Thống-nhất	13
DOHAMIDE	Hồi-giáo trong buổi sơ khai	19
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	biện chứng pháp và thực tại nhân linh	29
TRẦN-KIM-THẠCH	trẻ em tập đi, bài học dài trên hai trăm triệu năm của loài có xương sống	38
NGUYỄN-HỮU-DUNG	sách lược xâm nhập của Cộng sản	43
THANH-THUYỀN	bài ca 30 (thơ)	53
THÁI-TÚ-HẠP	ý nghĩ hiền của mẹ (thơ)	54
LÊ-TẮT-ĐIỀU	về bốn phương trời (truyện ngắn)	55
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG	vòng tay học trò (truyện dài)	77
SINH HOẠT :		
THU.THỦY	lại chuyện văn nghệ và chính trị : PEN và COMES	91
LÊ-TẮT-ĐIỀU	một đêm không ngủ (thuật)	94

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

<i>Vấn đề chính đảng</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc (III)</i>	NHƯ-PHONG
<i>Jean Dupuis hay Bắc-kỳ tưng rỗi</i>	NGUYỄN-PHƯƠNG
<i>Vấn đề biên giới Việt-Nam / Cam- bodge và tương lai nền ban giao Cambodge/Việt-Nam</i>	PHẠM-TRỌNG-NHÂN
<i>Góp ý kiến về chương trình cải tổ của Bộ Quốc gia Giáo dục</i>	NGUYỄN-HIỂN-LÊ
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Nhiệm-sắc-thề và di-truyền tính</i>	VÕ-QUANG-YẾN
<i>Kinh Cur-An trong sinh hoạt của người Hồi giáo</i>	DOHAMIDE
<i>Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp tại Việt-Nam</i>	LÊ-DŨNG-DÂN
<i>Lược - khảo về tiểu - thuyết trình- thám Anh</i>	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Hiện tượng tự bào chữa trong Văn Học</i>	VŨ-HẠNH
<i>Những xu hướng mới trong âm nhạc</i>	TÔN-THẮT-TIỆT
<i>Vài kỷ-niệm về nhà văn Nhất - Linh</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol- jénitsyne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Đọc « Khuôn mặt » của Thanh Tâm Tuyền</i>	CÔ PHƯƠNG-THẢO
<i>Tình yêu đất truyện ngắn)</i>	VÕ-HỒNG
<i>Gió trên đồi (truyện ngắn)</i>	TRÙNG-DƯƠNG
<i>Trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)</i>	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
<i>Quê nhà (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Dấu nước mắt trên gối (truyện ngắn)</i>	YÊN-HI-BA
<i>Vết thương dậy thì (truyện ngắn)</i>	TÚY-HỒNG
<i>Nhạc Việt, Hambourg</i>	MỘNG-TRUNG
<i>Đài-Loàn trong hai tuần lễ</i>	NGUYỄN-PHƯỚC

Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc

(xin xem B.K. từ 181)

I.— CHÍNH SÁCH THI HÀNH Ở MIỀN BẮC

B) Giai đoạn 1958 — 1960

Sang đến đầu năm 1958, đảng và chính phủ Cộng-sản mới bắt đầu làm chủ lại được tình thế. Các khóa chỉnh huấn cho cán bộ các ngành và các cấp lần lần được tổ chức để uốn nắn lại tư tưởng đảng nổi lại công cuộc đã phải bỏ dở. Trung tuần tháng Giêng năm 1958, sau khi có nghị quyết của bộ Chính-trị ngày 6-1-1958 ra lệnh phải ngăn chặn ngay hoạt động phá hoại của những « phần tử chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng, đã nhân chỗ sơ hở của ta mà tiếp tục tấn công ta về mặt tư tưởng dưới hình thức văn nghệ », chính phủ Hồ-Chí-Minh đã đóng cửa tuần báo *Văn*, cơ quan của Hội Nhà văn.

Một cuộc phóng tay phát động quần chúng nữa lại được đảng và chính phủ cho tiến hành trên toàn miền Bắc.

Cuộc phát động lần này chỉ có một đợt, kéo dài trong 6 tháng, từ tháng Giêng đến tháng Sáu năm 1958, và không phải để đấu tranh tiêu diệt giai cấp, mà chính là để tiêu diệt uy thế của giới trí thức và văn nghệ sĩ từng có thành tích chống lại đảng trong giai đoạn trước. Tại khắp các cơ quan, đơn vị bộ đội, trường học, xí nghiệp, công trường, nông trường và hầm mỏ, tất cả mọi người đều bị bắt buộc phải ký tên vào những bản kiến nghị lên án những văn nghệ sĩ, trí thức và sinh viên đã viết bài đảng trong báo Nhân-Văn và trong các tạp chí Giai Phẩm và Đất Mới. Trong khi đó, từ đầu tháng 3 đến giữa tháng 4-1958, tất cả những văn nghệ sĩ và trí thức từng có dính dáng đến vụ Nhân Văn—Giai Phẩm, gồm 304 người đã phải theo một khóa chỉnh huấn hết sức nghiêm khắc, trong đó, mỗi người phải

đọc một bản thú tội thật tỉ mỉ. Ngày 10-4-1958, tức là bốn ngày trước khi khóa chính huấn này bế mạc, chính phủ Hồ-Chí-Minh đã hạ lệnh cho sở Công-an Hà-Nội tổng giam một số văn nghệ sĩ và trí thức bị coi như những người cầm đầu phong trào Nhân Văn — Giai phẩm và lãnh đạo cuộc âm mưu lật đổ chế độ Cộng sản ở miền Bắc từ 16 tháng trước đó. (1)

So sánh với các đợt phát động quần chúng nhằm đánh đổ thành phần địa chủ và phú nông trước đó, thì đợt phát động quần chúng nhằm đánh đổ thành phần trí thức và văn nghệ sĩ chống đảng năm 1958 đã thu thắng lợi cho đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh nhiều và nhanh gấp bội. Một trong những nguyên nhân chính yếu của thắng lợi đó là đảng và chính phủ Cộng sản đã biết « hạn chế diện thù địch » vào con số vài chục người và cô lập vài trăm người khác. Quyền lợi vật chất của quần chúng nhân dân không bị trực tiếp xâm nhập thì quần chúng cũng không thấy có lý do cần thiết phải bênh vực một số nhỏ những người trước đó để vì họ mà đứng lên tranh đấu, và nay bị loại trừ.

Tuy vậy, phải đợi đến cuối năm 1958, và không thấy có những mầm chống phá đảng quan tâm, đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh mới dám tính đến việc tiếp tục thi hành chính sách đã định từ nhiều năm trước. Hội nghị lần thứ 14 của Ban chấp hành trung ương đảng Lao Động được triệu tập trong tháng 11-1958 để bàn về việc thi hành kế hoạch 3 năm « cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa » 1958-1960, nhưng thông cáo về hội nghị này

chỉ được công bố ngày 8 tháng 12-1958. Theo thông cáo này thì trong Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương đảng, Lê-Duẩn đã báo cáo về tình hình thế giới. Nguyễn-Duy-Trinh đã báo cáo về kế hoạch 3 năm cải tạo kinh tế và phát triển văn hóa, và sau hết, Trường-Chinh đã báo cáo tổng kết về cải cách ruộng đất. Nghị quyết lần này của Trung ương đảng Lao Động đã có ghi như sau :

« ... Về nhiệm vụ chính trị trung tâm hiện nay ở miền Bắc, Hội nghị nhất trí nhận định rằng trong mấy năm sắp tới, nhiệm vụ trung tâm là cải tạo xã hội chủ nghĩa để tạo điều kiện thuận lợi căn bản cho việc đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải lấy việc hợp tác hóa nông nghiệp làm khâu chính để phát triển sản xuất nông nghiệp và thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa (2).

Nói rõ thêm về những nghị quyết của Hội nghị lần thứ 14 Trung ương đảng, Phạm-Văn-Đồng cũng nhân danh Thủ tướng mà thông báo cho Quốc-hội Cộng sản Bắc Việt trong khóa họp thứ 9, những công tác lớn mà đảng và chính phủ sẽ thi hành trong thời gian

(1) Về những chi tiết, xin xem bài « Trí thức và Văn nghệ sĩ miền Bắc Việt-Nam 15 năm dưới bóng cờ đỏ », của cùng một tác giả, viết riêng cho tạp chí China Quaterly ấn hành ở Luân-đôn, số 9, tháng 1-3 năm 1962, bản tiếng Việt đăng trên tạp chí Bách-Khoa các số 129 và 130 ngày 15-5 và 1-6 năm 1962.

(2) Nhật báo Nhân Dân, Hà-Nội 8-12-1958.

kế hoạch 3 năm. Phạm-Văn-Đồng đã đề ra sáu công tác, mà bốn công tác liên quan đến chính sách thi hành ở miền Bắc như sau đây :

- 1) Ra sức phát triển và cải tạo kinh tế theo chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, cải thiện đời sống của nhân dân.
- 2) Đẩy mạnh công tác tư tưởng và văn hóa, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế, nâng cao dần trình độ văn hóa và kỹ thuật của nhân dân lao động.
- 3) Tăng cường Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân ; củng cố quốc phòng : trấn áp bọn phá hoại hiện hành ; giữ gìn trật tự an-ninh.
- 4) Tiếp tục củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở vững chắc của khối liên minh công nông. (3)

Một nhân viên khác trong Bộ Chính trị của Trung ương đảng Lao động là Nguyễn-Duy-Trinh, với tư cách là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cũng nói lời Phạm - Văn-Đồng mà đọc bản báo cáo về kế hoạch 3 năm 1958 - 1960 trước Quốc hội Cộng sản. Nguyễn-Duy-Trinh đã vạch rõ 8 vấn đề chủ yếu sau đây của kế hoạch :

- 1) Hợp tác hóa nông nghiệp và phát triển sản xuất nông nghiệp, sản lượng về lúa năm 1960 sẽ là 7 triệu 600.000 tấn so với 3 triệu 950.000 tấn năm 1957.
- 2) Phát triển công nghiệp quốc doanh, cải tạo và phát triển thủ công nghiệp,

cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh. Công nghiệp quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo, xây dựng 96 công trình trong 3 năm, trong đó có khu gang thép ở Thái-Nguyên, sẽ hoàn thành đợt đầu vào cuối năm 1960 với công suất là 100.000 tấn gang thép ; khu sản xuất hóa chất ở Quảng-Yên, trong đó có nhà máy luyện dầu mỏ, công suất mỗi năm 30 000 tấn các loại ét-xăng, ma-dút, dầu lửa v.v...

- 3) Mở mang xây dựng cơ bản.
- 4) Củng cố và phát triển giao thông, vận tải, bưu điện.
- 5) Tăng cường công tác thương nghiệp, phát triển và củng cố mậu dịch quốc doanh, đẩy mạnh việc cải tạo thương nghiệp tư nhân.
- 6) Tăng cường công tác tài chính và tiền tệ, tăng thu cho ngân sách, tập trung vào Ngân hàng nhà nước mọi nguồn vốn, tăng cường công tác quản lý tiền mặt.
- 7) Tăng cường công tác khoa học và kỹ thuật, ra sức đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề, phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa.
- 8) Nâng cao thêm một bước đời sống của nhân dân, tăng lương cho cán bộ, viên chức, quân đội và công nhân 25 phần 100 so với năm 1957. (4)

Trong các công tác lớn mà Phạm-Văn-Đồng và Nguyễn-Duy-Trinh đã loan

(3) Phạm-Văn-Đồng, báo cáo của chính phủ về tình hình và nhiệm vụ. Xuất bản Sự Thật, Hà Nội tháng 12-1958.

(4) Nguyễn-Duy-Trinh, báo cáo về kế hoạch ba năm 1958-1960, xuất bản Sự Thật Hà-Nội tháng 12-1958.

báo, có hai công tác được tiến hành nhanh và gọn hơn cả là công tác « tăng cường chuyên chính, trấn áp bọn phá hoại hiện hành » và công tác « tăng cường nền tài chính và tiền tệ ».

Trước hết, ngay từ đầu tháng 12-1958, báo chí Cộng sản ở Hà-Nội nêu lên sự cần thiết phải chấm dứt những « hành động tự do vô kỷ luật » của một số người ở thành thị cũng như ở nông thôn. Theo báo chí Hà-Nội thì những hành động gọi là vô kỷ luật này phát sinh từ cuối năm 1956, khi mà đảng và chính phủ thú nhận có phạm sai lầm trong cải cách ruộng đất. Những hành động vô kỷ luật thông thường được báo chí Hà-Nội kể ra như sau đây :

« Chính quyền khu phố gọi mà không đến ; khi đến trụ sở ủy ban khu phố thì nói láo xược, lăng mạ hoặc đe dọa hành hung ; cản trở nhân viên công an trong việc gìn giữ trật tự ở xóm làng hoặc khu phố ; kháng cự nhà chức trách trong việc khám bắt cờ bạc, buôn lậu ; không chịu thi hành bản án của tòa, vân vân... (5)

Sau khi có lệnh của đảng và chính phủ Cộng sản, việc « trấn áp những phần tử phá hoại có những hành động tự do vô kỷ luật » kể trên đã được tiến hành mạnh đến nỗi chỉ trong vài tháng, trật tự ở các thành phố đã được lập lại mau chóng. Biện pháp thông thường nhất mà nhà cầm quyền Cộng sản đã áp dụng là có người nào bị cán bộ tố cáo là phần tử vô kỷ luật thì lập tức người đó bị theo dõi và đem đến là bị bắt ngay ; nếu xét là nhẹ, đương sự bị truy tố ra tòa và bị

kết án tù có thời hạn, nặng thì đưa đi đày ở miền núi.

Việc áp dụng những biện pháp quyết liệt trong công tác trấn an đã giúp cho những công tác khác thi hành được dễ dàng hơn, đặc biệt là việc chính phủ Cộng sản Bắc Việt đặt ra thể lệ quản lý vàng bạc, và việc thu hết các loại tiền giấy đang lưu hành để hủy đi và phát ra một loại tiền mới.

Riêng về thể lệ quản lý vàng bạc, ngày 26 - 12 - 1958, nhà cầm quyền Cộng sản Hà-Nội ra thông cáo bắt buộc nhân dân ai có từ 5 đồng cân (5 chỉ, tức là 17 gram 75) vàng trở lên, bất kể là vàng lá, vàng thoi, nguyên chất hoặc có pha (vàng tây) đã đánh thành đồ trang sức hoặc đồ vật để trưng bày, nhất nhất đều phải khai báo để xin giấy chứng nhận và cho phép cất giữ. Thời gian khai báo hạn định trong vòng 10 ngày, sau đó nếu ai không khai hoặc khai không đủ, sẽ bị truy tố và số vàng khám thấy sẽ bị tịch thu. Theo thể lệ mới đặt ra này thì sau khi nhân dân đã khai báo Ngân hàng của nhà nước Cộng sản có thể yêu cầu những người có một số vàng nhiều hơn số vàng trang sức thông dụng, phải ký gửi số còn lại tại ngân hàng hoặc bán lại cho nhà nước theo giá trưng mua. (6)

(5) Nhật báo Nhân Dân, Hà-Nội 1-12-1958.

(6) Bản án ngày 10-1-1959 của tòa án nhân dân Hà-Nội, thi hành chỉ thị số 332-TTg ngày 11-12-1958 của Thủ tướng Cộng sản Hà-Nội, và thi hành thể lệ số 5261-TL-QLVB ngày 12-12-1958 của Ngân hàng Trung ương Hà-Nội : Bà Nguyễn-Thị-Về ở nhà số 23 phố Hàng Giấy Hà-Nội, bị truy tố về tội

Việc thu đổi tiền cũ và phát hành tiền mới của đảng và chính phủ Cộng sản Bắc Việt đã được thi hành bất ngờ và chớp nhoáng gấp bội việc ban hành thể lệ quản lý vàng bạc. Ngày 27-2-1959, trong khi Hồ-Chí-Minh lên đường sang thăm Nam-Dương, thì ở Hà-Nội, Phạm-Văn-Đồng «thừa ủy viên chủ tịch», đã ký sắc lệnh số 015/SL quy định việc phát hành tiền mới, hủy tiền cũ. Theo sắc lệnh này, 1 đồng tiền mới phát hành ăn 1.000 đồng tiền cũ. Sắc lệnh này chỉ được công bố sáng 28-2-59, cùng một lúc với những bàn đổi tiền được bày ra trên các đường trong các thành phố và trụ sở ủy ban hành chính xã. Riêng tại Hà-Nội, trong nội và ngoại thành có tất cả 1.649 bàn đổi tiền, tại thành phố Hải-Phòng có 782 bàn và tại Nam-Định có 385 bàn. Những bàn đổi tiền này làm việc có giờ, và tính ra từ sáng ngày 28-2 đến trưa ngày 2-3-1959, các bàn đổi tiền trong thành phố Hà-Nội chỉ làm việc có 18 giờ và tại các thành và tỉnh khác cùng trong khắp vùng nông thôn, các bàn đổi tiền chỉ làm việc có 14 giờ. Thời hạn đổi tiền đã quá gấp rút, thể lệ đổi tiền lại rất khắt khe. Mỗi người đem tiền đến bàn thu đổi phải xuất

trình căn cước để cán bộ ghi vào là đã đổi tiền rồi và vì vậy không được đổi lần thứ hai. Những người có từ 2 triệu đồng tiền cũ muốn đổi lấy 2.000 đồng tiền mới, cán bộ đổi tiền không phát tiền mới ngay mà chỉ trao lại cho người có tiền đem đến đổi một giấy biên nhận; người có biên nhận ấy sau này sẽ phải đến Ngân hàng của đảng làm các thủ tục khác để lấy dần tiền ra, và ngân hàng chỉ phát tiền nếu xét ra là người có tiền muốn tiêu vào những việc chính đáng nghĩa là hợp với đường lối của đảng và chính phủ.

Ngày 7-3-1959, Ngân hàng trung ương của đảng ra thông cáo cho biết « công tác đổi tiền đã hoàn toàn kết thúc và thu thắng lợi lớn ». Xét theo quan điểm của đảng và chính phủ Cộng sản thì thể lệ quản lý vàng bạc cũng như thể lệ thu đổi tiền cũ phát hành tiền mới, quả thật đã đem lại thắng lợi rất lớn cho đảng và chính phủ. Nhờ hai biện pháp này mà đảng và chính phủ Cộng sản đã thu được hầu hết vốn tích lũy của nhân dân, gồm quý kim và tiền mặt, để dùng số vốn mới tập trung được đó đầu tư vào những công cuộc phát triển nền kinh tế quốc doanh. Mặt khác, mức tài sản mà mỗi gia đình được phép cất giữ, về vàng là dưới 5 đồng cân, về tiền là dưới 2.000 đồng (tiền mới, 2.000 đồng trị giá bằng 4 tấn gạo theo giá chánh thức) sẽ làm cho việc kinh doanh thương mại và công nghệ của tư nhân không thể tồn tại được, đồng thời nạn buôn bán chợ đen cũng phải tiêu diệt hẳn. Tất cả những điều đó đã là những thuận lợi rất lớn cho việc

giữ vàng không đăng ký và bán vàng trái phép, bị phạt 3 tháng tù (nhưng được hưởng án treo vì tuổi già), bị tịch thu 25 lạng 8 đồng cân 9 phân hai lạng vàng lá số vàng không đăng ký. bị phạt tiền 560.000 đồng và bị trưng mua 16 lạng vàng lá số vàng có đăng ký. Người mua vàng trái phép của bà Vê là bà Lê-Thị-Nguyệt ở nhà số 30 đường Phùng-Hưng, bị tịch thu 1.935.000 đồng là số tiền toàn mua 5 lạng vàng của bà Vê bán trái phép. Nhật báo Thời Mới, Hà Nội 12-1-1959).

thi hành kế hoạch cải tạo kinh tế của Cộng sản Bắc Việt.

Sau khi đã thật sự đánh đổ được uy thế tinh thần còn sót lại của trí thức và văn-nghệ-sĩ — thành phần được coi như tinh hoa của giai cấp tư bản mà đại đa số là những công thần của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954, — sau khi đã lập lại được an ninh và trật tự bị đảo lộn từ hồi cuối năm 1956 gây ra do chính sách « *cải cách ruộng đất* » rồi lại « *sửa sai* » sau đó, và sau khi đã thu vét được hầu hết của chìm của nhân dân gồm vàng bạc, trang tư và tiền vốn để dành, đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh phấn khởi tiến hành những công cuộc gọi là « *cải tạo xã hội chủ nghĩa* ». Những cuộc cải tạo lớn này khởi sự tiến hành trong khoảng giữa năm 1959 và bao gồm các mặt :

- cải tạo bộ máy tổ chức của đảng, và bộ máy tổ chức chính quyền Cộng sản ;
- cải tạo bộ máy chiến tranh ;
- cải tạo chế độ kinh tế.

Việc cải tạo bộ máy tổ chức của đảng, tuy đã được đề cập đến rất nhiều lần, nhất là từ sau khi phát động quần chúng cải cách ruộng đất, nhưng chỉ được chính thức chấp nhận và đặt kế hoạch để thi hành kể từ Hội nghị Trung ương đảng lần thứ 17, nhóm trong trung tuần tháng 10 năm 1959. Ngoài việc quyết định triệu tập Đại hội toàn đảng lần thứ 3 trong năm 1960, Hội nghị lần thứ 17 này còn ra nghị quyết cho ban hành bản hiến pháp mới và bầu lại quốc hội Bắc-Việt Cộng sản, cũng trong năm 1960.

(7) Việc cải tạo bộ máy tổ chức của đảng, căn bản là *sửa đổi điều lệ của đảng*, là một việc không làm không được, tuy rằng nó đặt ra cho giới lãnh tụ Cộng sản ở cấp trung ương cũng như các cấp địa phương rất nhiều vấn đề gay go phức tạp có thể gây ra xung đột lớn và đi đến đổ vỡ. Theo nhận xét của viên Trưởng ban Tổ chức của Trung ương đảng là Lê-Đức-Thọ thì : đảng thành lập trong hoàn cảnh bí mật, điều lệ của đảng còn quá sơ sài tuy đã rập theo điều lệ khuôn mẫu của các đảng Cộng sản khác. Do đó, các cấp chỉ huy từ trung ương đến địa phương đã làm việc theo lối độc tài gia trưởng, kết nạp người bừa bãi, kéo bè kéo cánh, chấp nhận cả những phần tử « *thù địch của giai cấp* » vào và cho giữ những chức vụ trọng yếu, cấp trên cấp dưới không biết nhau v.v... (8)

Để sửa soạn cho đại hội toàn đảng, những cuộc thanh trừng nội bộ được tiến hành rất kín đáo sau khi đã có những cuộc Hội nghị củng cố đảng, do Ban Tổ chức triệu tập và Lê-Đức-Thọ chủ tọa, nhóm trong hai ngày 30 và 31-10-1959 ; Hội nghị cán bộ kiểm tra của đảng, do Phạm-Hùng chủ tọa, nhóm từ ngày 11 đến 14-1-1960. Kế đó những cuộc đại hội đại biểu các cấp có mục đích chọn người đủ tin cậy

(7) Theo các văn kiện chính thức của đảng Lao Động thì Đại hội toàn Đảng Cộng sản Đông Dương họp trong tháng 4-1935 tại Macao ; Đại hội toàn đảng lần thứ 2 họp ngày 11-2-1951 tại Việt-Bắc và đổi tên thành đảng Lao Động.

(8) Văn kiện Đại hội đảng ; Báo cáo về việc sửa đổi điều lệ đảng của Lê-Đức-Thọ xuất bản Sự Thật, Hà-Nội 1960.

đi dự Đại hội toàn đảng và học tập trước các chỉ thị. Cuối cùng, Đại hội toàn đảng khai mạc ngày 5-9-1960 với 576 đại biểu tham dự. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào Cộng sản ở Đông Dương, danh sách các lãnh tụ được công bố, với Ban chấp hành trung ương gồm 43 ủy viên chính thức và 28 ủy viên dự khuyết. Trong Ban chấp hành đó lại cử ra Bộ Chính trị là cơ quan điều khiển tối cao của đảng với 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, và dưới Bộ Chính trị là Ban Bí thư với 7 nhân viên. (9)

Về phía bộ máy chính quyền, việc cải tạo bao gồm việc hủy bỏ hiến pháp cũ ban hành từ năm 1946 để thay bằng một hiến pháp mới, và việc bầu lại quốc hội riêng rẽ ở Bắc Việt. Thật ra, việc hủy bỏ hiến pháp 1946 đã được báo chí của đảng đề cập đến rất nhiều từ đầu năm 1959. Theo các tài liệu học tập đã công bố thì hiến pháp 1946 chỉ thích hợp với một xã hội tư sản mà không cho phép xây dựng một « Nhà nước xã hội chủ nghĩa », nói một cách khác là không cho phép thiết lập chế độ Cộng sản. Hiến pháp là luật căn bản, nay luật ấy không những không thích hợp, mà còn cản trở cho nên phải hủy bỏ và thay bằng hiến pháp khác (10). Bản hiến pháp mới, rập theo khuôn mẫu của hiến pháp Trung Cộng và giản lược đi, được chuyển cho quốc hội Bắc Việt Cộng-sản thông qua trong khóa họp thứ 17 từ ngày 18 đến 22-12-1959. Chín ngày sau, hiến pháp mới này được ban hành, kể từ 1-1-1960.

Quốc hội riêng rẽ của Bắc Việt Cộng sản cũng được bầu lại ngày 8-5-1960

để hợp thức hóa 362 đại biểu đã được trung ương đảng chọn lựa từ trước. Ngày 7-7-1960 quốc hội này khai mạc khóa họp đầu tiên. Ngày 15-7-1960 quốc hội này đã đề cử những người đứng đầu « Nhà nước xã hội chủ nghĩa » và những người đứng đầu các cơ cấu của bộ máy nhà nước. Đứng đầu nhà nước là một chủ tịch nước (Hồ-Chí-Minh) và một phó chủ tịch (Tôn-Đức-Thắng). Các cơ cấu nhà nước gồm có :

- Quốc hội, gồm 362 đại biểu, điều khiển bởi Ủy ban Thường vụ. Ủy ban này có 1 chủ tịch, 6 phó chủ tịch và 14 ủy viên.
- Hội đồng chính phủ, đứng đầu là 1 thủ tướng, kế đó là 5 phó thủ tướng, với 5 chủ nhiệm các văn phòng thuộc phủ thủ tướng ngang chức bộ trưởng (là các văn phòng: nông nghiệp, công nghiệp, tài chính thương nghiệp, nội chính, văn giáo) ; cùng 20 bộ trưởng và 6 chủ nhiệm ủy ban ngang

(9) Các ủy viên Bộ Chính trị là (xếp theo thứ bậc quan trọng) ; 1. Hồ-Chí-Minh, chủ tịch đảng ; 2. Lê-Duẩn, Bí thư thứ nhất ; 3. Trường-Chinh ; 4. Phạm - Văn - Đồng ; 5. Phạm-Hùng ; 6. Võ-Nguyên-Giáp ; 7. Lê-Đức-Thọ ; 8. Nguyễn-Chí-Thanh ; 9. Nguyễn-Duy-Trinh ; 10. Lê-Thanh-Nghị ; 11. Hoàng-Văn-Hoan ; Hai ủy viên dự khuyết ; 12. Trần-Quốc-Hoàn ; 13. Văn-Tiến-Dũng.

Các nhân viên Ban Bí thư là : 1. Lê-Duẩn ; 2. Phạm-Hùng ; 3. Lê-Đức-Thọ ; 4. Nguyễn-Chí-Thanh ; 5. Hoàng-Anh ; 6. Tố-Hữu ; 7. Lê-Văn-Lương, (Nhật báo Nhân Dân, 11-9-60).

(10) Nguyễn-Hiến-Nam : Hỏi và đáp về Hiến Pháp sửa đổi ; xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1959.

chức bộ trưởng (số thứ trưởng bổ nhiệm theo nhu cầu).

- Hội đồng quốc phòng với 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch và 6 uỷ viên.
- Viện kiểm soát nhân dân, đứng đầu là một viện trưởng,
- Tòa án tối cao, đứng đầu là một chánh án.

Bộ máy chiến tranh cũng được cải tạo từ căn bản. Từ năm 1945, quân đội dưới sự chỉ huy của Võ-Nguyên-Giáp (Tổng tư lệnh) trên nguyên tắc là một quân đội tình nguyện. Từ năm 1958, đảng và chính phủ Cộng sản bắt đầu cải biến chế độ tình nguyện tòng quân thành chế độ cưỡng bách tòng quân. Thoạt đầu, chế độ cưỡng bách thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi phải đi lính cho đảng, chỉ thi hành « thí nghiệm » tại tỉnh Vĩnh-Phúc, rồi sau đó lan rộng dần sang một số các tỉnh khác. Từ năm 1959, chế độ cưỡng bách thanh niên đi lính thi hành rộng khắp trên tất cả các tỉnh và thành phố ở toàn miền Bắc. (11) Tuy vậy, phải đợi đến ngày 15-4-1960 quốc hội Cộng sản Bắc Việt mới thông qua luật cưỡng bách tòng quân, gọi là « Luật nghĩa vụ quân sự ». Theo tổ chức mới, từ năm 1960, bộ máy chiến tranh của Bắc Việt Cộng sản gồm 4 thành phần : *quân đội thường trực* gồm những quân nhân tình nguyện và những thanh niên bị bắt đi lính, *quân đội hậu bị* gồm những quân nhân đã được giải ngũ (Bắc Việt gọi theo kiểu Trung Cộng là « phục viên ». có nghĩa là về với vườn ruộng) nay bị gọi huấn luyện trở lại và động viên tại chỗ ; các đơn vị *công an nhân dân vũ trang* ; và các

đơn vị *dân quân tự vệ* của các địa phương và các nông trường, công trường, xí nghiệp, hầm mỏ.

Cuộc cải tạo lớn nhất là cuộc cải tạo chế độ kinh tế, nhằm tiêu diệt những thành phần kinh tế nào bị coi là « không phải xã hội chủ nghĩa ». Điều 11 của bản Hiến pháp mới ban hành năm 1960 xác định rằng ở miền Bắc có 4 hình thức sở hữu chủ yếu. Đó là : 1) *sở hữu của nhà nước*, tức là của đảng và chính phủ ; 2) *sở hữu của hợp tác xã*, tức là của nông dân và thợ thủ công làm ăn tập thể nhưng do đảng và chính phủ quản lý ; 3) *sở hữu của người lao động riêng lẻ*, tức là của nông dân và thợ thủ công chưa đem tài sản và đồ nghề cùng vốn liếng vào hợp tác xã ; và 4) *sở hữu của tư bản*. Điều 11 của hiến pháp 1960 cũng lại xác định rõ ràng rằng hai hình thức sở hữu trên là những hình thức sở hữu thuộc về xã hội chủ nghĩa, và cần phải tận lực phát triển ; còn hai hình thức sở hữu sau tức là sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của tư bản, đều là những hình thức sở hữu mà xã hội chủ nghĩa không cho phép tồn tại cho nên phải mau chóng cải tạo, nghĩa là phải bị tiêu diệt. (12)

Đối với những nhà làm công nghệ và thương mại còn sót lại ở miền Bắc thì đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh cải tạo họ bằng cách bắt buộc họ phải đi dự những lớp học liên tiếp về

(11) Nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ quang vinh ; Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1959.

(12) Nguyễn-Hiến-Nam, như trên.

« cuộc đấu tranh giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ». Những lớp học tập « cải tạo công thương tư bản tư doanh » này được mở ra tại Hà-Nội và Hải-Phòng là hai thành phố lớn nhất miền Bắc và còn sót lại một số những nhà nông thương tư doanh, được mở ra từ ngày 15-4-1959. Đến ngày 13-8-1959, đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh chính thức lập ra một cơ quan gọi là « Văn phòng Cải tạo Công Thương nghiệp Tư bản Tư doanh ». Cơ quan này có nhiệm vụ giúp những nhà tư bản « đã giác ngộ về hai con đường » làm kiểm kê tài sản cho thật đúng để sửa soạn hiến dâng toàn bộ cho đảng và chính phủ. Vài ngày sau đó, nhà cầm quyền Cộng sản Hà Nội tuyên bố tiếp thu đợt đầu, tài sản của 145 nhà tư sản có xưởng thợ hoặc cửa tiệm buôn bán. Ngày 24-8-1959, lại thêm 1.200 nhà tư bản nữa được mời đến dự một buổi hội họp và để cùng ký vào một kiến nghị yêu cầu đảng và chính phủ hãy mau chóng tiếp thu tài sản của các nhà tư sản ấy hiến dâng. Ngày 5 tháng 6-1960, một ủy viên Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội báo cáo trước Hội đồng Thành phố rằng việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh tại Hà-Nội đã « căn bản hoàn thành » và 94 phần 100 cơ sở công nghiệp với 93 phần 100 cơ sở thương nghiệp tư bản tư doanh đã « trở thành những cơ sở kinh tế tư bản nhà nước » (13). Trong một cuộc hội nghị ngày 21-12-1960, viên thứ trưởng bộ công nghiệp nhẹ là Nguyễn-Văn-Thao đã tuyên bố rằng toàn thể 2.135 cơ sở công nghệ và thương mại tư doanh trên toàn miền

Bắc đã trở thành cơ sở kinh tế tư bản nhà nước, dưới hình thức gọi là « công tư hợp doanh ». Trước đó, ngày 7-9-1960, tại Đại hội đảng lần thứ 3, Nguyễn-Duy-Trinh đã báo cáo rằng tổng số tài sản của 2.135 cơ sở tư bản tư doanh mà đảng và chính phủ tiếp thu này trị giá 57 triệu đồng, căn cứ vào số tiền vốn mà những cơ sở ấy đã đăng ký (14).

Đối với nông dân, người làm nghề thủ công và người buôn gánh bán bưng, thì đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh « cải tạo » họ bằng cách cưỡng bách hợp tác hóa. Chính sách hợp tác hóa nông dân, lao động và tiểu thương ở miền Bắc Việt-Nam hoàn toàn rập theo khuôn mẫu của Trung Cộng đã thi hành ở lục địa Trung-Hoa từ năm 1956, chép đúng từ điều lệ qui định cho tới phương pháp tiến hành. (15) Việc hợp tác hóa thủ công nghiệp được coi là quan trọng hơn hợp tác hóa tiểu thương, nhưng quan trọng nhất là hợp tác hóa nông nghiệp.

Việc hợp tác hóa tiểu thương của đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh gặp nhiều khó khăn, vì lẽ cán bộ phụ trách chỉ nắm vững số tiểu thương có đăng ký ở các chợ tại các thành phố, thị

(13) Nhật báo Nhân Dân, 14-6-1960.

(14) Văn kiện Đại hội đảng: Báo cáo bổ sung của Nguyễn-Duy-Trinh về nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội, 1960.

(15) Trần-Lực (bút hiệu của Hồ-Chí-Minh): Nông nghiệp Trung quốc tiến bộ nhảy vọt; nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1959; Trần-Giang: Vài kinh nghiệm hợp tác hóa thủ công nghiệp ở Trung quốc; nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1959.

xã và thị trấn, nhưng không sao nắm được số người buôn bán ở vỉa hè thành phố hoặc quanh quán trong nông thôn. Tuy vậy, theo số liệu chính thức thì tính đến ngày 30-11-1960, đã có 101.147 người đem vốn liếng và công sức vào các tổ chức hợp tác của tiểu thương. Các tổ chức hợp tác của tiểu thương chia ra :

2.454 tổ mua riêng bán riêng, bao gồm 22.399 người,

1.139 tổ mua chung bán riêng, bao gồm 11.087 người,

6.052 tổ mua chung bán chung loại vừa, gồm 65.317 người,

46 tổ mua chung bán chung loại cao gồm 1.018 người,

45 tổ ủy thác cao cấp gồm 1.327 người,

Đến ngày 7-1-1961, chính phủ Hồ-Chí - Minh tuyên bố căn bản hoàn thành hợp tác hóa tiểu thương. Thông cáo mới đưa ra tổng số 226.082 người tiểu thương đã chịu hợp tác hóa, chia ra 78.628 người ở thành thị và 147.454 người ở nông thôn. Theo nghị quyết của đảng thì chủ yếu là phải đưa những người tiểu thương vào các tổ chức sản xuất, nhưng thực tế thì công tác này của đảng chưa có kết quả. Theo báo cáo của Nguyễn-Duy-Trinh

đọc tại Đại hội đảng thì tính đến giữa năm 1960 chỉ mới có 5,5 phần 100 tiểu thương được chuyển sang sản xuất.

Việc hợp tác hóa thủ công nghiệp tiến hành mau hơn so với tiểu thương. Cũng theo báo cáo của Nguyễn-Duy-Trinh thì tính đến tháng 6-1960 đã có 67,8 phần 100 thợ thủ công chuyên nghiệp chịu đem đồ nghề, tiền vốn và sức của mình vào các tổ chức hợp tác, trong đó các hợp tác xã chiếm tỷ lệ 44,2 phần 100. Sở dĩ việc hợp tác hóa thủ công nghiệp tiến hành được mau, một phần lớn là vì giới tiểu thương khá và trung nông khá ở nông thôn bỏ làng ra thành thị mượn bình thức hợp tác để tiếp tục việc làm ăn buôn bán. Mỗi người chỉ cần có chút tiền vốn bỏ vào tổ hoặc vào hợp tác xã và có bà con giới thiệu là chỉ trong vòng một tháng đã chính thức trở thành xã viên hợp tác xã may mặc, hoặc cắt tóc, hoặc chữa xe đạp, hoặc kim khí v.v... Như vậy, nông dân hoặc tiểu thương không được thoát ly sản xuất nông nghiệp và được sống ở thành thị, và thanh niên mới lớn lên khỏi bị cưỡng bách đi lao động sản xuất ở nông trường hoặc hầm mỏ.

(còn tiếp)

NHƯ-PHONG

Quý bạn yêu thơ hãy tìm đọc

Thi phẩm **DẠ THẢO LAN**

Lời ngỏ của KIM-TUẤN

Mẫu bla của THANH-HỒ

đọc các tài liệu của

LỰC-LƯỢNG QUỐC-GIA THỐNG-NHẤT

● ĐOÀN-THÊM

NHÂN dịp ra mắt quốc-dân ngày 12-7-64, Lực-Lượng Quốc-Gia Thống-Nhất có in và phát các bản *Tuyên-ngôn*, *Hiệu-triệu*, *Điều-lệ*, và *Chính-cương*.

Đối với người muốn nghiên cứu chính-trị và tìm hiểu các chính-đảng Việt-Nam, những văn-kiện kể trên rất đáng chú-trọng, thuộc vào loại tài-liệu cần-thiết, được chờ đợi từ lâu, nhưng tới nay mới thấy phổ biến lần đầu.

Bởi vậy, và thề lời yêu-cầu của một số bạn đọc, tôi xin phát biểu sau đây một vài ý-kiến, theo quan-điểm vô-tư của một công-dân vẫn đứng ngoài mọi đảng, nhưng sẵn lòng hoan nghênh các thiện-chí phục vụ xứ sở, nhất là khi thiện chí đó lại được xác định do những đoàn-thể đã nhiều thành-tích tranh đấu.

Lực-Lượng Quốc - Gia Thống-Nhất theo như danh-hiệu, không phải là một đảng, song là một tổ-chức bao gồm các đoàn-thể và cá-nhân yêu nước, không phân-biệt tuổi tác, nam nữ, đảng-phái, thành-phần xã-hội, (*điều 1 Điều lệ*). Nhận chân sự chia rẽ của các đảng, nỗi thất-vọng của quốc-dân, và nguy-cơ của đất nước, một số đảng và nhân-sĩ đã cố tìm những phương-thức hòa đồng để thực hiện sự đại-đoàn-kết, chung lưng góp sức mà cứu vãn tình-thế, không phải ở trong trong khuôn-khổ chật hẹp và ngán ngùi của một đại-hội quốc-dân, nhưng trên căn-bản rộng rãi và lâu bền của một tổ-chức sâu rộng. (*theo diễn-văn của ô. Tổng-Thơ-ký*). Mục-đích của Lực-Lượng, là huy-động mọi năng - lực tiến bộ để phụng sự Quốc - gia, tiến tới thống nhất lãnh-thô, tự-do dân-chủ, công - bằng xã - hội, tương-

thân tương-ái và tôn-trọng nhân-phẩm. Lực-lượng chủ trương chống Cộng-Sản, chống Thực-Dân, chống mọi âm - mưu Trung - Lập - Hóa miền Nam, chống mọi hình-thức độc-tài, xây dựng một nước Việt-Nam tự-do, dân-chủ thật sự.

(Tuyên-ngôn, Điều-lệ, và Chính-cương nhắc lại nhiều lần như vậy).

Về nguyên-tắc, kết thấy các điều đó rất phù-hợp với nguyện-vọng đồng-bào, cho nên gần như có tính-cách dĩ-nhiên. Hiện nay và sau đây, chắc không một chính sách nào nói khác, và mọi người yêu nước cũng không hề nghĩ khác.

Song vấn-đề then chốt là phải làm thế nào để đạt những mục-tiêu chung, ngay cả sự đoàn-kết? Chính ô. Tổng-Thư-Ký đã nhận thấy khó khăn, vì có thể đồng ý về chủ-trương, mà vẫn chống đối nhau về cách thực-hiện.

Nên đáng quan - tâm nhất, là những giải-pháp mà Lực-Lượng đưa ra, đối với mỗi vấn-đề trọng đại trong mọi lãnh - vực. Vậy xin lướt qua lý - thuyết mà sang phần thiết-thực, đề nhận xét kỹ hơn tổ-chức và chương-trình, song chỉ ghi những đặc - điểm nào gây thắc-mắc, cần được giải thích hoặc minh định mà thôi.

..

Về tổ-chức — Ban Chấp - hành Trung-Uơng của Lực-Lượng gồm có 8 Ủy-Viên :

Ngoại - giao, Tổ - chức, Tuyên - huấn, Tài-chánh, Thanh-niên, Xã-hội, Kiểm-tra, Kế-hoạch.

Song chương - trình hoạt - động của Lực - Lượng còn bao quát cả Nội-trị, Quân-sự Kinh-tế, Giáo-dục Văn-hóa : vậy thì ai phụ trách ?

Tại sao không đặt Ủy-Viên cho hợp với nhu - cầu của chương-trình? mỗi khu - vực phải có người hoặc ban chuyên - trách, như ở nhiều chánh-đảng nước ngoài ?

Nếu không có ủy-viên theo dõi và cứu xét các vấn-đề trọng-yếu ở mỗi phạm-vi, thì làm thế nào đi tới những giải-pháp cụ-thể, hợp thời và hợp-lý? Và ở trường-hợp được điều khiển hay kiểm soát chánh-quyền, lấy đâu ra người đặc-lực ?

Mỗi đảng lớn ở Âu-Mỹ, lúc nào cũng sẵn người đưa ra giữ hết các Bộ : Vì lúc nào những trưởng-ban hoặc ủy-viên của họ cũng phải nghiên cứu đề chuẩn bị lập-trường mà chinh phục dư-luận hoặc đảm nhiệm chánh-quyền.

..

Để hoạt động, Lực-Lượng có một Quỹ riêng gồm có :

« Nguyệt-Liễm của Hội-Viên đóng góp, định là 5đ

« Hoạt-động của tài-vụ

« Sự-ủng-hộ của hội-viên Lực-Lượng hoặc cảm-tình viên »

Điều 40 này của bản Điều-lệ, không được rõ nghĩa ; có lẽ muốn nói :

Quỹ gồm : tiền nguyệt-liễm...

— lợi-tức do hoạt-động của ban tài-vụ, như tiền quyền

— những tặng-khoản của hội-viên hoặc cảm-tình viên

Mỗi hội-viên sẽ góp 5đ hàng tháng : hội-viên ở đây dĩ-nhiên là cá-nhân.

Song mỗi đoàn-thề cũng là một Hội-Viên (điều 1). Vậy không lẽ mỗi Đảng gia nhập Lực-Lượng cũng chỉ đóng 5đ ?

Hay là các hội-viên riêng của mỗi Đảng gia-nhập đều phải đóng 5đ giúp Đảng đóng cho Lực-Lượng ? Chỉ ở trường-hợp này, Lực-Lượng mới có ngân-quỹ khá dồi dào, nhưng dù sao cũng cần định rõ.

..

Phản Chương-Trình — Chương-trình của Lực-Lượng tất không thể ấn định một cách chặt-chẽ theo đường lối riêng biệt của một đảng, nhưng phải rộng-rãi đề dung hòa nổi các khuynh-hướng trái ngược. Mà chiều ý được nhiều đoàn-thề khác nhau, chắc không phải là sự dễ-dàng : sau bao nhiêu va chạm, đòi hỏi, nhượng nhin, châm chước, mới đi tới một kết-quả chung. Nên khách bàng-quan cũng sẵn lòng thông-cảm nếu đôi khi thấy những điểm thiếu thuần-nhất vì cần chấp nối, cùng những điều hàm-hồ vì quá tổng-quát. Tỉ-dụ :

Kinh-tế Tài-chánh : phát triển nông-nghiệp, khuyến khích và canh-tân nghề mục-súc và ngư-nghiệp.
Xã-hội : giải quyết nạn thất-nghiệp.
Giáo-dục : gây tình thần trách-nhiệm

cho học-sinh và sinh-viên. *Văn-hóa* : kiến tạo một nền văn-nghệ thiết-thực và phục vụ quốc-gia dân-tộc...

Trái với nhiều bạn, tôi không phản nản rằng những điều kể trên đã được nghe quá nhiều lần; vì trong đời sống chung, có những việc mà bất-cứ chánh-phủ nào cũng phải gánh vác nên đều nhắc tới. Tôi chỉ mong ước những biện pháp gì cụ-thể, để đảm bảo kết-quả mà thôi.

Tôi không khỏi thắc-mắc, chính vì bên cạnh những điều giải thích thế nào cũng được, lại có nhiều khoản khá rõ-rệt, đáng ghi nhận, nhưng càng làm nổi bật tính-cách trừu-tượng của những nguyên-tắc đại-cương; như sau khi tán thành «sự phát-triển ngành giáo-dục thực-nghiệp và mở những lớp học tối», tôi càng băn-khoăn tự hỏi làm thế nào « tái võ trang tinh-thần tự-tín tự-lập, thổi mạnh một luồng sinh-khí mới... » ? Những điều như thế này có thể đặt trong một bản diễn-văn hô hào, khó nằm giữa một chương-trình, vì chương-trình phải thiết-thực. Đồng-bào sẽ vui mừng, khi thấy «xây dựng nhà cửa rẻ tiền cho dân nghèo, và dân lao-động»; song chắc có người muốn biết: hạn chế quyền tư-hữu, nhưng vì sao và theo cách gì «hạn chế nó về cả hai mặt lượng và phạm»; chẳng lẽ không cho phép tốt đẹp ? hay là chỉ dung thứ tốt đẹp đến một mức nào, và lấy gì đo phạm?...

Nhưng quan-trọng hơn cả, là phần Chánh-Trị đối nội. Ở đây, Lực-

Lượng bày tỏ với nhiều chi-tiết, những chính-điểm của một Hiến-Pháp tương-lai ; nếu tôi không lầm, đó là lập-trường mà Lực-Lượng cùng các đảng phái liên-hiệp trong khối sẽ bênh vực trong Hội-nghị Lập-hiến nay mai. Dưới đây, là những khoản đặc-biệt :

A — Hiến-pháp phải công nhận quyền đối-lập, lãnh tụ đối-lập được hưởng những quyền tương-tự quyền lãnh-tụ đối lập ở Anh.

Các Hiến-Pháp thường chỉ mặc nhiên thừa nhận quyền đối-lập, vì quyền đó tiềm-tàng trong tự-do tư-tưởng và tự-do ngôn-luận. Nay Lực-Lượng đòi xác định chính thức, để phòng ngừa độc-tài, và biến chuyển khối đối lập Chánh-phủ, thành một tổ-chức công-quyền:

Nếu theo gương nước Anh, thì Hiến-Pháp VN sau này sẽ coi Lãnh-tụ đối-lập là một nhân-viên công-quyền giữ chức-vụ đối-lập. Tại-Nghị-Viện Anh, khi lãnh-tụ đảng đa-số giữ ghế Thủ-Tướng, thì lãnh-tụ đảng thiểu-số được Anh-Hoàng phong làm « Lãnh-tụ khối đối-lập với Chánh-Phủ Hoàng-Gia »

Cố-nhiên, vị này cũng hưởng lương-bổng như Bộ-Trưởng, một điều hơi khó hiểu, vì muốn cầm đầu nhóm đối-lập ở Nghị-Viện, phải là nghị-sĩ và trong nhiệm-vụ này, đã có phụ-cấp hàng tháng.

B) — Công-quyền sẽ được tổ-chức theo chế-độ tứ-quyền :

1) — quyền Lập-Pháp thuộc một Quốc-hội gồm một Viện bầu theo

lối đầu phiếu phổ-thông, kín, trực-tiếp và tự-do.

2) — quyền Hành-Pháp thuộc một Tổng-Thống cũng do dân-chúng bầu cử như đối với Quốc-Hội.

Như vậy, sẽ lại như Tổng-Thống Chế ?

Không thấy nói gì đến Thủ-Tướng và Chính-Phủ. Nếu sau này Hiến-Pháp đặt một Thủ-Tướng và một Chánh-phủ chịu trách-nhiệm trước Quốc-Hội, thì mới khác chế-độ Tổng-Thống. Hiện nay chưa rõ Lực-Lượng tính sao ?

3) — quyền Tư-Pháp thuộc Tối-cao Pháp-đình gồm 7 thẩm-phán.

Pháp-đình đầu tiên do dân-chúng trực tiếp bầu như đối với Quốc-Hội và Tổng-Thống.

Vậy sẽ không còn bộ Tư - Pháp như bây giờ. Tối Cao pháp-đình sẽ như Supreme Court ở Hoa-Kỳ, Ấn-Độ, Hồi-Quốc, vv...

Nhưng trái với Hiến-Pháp nhiều nước, Tối - Cao Pháp-đình VN sẽ không giữ quyền bảo vệ Hiến-Pháp. Quyền này thuộc một cơ-quan thứ tư là viện Giám sát.

4) viện Giám-Sát sẽ do Lập-Pháp, Hành - Pháp và Tư-Pháp chỉ định, mỗi cơ-quan một phần ba, và cứ 3 năm thì thay đổi một phần ba.

Với nhiệm-vụ bảo hiến, Viện sẽ xét xử các quyết-định hành-chánh và các luật-lệ xem có hợp hay trái Hiến-Pháp.

Nhưng ngoài ra, Viện còn phải trừu tham-những, và nếu 3 cơ-quan

Lập-Pháp, Hành-Pháp hay Tư-Pháp không chịu trừng-phạt nhân-viên bị đàn-hạch, thì Viện sẽ đem vấn-đề ra trước dư luận cho quốc - dân phán đoán.

Lệ này có dễ áp dụng và có nên thi hành không ?

Đối với Quốc-Hội, thiết nghĩ không cần. Nghị-sĩ tất được hưởng quyền bất-khả xâm-phạm để làm tròn nhiệm-vụ, và Nghị-Viện phải có toàn-quyền quyết định xét xử hay khoan miễn. Nếu không tin ở đoàn-thể đại-diện dân, thì còn tin ai ?

Đối với Tư-Pháp, lại càng khó đề Viện Giám-Sát can thiệp. Thăm-phán, được đảm-bảo do quy-chế, chỉ có thể bị xử theo quy-chế, nghĩa là sẽ do Pháp-Viện Tối-Cao. Ở chế độ thường, khi có Bộ Tư-Pháp, họa chăng một số người còn ngại rằng nhân-viên Tư-Pháp được che đậy, nên việc làm bậy phải đem phơi trước công-chúng. Nhưng theo Lục-Lượng, sẽ chỉ có Pháp-Viện Tối-Cao, mà Pháp-Viện lại gồm những Thăm-Phán do dân bầu ra. Ở trường-hợp Pháp-Viện nhất định không trừng phạt, tất Pháp-Viện có những lý-do rất vững chắc, vì còn ai hiểu pháp-luật hơn Pháp-Viện ? Vậy khi Pháp-Viện thấy nhân-viên vô-tội, chúng ta khỏi tin ở sự vô-tư của Pháp-Viện. Còn nếu Viện Giám-Sát cứ đưa việc cho mọi giới bàn tán, tất sẽ xảy ra tranh luận công-khai giữa hai Cơ-quan lớn nhất trong nước, và tùy theo dư-luận ngã về bên nào, bên kia chỉ còn cách từ chức. Ai phải ai

trái, thì dân chúng cũng sẽ hoang mang, và vụ xung đột không khỏi gây rạn nứt cho cả chánh-thề.

Trong phạm-vi hành-chánh, rất nên đề Viện xem xét hành-vi của công-chức, và giúp Hành-Pháp chấn chỉnh hoặc cải thiện các cơ-quan. Nhưng cũng có thể suy luận như đối với Lập-Pháp và Tư-Pháp, nghĩa là phải tránh những sự mâu thuẫn quá lớn. Muốn vậy, nếu giao cho Viện nhiều quyền "điều-tra và hạch tội, thì Viện phải ngừng bước ở một giai-đoạn nào đó. Giám-sát là việc tối-yếu, duy cách thi hành quyền giám-sát cần được nghiên-cứu lại.

**

Tóm lại, và cũng theo điều 6-d, ba cơ-quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp bình-đẳng và độc-lập đối với nhau, và đều do dân-chúng cử ra.

Trên bình-diện lý-thuyết, không thể nào dân-chủ hơn. Nhưng trong thực-tế, nếu xảy ra xung đột, thì sẽ giải quyết ra sao ? Đối với các luật-gia chuyên-môn về lập-hiến, mối tương-quan và sự liên-lạc của các Quyền, là vấn-đề rất quan-trọng và nan-giải.

Nếu đã đặt một Quyền thứ 4, và giao quyền này cho đại-diện cả 3 Quyền khác, thì sao không đề Viện Giám-Sát làm trọng-tài tối cao ?

**

Trên đây, chỉ là những nhận xét khách-quan, không có dụng-ý phê-bình, vì trong lãnh-vực chính-trị,

và nhất là đối với chánh - đảng, còn phải biết rõ hoạt-động trong thực - tế, chớ không thể căn cứ vào tài - liệu mà phán đoán vội vàng, vì điều-lệ hay đảng-cương thường được áp dụng một cách co giãn (1)

Dẫu sao, nếu mục - tiêu thống nhất của Lực-Lượng có thể đạt, thì thật đáng mừng, trong lúc quốc-

dân đương lo ngại sự chia rẽ lực đực của nhiều đảng phái.

Đ.T.

(1) L'organisation des partis repose essentiellement sur des pratiques et des habitudes non-écrites; elle demeure presque entièrement coutumière. Les statuts et les règlements intérieurs ne décrivent jamais qu'une faible partie de la réalité... : car ils sont rarement appliqués de façon stricte. (Les partis politiques, M. Duverger)

Ai thân Mĩ ? Ai ghét Mĩ ?

Ai thù Nga ? Ai mơ Nga ?

đều không thể bỏ qua

PHI LẠC ĐẠI NÁO HOA KÌ

(tức Ngàn năm một thuở II)

của

HỒ-HỮU-TƯỜNG

HUỆ-MINH xuất bản

Giá 70 đ



Một ngày gần đây !!

PHI-CƠ PHẢN-LỰC
VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON.HONGKONG: 2 chuyến mỗi tuần
SAIGON.PHNOH PENH.BANGKOK: 3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*

PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRÁNH-LỆ NHÚT THỀ-GIỚI

★ NHANH-CHÓNG

★ ÊM-ÁI

★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

HỒI-GIÁO TRONG BUỔI SƠ-KHAI

● DOHAMIDE

(xin xem B.K. từ 181)

A-RAP, trung tâm điểm phát khởi Hồi-Giáo, là một lãnh thổ mênh mông sa mạc cát trắng, nối liền Châu Phi và Châu Á. Mấy chục năm gần đây, máy móc mới được đem vào, còn trước kia thì phương tiện vận chuyển chỉ có lạc đà. Nhiều ngọn núi sừng sững, dưới một sức nóng nung người gần như quanh năm, sông rạch khô cạn nhưng hể nơi nào có chút nước là có bóng cây xanh, nhất là cây chà là, một vài loại cây sản xuất đồ gia vị và con người tập trung quanh đó sinh sống. Một số bộ lạc nay đây mai đó với cuộc đời du mục.

MUHAMMAD, đấng khai sáng Hồi-Giáo, đã sanh trưởng trong khung cảnh kể trên, tại thành Mecca, vào khoảng năm 571 T.L. (nhiều tác giả phỏng chừng từ năm 567

đến 571 TL) mẹ tên Aminah. Cha của Muhammad tên Abdullah, thuộc gia đình được trọng vọng và cũng như phần nhiều cư dân thành Mecca thời bấy giờ, Abdullah thường theo những đoàn thương gia đến các vùng lân cận buôn bán. Nhân một trong những chuyến đi buôn này, Abdullah đã lâm bệnh và mất tại Yathrib. Muhammad ra đời một ít lâu sau đó nên không được thấy mặt cha. Vì khí hậu tại Mecca không hợp với trẻ con, nên Muhammad đã được gửi đến một bà mẹ nuôi tên Halimah sống ở vùng núi Ta-if và cho đến 5 năm sau, mới được giao lại mẹ, nhưng chỉ một ít lâu sau, nhân đi viếng mộ chông tại Ma-Đi-Nah (Medina), bà Aminah từ già cỗi trần. Muhammad được đưa về Mecca sống với Ông

nội là Abdal Mutalip ; tại đây, Muhammad được săn sóc đầy đủ, nhưng chỉ được hai năm thì ông nội cũng lại qua đời. Muhammad được người chú tên A-Bu Ta-Lip đem về nuôi dưỡng và hằng ngày đi theo người em chú bác tên A-Ly đi chăn trầu. Người ta không rõ Muhammad có được đi học hay không, nhưng có lẽ thời ấy, vẫn chưa có trường để mà học. Có tác giả quả quyết Muhammad không bao giờ được học viết hay đọc. Nhưng có điều chắc chắn là Muhammad đã được người chú dạy cưỡi ngựa bắn cung và sử dụng đao kiếm, để có thể theo được đoàn thương buôn, qua những sa mạc đầy bất trắc.

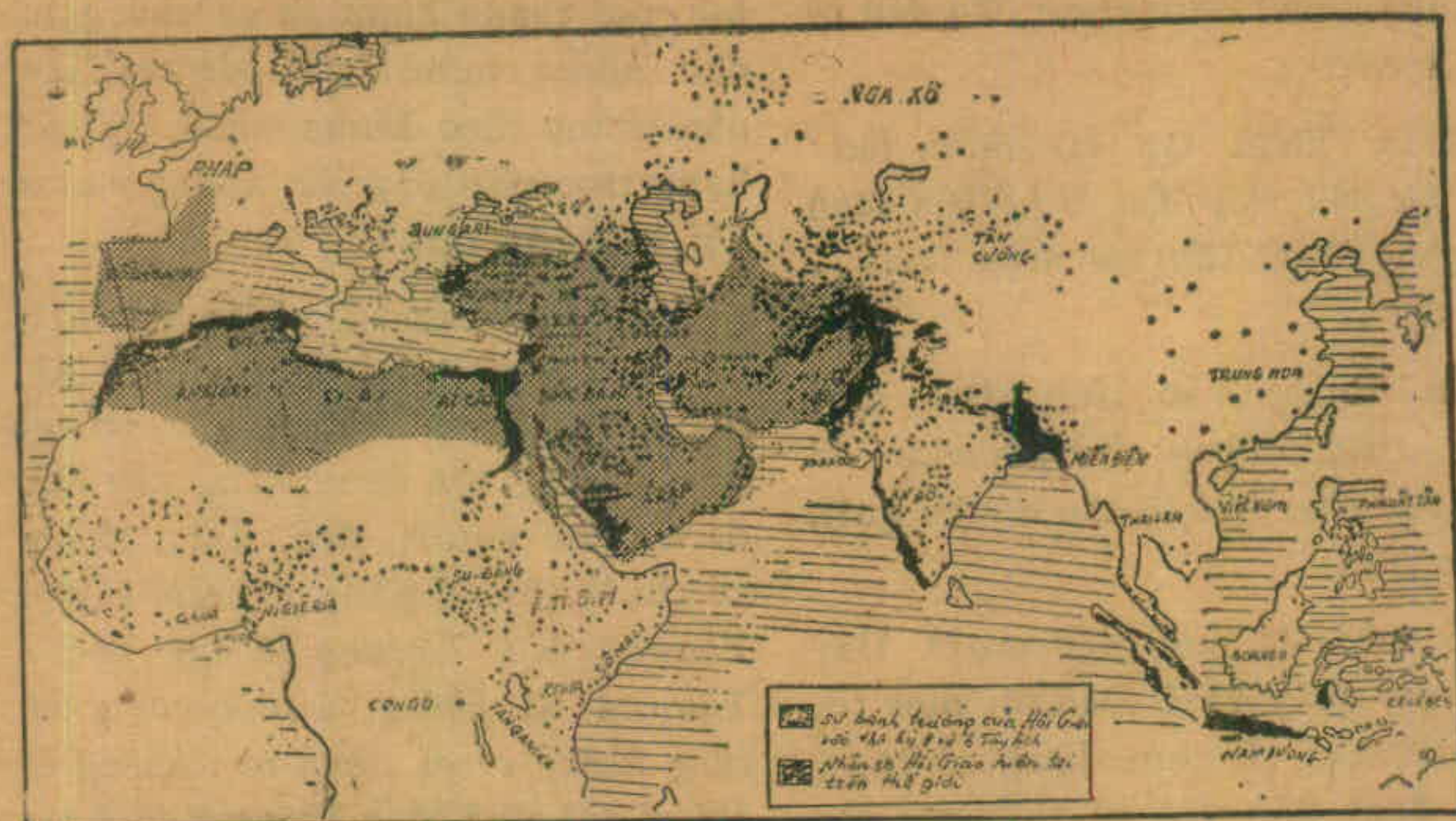
Năm 25 tuổi, theo lời khuyên của A-Bu Ta-Lip, Muhammad giúp một góa phụ tên Kho-Đi-Giah đôn đốc đoàn lạc đà vận tải hàng hóa đến Xy.Ri bán. Kho-Đi-Giah là một thương gia đảm đang và giàu có nhất ở Mecca thời bấy giờ. Sự hợp tác doanh thương này kéo dài một thời gian thì Muhammad cưới Kho-Đi-Giah làm vợ (lúc đó bà Kho-Đi-Giah đã 40 tuổi nhưng vẫn còn trẻ đẹp) và có được 6 đứa con gồm 4 gái 2 trai, nhưng những đứa trai đều mất sớm.

Sau này, Muhammad có cưới nhiều người vợ khác, nhưng chỉ có Kho-Đi-Giah, thuở sinh thời, đã giúp Muhammad rất nhiều trong việc đi tìm chân lý và tin tưởng buổi đầu.

Thành Mecca nằm trong thung

lũng hoang dã, đá lởm chởm, khí hậu gay gắt, nhưng các đoàn thương buôn từ các vùng Nam Á Rập thường tải các loại gia vị đi ngang đây để bán tại các thành phố Xy-Ri hoặc xa hơn nữa. Do đó, Mecca biến thành một trung tâm độc quyền thương mại giữa Ấn-Độ Dương và Địa-Trung-Hải. Ngoài ra, Mecca, còn là một cơ-sở tôn giáo trọng yếu, vì nơi đây có đền *Kaa-Bah* mà các bộ lạc A-Rập thời đó hết sức sùng bái. *Kaa-Bah* theo tiếng A-Rập là khối vuông ; thực tế, ngôi đền này giống một hình khối vuông, không nóc, bên trong có đặt hàng trăm tượng bụt, những thần linh của người dân A-Rập. Đặc biệt là trong một góc tường, có dựng một phiến đá màu đen. Theo tin tưởng của người A-Rập lúc đó, phiến đá này khi mới rơi từ Thiên Đàng xuống thì màu trắng, nhưng theo thời gian đã lần lần hóa đen, vì những kẻ tội lỗi thường đến quỳ phục, hôn phiến đá. Sát cạnh đền *Kaa-Bah*, có một cái giếng là giếng Zem-Zem. Muhammad vốn thuộc giòng *Co-Rết* phần lớn làm nghề thương buôn, nhưng có một Trưởng tộc giữ trọng trách chăm sóc đền *Kaa-Bah* này.

Người dân thành Mecca trước theo tà-giáo, thờ mặt trời, mặt trăng, các vì sao... và đặc biệt là các *Jinn* ẩn hiện trong các khối đá cùng cây cối. Dê, lạc đà được làm thịt và bày trên các bàn thờ, máu được rải lên mình kẻ mộ đạo, do đó, có người hy sinh cả đứa con để cúng thần,



Trong bầu không khí tấp nập của những người đến Mecca hành hương cùng buôn bán, chắc chắn Muhammad đã có dịp tiếp xúc nhiều hạng người như Do-Thái, Gia-Tô... và biết thêm nhiều việc. Chẳng hạn, đền Kaa-Bah chính là do con người đầu tiên trên trần thế là A-Đam kiến tạo, còn phiến đá đen thực sự không phải đã rơi từ Thiên Đàng mà lại do Thiên Thần Ji-Bro-Ên (Gabriel) đã mang xuống trao cho Ibrohim (Abraham) đặt tại vị trí định sẵn; ngoài ra, giếng Zem Zem chính là nguồn nước đã đột nhiên phun lên từ dưới đất, khi It-Ma-Ên (Ismael) và mẹ là Ha-Châr đang gần chết khát... Chắc chắn là Muhammad đã thấy những sự việc được kể lại đó rất mâu thuẫn với những truyền thuyết mà Muhammad được thiên hạ lập đi lập lại từ khi còn bé. Muhammad đã cố tìm một con đường.

Muhammad đi về phía Bắc Mecca, tại động Hi-Ra để suy tưởng và cầu nguyện. Có nhiều ngày, Muhammad đã không ăn uống, ban đêm thay vì ngủ thì lại đi lang thang trên cát. Muhammad đã được nghe những âm vang hết sức lạ lùng; lắm lúc mồ hôi ra như tắm, mặc dù trời đang lạnh.

Có một đêm nhằm hạ tuần tháng Ra-Ma-Đam trong khi đơn thân trong hang đá tại Hi-Ra, Muhammad bỗng thấy xuất hiện một sự lạ: đàng chân trời, có một bóng hình hết sức to lớn, có vẻ như một người, nhưng sáng chói hơn nhiều. Bóng hình ấy bắt đầu cử động về phía Muhammad mỗi lúc càng gần hơn; sau cùng, Muhammad nhận ra là một Thiên Thần đang cầm trên tay một tấm lụa, có nhiều chữ viết.

Lời của Thiên Thần: *Hãy đọc đi!*

Muhammad đáp gọn : *Ta đâu có biết đọc ?*

Thiên Thần lập lại nhiều lần : *Hãy đọc đi ! Hãy đọc đi ! Nhân danh Thượng đế đã cấu tạo muôn loài ... Hãy đọc ...*

Khi Muhammad tỉnh lại, mới nhận thấy những chữ kia như đã khắc vào tim, không còn có thể quên được nữa.

Có phải là một giấc mơ ? Hay ma quỷ quấy rầy ? Đầu rối như tơ, Muhammad cố chịu đựng những ý nghĩ đang đồn dập và thấy chỉ còn có cách nhảy xuống vực thẳm kết liễu cuộc đời. Nhưng vừa muốn thực hiện ý định thì như có một bàn tay giữ Muhammad lại ; thân người Muhammad rung lên và có tiếng nói văng vẳng : *Hỡi Muhammad, Ta là Ji-bro-ên, còn Muhammad chính là Ro-Xôn Olloh (Thiên Sứ).*

Về nhà, Muhammad đã thuật lại cho Kho-Đi-Giah nghe những sự việc đã xảy ra và Kho-Đi-Giah là người đầu tiên đã nhận tin Muhammad là Thiên sứ (*Nabi Ro-Xôn*), kế tiếp là Zêd, một người nô lệ đã được Muhammad giải thoát và xem như con ; sau đó đến phiên A-Ly, người em họ của Muhammad.

Lúc đầu, cư dân Mecca đã mỉa mai trước lập luận của Muhammad và cho là Muhammad điên. Nhưng khi Muhammad phá việc thờ tượng bụt, thì các Tù Trưởng Co-Rết cảm thấy bị động chạm, bèn hô hào dân chúng nổi lên chống đối. Một lẽ dễ hiểu, ngoài lý do tin tưởng, lúc đó kỹ nghệ nặn tượng

bụt rất thịnh hành và đã làm giàu cho nhiều người tại Mecca. Nếu dân chúng theo Muhammad, thì các hạng trọc phú này sẽ không có cơ hội kiếm ăn nữa.

Theo Muhammad, phiến đá đen dù sao cũng chỉ là một phiến đá, các hình tượng không giá trị gì hơn những vật dụng bằng cây hay đá do con người đẽo, đục, chẳng có chi là thiêng liêng cả. *Chỉ có một Thượng đế ! Thượng đế duy nhất ! Thượng đế không có sinh ra ai và cũng không có ai sanh ra ; không có chi có thể sánh bằng Thượng đế được (1) Allah sáng tạo muôn loài. Duy nhất, không có chi vượt qua nôi (2).*

Khi Muhammad giảng đạo, dân chúng đã hò hét đề che lấp tiếng và có lần, một cư dân đã liệng một cái nhàu con trừu lên mình Muhammad, trong khi Muhammad đang cầu nguyện tại đền Kaa-Bah.

Trước những khó khăn đó, Thiên Thần đã thường khuyên Muhammad cố gắng nhẫn nại, chịu đựng những gian khổ cũng như tất cả Na-Bi Ro-Xôn đã có trước Muhammad. Nhưng dù sao, Muhammad cũng được tộc đảng Ha-Chi-Mi do liên hệ huyết thông, che chở ; chỉ tội cho các nô lệ, giới không quyền thế, thường phải chịu bao nhiêu cực hình, đánh đập hoặc cho nằm trên những phiến đá, dưới trời nắng như thiêu. A-Bu Ba-Kar, môn đệ của Muhammad có lần đã thấy

(1) Cur-An, CXII

(2) Cur-An XIII. 17.

một người nô lệ da đen, mặc dù bị bắt nằm phơi nắng, không có một mảnh vải che thân, một khối đá đè trên ngực, nhưng miệng vẫn lập đi lập lại : *Chỉ có một ! Chỉ có một !* Abu Ba-Kar đã chuộc người nô lệ này và giải thoát cho y (3).

Phái *Co-Rét* chống Muhammad, cố bám lấy những lễ tục cổ truyền của ông cha và còn lập luận rằng những *Na-Bi Ro-Xôn* trước kia có những phép màu chứng minh tính cách xác thực của sứ mạng mình. I-Bro-Him (Abraham) đã không bị lửa cháy tiêu, Mu-Xa (Moise) đã hóa cây gậy thành con rắn, Y-Xa (Giê-Su) đã làm người chết phục sinh. Còn người, Muhammad, người nói được một Thiên Thần xuống viếng, người chẳng làm được một việc gì, cả đến việc gây nên một nguồn nước từ trong lòng đất (4).

Nhưng Muhammad đã không bao giờ tự xưng là Siêu nhân hoặc một nhà huyền thông ; Muhammad chỉ là một người thừa mệnh Trời thông báo chánh đạo cho nhân loại (5). Do đó, người Hồi Giáo chỉ kính mến và noi gương Muhammad chứ không bao giờ thờ phượng Muhammad.

Năm 620 T.L., Kho-Đi-Giah, người vợ yêu quý của Muhammad, qua đời, rồi đến lượt người chú là A-Bu Ta-Lip, người đã tận tình nuôi dưỡng và che chở Muhammad cũng lại từ giã cõi trần.

Muhammad đã thử đến hoạt động tại thành phố *Ta-if* nhưng không kết quả. Trên đường về,

Muhammad đã cảm hóa được một nhóm thần vô hình, nhân khi ngâm một đoạn kinh cầu dưới gốc cây chà là. Theo tin tưởng của người Hồi-Giáo sự kiện trên chứng tỏ rằng trong những giai đoạn khó khăn, trước đồng loại nhiều mê muội, Muhammad vẫn có những lực lượng vô hình bên cạnh, sẵn sàng nghe theo và làm hậu thuẫn cho Muhammad.

Khi trở về Mecca, Muhammad đã linh thị một chuyến dạ hành (*is-ra*) và thăng thiên (*mea-rad*) : Thiên Thần Ji-Bro-Ên đã hướng dẫn con lừa thiêng *Bo-Rắc* có cánh, đưa Muhammad đến Giê-ru-xa-lem và nường theo chiếc thang ánh sáng từ ngôi đền cổ *Bai-tol Mu-co-đét* lên đến chân Ngai Thượng Đế (6). Cuộc hiển thánh này về sau được người Hồi-Giáo tưởng niệm bằng một lễ đạo hàng năm, nhằm ngày 27 tháng *Ro-jăp* Hồi-lịch.

Trước phong trào chống đối của các bộ lạc A-rập tại Mecca, môn đệ của Muhammad cũng tích cực hoạt động và đã kết nạp được dân cư *Ya-thrip* ở Bắc Mecca. Vào khoảng 620 và 621 T.L., một vài người trong các thôn ấp này, nhân đi hành hương Mecca, đã lên đến

(3) Người này tên là Bi-lăl, có giọng nói rất thanh, nên sau đó được chọn làm viên chức chuyên kêu gọi tín đồ cầu nguyện hàng ngày tại Ma-Đi-nah và danh từ Bi-lăl từ đó thành một chức sắc trong các tập thể Hồi Giáo, chuyên việc trên.

(4) Cur-An, XVII, 92.

(5) Cur-An, XVII, 95 và VII, 188.

(6) Cur-An, xu-rat XXII.

diện kiến Muhammad và đã thề theo chánh đạo, chỉ thờ một Thượng đế, thề bài trừ trộm cắp, nói xấu và ngoại tình. Theo sự thỉnh mời của bọn người này, Muhammad đã cùng môn đệ lối 60 người, chia ra từng nhóm nhỏ, lên đường đi *Ya-thrip*.

Hay tin, bọn cầm quyền tại Mecca đã ra lệnh lùng bắt những người ra đi; Muhammad cùng A-Bu Ba-Kar đã phải trốn 3 ngày trong một hang đá ở núi Thour. Sau 7 ngày trời băng qua sa mạc, Muhammad đã đến làng *Cu-Ba* gần *Ya-thrip* vào ngày thứ hai, 12 tháng *Ro-bi* đệ nhất, nhằm ngày 20 tháng 9 năm 622 T.L. Thành phố này sau đó được gọi là *Ma-di-nah an Na-bi* tức Thành phố của Thiên sứ và cuộc ra đi kể trên, người A-rập gọi là *hij-roh* tức là chuyển bay, có ý nghĩa là một sự đoạn tuyệt đối với mối liên hệ cũ. Dưới thời U-Mar sau này, vào năm 638, cuộc ra đi kể trên thành khởi điểm của kỷ nguyên Hồi-Giáo, nhưng ngày khởi đầu không phải là ngày 12 *Ro-bi* mà là ngày đầu của tháng đầu tiên (*mu-ha-rom*) của năm này. Ngày thứ sáu mùng 1 *Mu-ha-rom* năm 1 Hồi-lịch nhằm ngày 16 tháng 7 Tây lịch.

Những người theo Muhammad, đến định cư tại *Ma-Đi-Nah*, gọi là *Mu-ha-ji-rin* đã hi-sinh cho tín ngưỡng; những của cải còn lại tại Mecca đều bị tịch thu cả. Tại *Ma-Đi-Nah*, họ phải tổ chức lại đời đời sống, gây thêm hậu thuẫn, đề có dịp trở lại Mecca.

Giai đoạn thánh chiến bắt đầu. Mùa Xuân năm 924 T. L., Muhammad đã hướng dẫn một đoàn quân 300 người, chặn đánh một đoàn thương buôn của tộc đảng *Co-Rét* dưới quyền điều khiển của A-Bu Xôf-Yan từ *Xy-ri* trở về. A-Bu Xôf-Yan được thông báo kịp thời, đã đổi lộ trình và kêu viện binh gồm cả ngàn lính chiến. Cuộc ác chiến đã xảy ra hết sức gay go, nhưng quân của Muhammad sau cùng vẫn nắm được thế chủ động.

Tại *Ma-Đi-Nah*, người Do-Thái lúc đầu có thiện cảm nhưng lần hồi cũng ra mặt chống đối Muhammad và đã tổ chức bắt tay với tộc đảng *Co-Rét* tại Mecca. Nhân vụ một người Hồi-Giáo bị giết trong một cuộc xô xát, các môn đệ Muhammad đã có lý do xác đáng và đã nổi lên đánh đuổi bọn người Do-Thái lùi về phía Bắc.

Việc đoạn tuyệt với phe Do Thái có hậu quả nghiêm trọng trong tiến trình của Hồi - Giáo. Nguyên từ trước, các tín đồ Hồi-Giáo khi cầu nguyện đều hướng về Giê-ru-xa-lem tức là về phía Đền Thánh *Bai-tul-muco-dét*. Vào khoảng tháng 2 năm 624 T.L., trong khi các tín đồ đang cầu nguyện tại *Cuba* thì một liên-lạc-viên đền thông báo cho biết là Thượng đế vừa phán truyền kể từ nay phải hướng về đền *Kaa - Bah* mà cầu nguyện; *Kaa-Bah* là căn nhà Allah đã do Nabi I-Brohim kiến tạo. Tức thì các tín đồ đồng đổi hướng *ki-blát* (7)

(7) *Cur-An*, Xu-rat II, 119-123, 136

Một thời gian khá lâu, Muhammad vẫn liên kết với người theo đạo Gia-Tô, nhưng sau đó, đã phải tách rời ra và đi con đường riêng của mình. Thánh kinh *Cur-an* luôn luôn dành cho Giê-Su những chức vụ như *Sứ-Giả*, *Thiên đạo*... nhưng lại không đồng ý ở danh từ *Chúa Cứu Thế*... Muhammad đã trách người Gia - Tô « quên » những lời phán truyền của Thượng-đế và thay vì ngưỡng mộ Giê-Su như là một *Sứ-Giả* của Thượng-đế, tôi thân của Chúa thì trái lại đã gán cho Thượng-đế một đứa con, tạo thành 3 ngôi (8).

Nhưng quan trọng vẫn là việc đối phó với tộc đảng *Co-Rét* từ Mecca đến. Năm 625 T.L., lời 3000 quân *Co-Rét* đã tiến đánh quân Hồi Giáo tại *Ma-Đi-Nah*. Vì sự sơ xuất của một cánh quân không tuân lệnh Muhammad giữ thành, lại cứ xông bừa về phía địch quân, nên quân Hồi-Giáo đã bị chết rất nhiều.

Năm 627, quân *Co-Rét* lại tiến đánh, nhưng quân Hồi-Giáo cho đào hào quanh thành và cho quân võ trang cung tên phòng thủ, nên địch không thể vào được.

Nhiều cuộc thương-thuyết đã diễn ra và đã đi đến một thỏa-hiệp, thuận cho người Hồi-Giáo đến hành hương tại Mecca. Do đó, năm VII Hồi lịch (629 T.L.), Muhammad đã cùng môn đệ đi viếng Thánh địa Mecca và ngược lại, A-Bu Xôf-Yan, trở thành nhạc phụ của Muhammad, cũng đã đến *Ma-Đi-Nah* thăm con.

Tháng Ra-ma-đan năm VIII H. L. (I-630 T.L), mười ngàn quân Hồi-Giáo võ trang đã ồ ạt tiến về hướng Thánh địa. Lãnh tụ A-Bu Xôf - Yan bị bắt và sau đó, đã tuyên bố phủ nhận đa thần giáo. Muhammad tiến vào Mecca xô ngã tất cả bụt tượng tại đền *Kaa-Bah* và một tay cầm vòng khoen vàng cửa đền, Muhammad đã tuyên bố ân xá mọi kẻ tội lỗi.

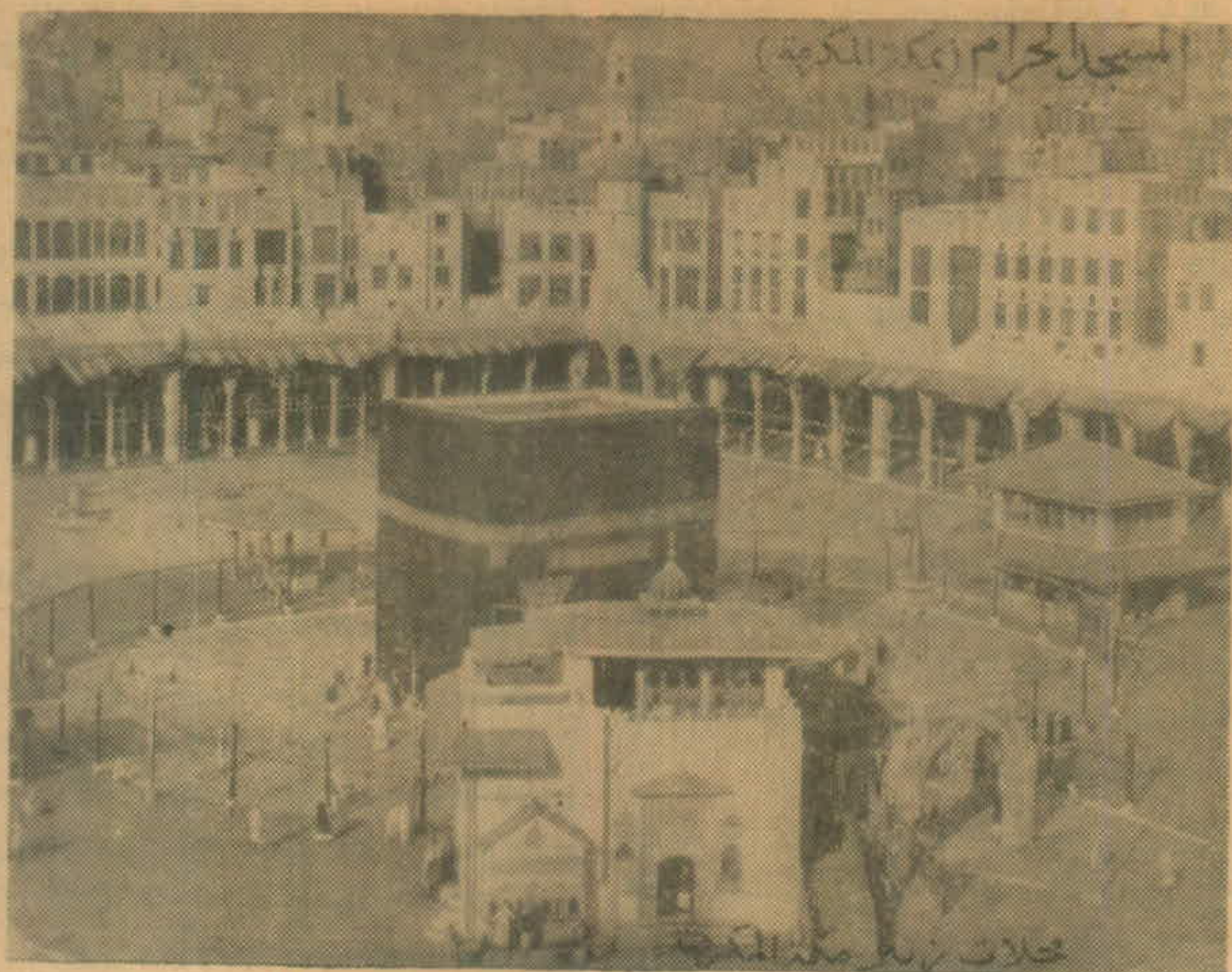
Nhiều thỏa-ước tiếp đó đã được ký kết với các bộ-lạc lân cận.

Năm XI H.L (631 T.L), A-Bu Ba-Kar đã điều khiển một cuộc hành hương đến Mecca ; nhân dịp này và chiếu theo lời phán truyền mới nhất của Allah, đa thần giáo bị cấm hẳn.

Qua năm sau, Muhammad đã đích thân, cùng 90 ngàn tín đồ thực hiện những lễ đạo tại Thánh địa. Những lễ đạo này sau đó được noi theo mãi mãi : mặc y phục *eh-rom*, đi bộ 7 vòng quanh đền *Kaa-Bah*, tưởng niệm trước hòn đá đen, chạy từ núi *Kgo-Pha* đến *Mor-Wah*, nhắc lại hình ảnh Ha-Châp và It-Ma-Ên, cặng lều dưới chân núi *A-Ra-Pha*, tuyên thệ trên núi *Á-Ra-Pha*, nơi A-Đam và Ha-Vơ (Eve) tái hợp rồi đến chập tối, xuống *Moz-Đa-Li-Pha*, ném đá tại 3 trụ g. i là *Âây-Tanh*, giết trư, lạc đà tại *Mi-Na*, cắt tóc, cắt móng tay, và sau cùng viếng các Thánh Địa.

Cuộc hành hương kể trên là cuộc hành hương già biệt. Lần này,

(8) *Cur-an*, Xu-rat IV, 169; V, 76, 77, 116



Đền thờ Kaa-Bah tại Mecca

tại núi A-Ra-Pha, Muhammad đã kêu gọi người dân A-Rập đoàn kết trong tình Hồi-Giáo, đồng thời đã minh - định nghĩa - vụ vợ chồng, cấm cho vay và báo thù cùng ấn định một năm 12 tháng theo vận chuyển của mặt trăng.

Trở về Ma-Đi-Nah, Muhammad lâm bệnh và mất vào ngày thứ hai 13 tháng Ro-Bi năm XI H.L. nhằm 8 tháng 6 năm 632 T.L.

Dân tâm có vẻ hơi rung động, khi nghe tin Muhammad từ trần; A-Bu Ba-Kar đã phải trấn tĩnh mọi người: « Nếu các người ngưỡng mộ Muhammad thì hãy biết cho rằng Muhammad đã chết rồi, nhưng nếu các người tôn thờ

Thượng đế (Allah) thì hãy vững tin rằng Thượng đế vẫn còn ». Và nền Đạo Islam tiếp tục gieo ánh sáng.

Vấn đề được đặt ra là vấn đề chọn cử người kế nghiệp Muhammad. Muhammad không có con trai và cũng không chỉ định sẵn người nào cả. Sau nhiều cuộc bàn cãi, A-Bu Ba-Kar được chọn và đã thi hành sứ mạng được hai năm, đánh Nam dẹp Bắc, quân bình tình thế.

A-Bu Ba-Kar mất năm 634 T.L. đã chỉ định U-Mar lên thay; U-Mar quyết liệt hơn, đã xua quân đánh chiếm chinh phục nhiều nơi và đã qua đời năm 644 T.L.

Ốt-Xa-Man lên kế nghiệp, có vẻ mềm mỏng hơn, khiến có sự chia rẽ trong hàng ngũ và đã bị ám hại năm 656 T.L. A-Ly tiếp tục sứ mạng trong 5 năm, phải đối phó nhiều cuộc chiến, nhưng cũng bị ám hại năm 661 T.L.

Mô-U-Ya con của A-Bu-Xôf-Yan nắm lấy quyền hành và biến vương quyền Hồi-Giáo (*kho-li-phah*) thành chế độ quân chủ thế tập, đóng đô tại Damas, nhưng sau đó đã bị phe El Ab-Bas, vai chú bác của Muhammad đánh bại.

Mặc dù có những tranh chấp chia rẽ kể trên, các đoàn quân Hồi-Giáo vẫn tiếp tục tiến chiếm lãnh thổ, tiến chiếm lòng người. Nhiều địa phương đã tiếp đón các Đoàn quân Hồi-Giáo một cách nồng nhiệt. Từ các xứ A-Rập lân cận, các đoàn quân A-Rập đã vượt châu Phi, đến tận Tây Âu, nhưng đã phải thối lui năm 732 T.L. tại Pháp, trước đoàn quân dũng mãnh của Charles Martel trong trận chiến diễn ra ác liệt tại Poitiers.

Tại Y-Pha-Nho, quân Hồi-Giáo đã lưu lại nhiều di tích lịch sử; một vương quyền Hồi-Giáo được thiết

lập tại Cordoue thuộc dòng Ô-mây-yat tồn tại đến năm 1.031 T.L.

* *

Trong buổi đầu, sự phát triển lớn mạnh của Hồi-Giáo dựa vào tình trạng hỗn độn của vùng Địa Trung-Hải và nhất là tài thao lược và sự hăng say của các đội quân A-Rập. Nhưng về lâu dài sự phát triển đó chính là do tinh thần Hồi-Giáo, do chính bản chất của lời kêu gọi về với chánh đạo, về với Allah, những lời gọi đàn, vừa giản dị vừa sáng sủa vừa quả quyết đã đảm bảo sự nhứt trí của Hồi-Giáo suốt mười ba thế kỷ nay. Hồi-Giáo không chỉ là một tôn giáo có tánh cách tín điều, Hồi Giáo còn là một lẽ lối sống, gắn bó trong tư tưởng và định hướng hành động.

Dưới quyền lãnh đạo tinh thần của Muhammad *Na-Bi Ro-Xôn* trong ngày qua và cho mãi về sau, Hồi-Giáo kết tinh một thứ tình huynh đệ vượt qua mọi ngăn cách chủng tộc và quốc gia, với lý tưởng kết hợp nhân loại trong nỗ lực thừa mệnh Trời, thực hiện công bằng và bác ái.

DOHAMIDE

Muốn tìm hiểu sâu đạo Phật hãy đọc .

KINH VIÊN GIÁC

Bộ kinh cao qui nhất trong kho tàng kinh-luận của đạo Phật — Bản dịch Việt-văn của cụ Huyền Cơ — Bản dịch Hán-văn của giáo sư Tuệ-Quang — Tựa của Thượng-tọa Thích-Tâm-Châu.

phát hành tại : Chùa Giác - Minh 578, Phan - Thanh - Giản — Saigon.
 Chùa Ấn - Quang 243, Sư - Vạn - Hạnh — Saigon
 Chùa Long-Vĩnh 391, Trương-Minh-Giảng — Saigon
 Nhà sách **KHAI-TRI** 62 đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 21.902 — 3 Lignes
135 *Đài-lộ Nguyễn - Huệ*
(Immeuble TAX)
Téléphone : 22.797 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba : (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco de Atlántico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Biện-chứng-pháp và thực-tại nhân-linh

● TRẦN-HƯƠNG-TỬ

CHÚNG ta đã bắt đầu quen với danh-từ « khoa-học nhân-văn », tức loại khoa học nghiên cứu về cái sinh hoạt đặc-loại của con người, xét như con người là « linh ư vạn vật » mà thôi, không nghiên cứu về con người theo những chiều hướng khác. Vì thế, các khoa như Văn-học-sử, Tâm-lý-học, Luận-lý-học, Xã-hội-học, Sử-học, Triết-học đều chung nhau cái tên khoa-học nhân-văn, trong khi đó các khoa-học như Y-học và Cồ-sinh-vật-học lại không thể gọi là nhân-văn, mặc dầu chúng nghiên cứu về sinh hoạt và biến-thái của giống người. Xem thế, chữ nhân-văn có một nội dung vừa hẹp vừa rõ rệt hơn chữ con người : nội dung này có thể chính là cái nhân-linh. Thực-tại nhân-linh bao gồm tất cả về phong-phú và uyên-chuyên của sinh-hoạt tinh thần con người theo chiều ngang và chiều dọc, chiều hiện-sinh và chiều lịch-sử chuyển-tiến.

Còn Biện chứng pháp là gì? Cuốn *Danh-từ triết-học* của Lalande cho chúng ta bốn năm định nghĩa, rồi kết luận : Chữ Biện chứng pháp có nhiều nghĩa khác nhau quá, cho nên mỗi khi dùng, người ta phải nói rõ muốn dùng theo nghĩa nào ». Như thế đủ biết danh-từ này rất phức tạp. Thực là kỳ khôi ! đáng lẽ một danh-từ phải tự nó nói lên ý nghĩa của nó, chớ sao lại cần phải giải thích xem nó có nghĩa thế này hay nghĩa thế kia ? Nhưng sự thực là thế : danh từ Biện chứng pháp đã có nhiều nghĩa rất khác nhau dưới ngòi bút của Platon, Aristote, Kant, Hegel và Karl Marx. Ấy là chưa nói đến những nghĩa mà các triết gia hiện đại, như Sartre và Gurvitch gán cho nó. Platon coi Biện chứng pháp là nghệ thuật của đối-thoại, nhờ đó người ta có thể đi từ quan niệm này sang quan niệm khác, từ những tri thức đặc-thù tới những tri-thức phổ quát nhất, và như vậy

có thể càng ngày càng gần với những quan niệm tuyệt đối mà ông thường gọi là các Linh-tượng. Còn Aristote thì lại hạ giá, không đề cao Biện chứng pháp như Platon : đối với Aristote, Biện chứng pháp không có giá trị chứng minh như Phân-tích-pháp, nhưng chỉ dẫn tới những kết-luận cái-nhiên (probables) mà thôi. Kant còn hạ uy tín của Biện chứng pháp hơn nữa : ông gọi nó là « luận-lý của cái mơ-hồ » (logique de l'apparence), và ai cũng biết ông đã dành phần Biện chứng pháp siêu-nghiệm để bàn về những đối tượng mà ta không thể có tri-thức chắc chắn, nghĩa là không thể có tri-thức kiểu tri - thức của khoa - học thực-nghiệm : linh hồn, vũ - trụ và Thượng-đế. Nhưng đến Hegel, thì Biện chứng pháp lại được đề cao hết sức đến nỗi được coi là định luật căn-bản của tiến.hóa và coi như là bản-chất của sinh-hoạt tinh-thần. Sự tiến hóa của tinh-thần luôn diễn tiến theo nhịp ba : chính-đề, phản-đề và tổng-đề. Nhờ nhịp diễn-tiến này, tinh thần có thể thấu nhận tất cả 3 vũ-trụ (tức 3 loại đối-tượng : vũ-trụ khả-giác, tức thiên-nhiên — vũ-trụ khả tri, tức tất cả những gì là hữu - lý, là khoa - học, — vũ - trụ tinh - thần, tức các giá-trị tinh thần như Chân Thiện Mỹ, Thiện Ác); sau khi thấu nhận tất cả vào trong mình như thế rồi, tinh-thần (tức tâm trí con người) tự nhận là Tinh-thần tuyệt-đối, giống như Đại Ngã trong đạo Ba-la-môn : chỉ mình tinh - thần là có thực, còn vũ-trụ là một nấc tiến của tinh thần. Ngược lại, Karl Marx coi vũ-trụ

vật chất là tất cả, và tinh thần chẳng qua chỉ là một ảo ảnh, một phù-tượng (épiphénomène) của vật chất. Nhân đó, Hegel được coi là triết-gia duy-tâm, và Marx là duy-vật. Sở dĩ thuyết Duy-vật của Marx có cái tên « Duy-vật biện-chứng » cũng chỉ vì Marx không chủ-trương Duy-vật tuyệt đối và ngây thơ như Démocrite và Helvétius, nhưng công nhận có sự diễn-tiến nhịp ba như Hegel; khác một điều căn bản là : nơi mỗi nhịp ba, Hegel đặt tinh thần làm chính đề và tổng đề, còn Marx lại đặt vật-chất là chính-đề và tổng đề. Như vậy, đối với Marx, tinh thần đóng vai một đối-tượng huyền-ảo, như vũ-trụ đã đóng vai ảo-ảnh trong hệ-thống Hegel.

Dẫu sao Hegel và Marx đã trả lại địa vị vững vàng cho Biện chứng pháp. Địa vị này càng ngày càng trở nên quan trọng và càng có vẻ chắc chắn. Ngày xưa Platon muốn viết trên cửa Hàn-lâm-viện, nơi ông dạy triết câu này : « Ai không giỏi toán xin đừng vào đây ». Ngày nay, G. Gurvitch đề-nghị viết trên mặt tiền các Trường Đại-Học Nhân-văn câu này : « Ai không thạo Biện chứng pháp, xin đừng vào đây » (Gurvitch, *Dialectique et Sociologie*, Flammarion 1962, p.9 : « Nul n'entre ici s'il n'est dialecticien »). Tại sao ngày nay các triết-gia và các nhà xã-hội-học lại nhận cho Biện chứng pháp một tầm quan trọng như thế ? Tại sao giới thanh niên sinh-viên lại ham nghe trình bày và tranh luận về Biện chứng pháp

đến nổi một buổi tranh luận về Biện chứng pháp giữa Sartre và Garaudy đã lôi cuốn 6.000 thanh niên tới dự ? (Buổi tranh luận này diễn ra ở Paris ngày 7 tháng 12 năm 1961, giữa Sartre và Hyppolite một bên, và Garaudy với J.P. Vigier một bên. Sartre và Hyppolite có khuynh hướng Hegel khá rõ rệt, còn Garaudy và Vigier là đồ đệ Karl Marx. Coi *Marxisme et Existentialisme. Controverse sur la dialectique*. Plon 1962).

Chúng ta vừa đặt câu hỏi : « Tại sao các khoa-học nhân-văn ngày nay coi trọng Biện chứng pháp đến thế ? », và chúng ta vẫn chưa trả lời. Thực ra câu trả lời phải để lại cho sau này, khi mà chúng ta đã hiểu Biện chứng pháp là gì. Tuy nhiên, để chúng ta có tạm một quan niệm tổng quát khả dĩ dặt đưa chúng ta vào lãnh vực quá uyển chuyển của Biện chứng pháp, chúng ta nên nhìn vào lịch-sử văn-học thế giới để rút ra vài nhận định quan trọng sau đây : người xưa coi Nước, Lửa, Đất, Khí là những nguyên-tố biệt loại; ngày nay chúng ta nhờ khoa-học nhận ra rằng Nước với Lửa không biệt nhau và không nghịch nhau như người ta nghĩ, vì chất Ô-xi (Oxigène) là bản-chất của lửa, cũng là nửa bản-thân của nước (H^2O). Như vậy trong nước có lửa và trong lửa có cái gì của nước. Đáng khác, thừa đầu người ta đã có những quan niệm quá tuyệt đối và quá đóng khung về tri thức : Platon, Aristote, Kant đều quan niệm theo phạm trù, nghĩa là theo những khuôn khổ

cứng nhắc. Chẳng hạn trong hệ-thống tư-tưởng của Platon thì Bé, Lớn, Động, Tĩnh v.v... là những cái tuyệt đối phân minh như Hai, Ba, Bốn, Năm của số học ở bậc tiểu-học. Theo Platon, Bé chỉ có thể là bé, và Lớn chỉ có thể là lớn ; Bé không thể lớn và Lớn không thể bé. Cũng như đối với Số-học, Ba không thể là Hai. Cái tai hại là Platon đã lấy luật tư-tưởng làm luật cho thực-tại, và nếu thực-tại không đúng với tư-tưởng thì ông nhất định cho rằng thực-tại sai, chớ không nhận là ông tư-tưởng sai ; vì thế ông phủ nhận biến dịch, mặc dầu biến dịch là hiện tượng hiển nhiên và phổ quát của vũ-trụ. Trong trời đất có cái gì đứng yên đâu ? Mọi sự đều chuyển biến: cây cỏ mọc cao lên, đứa trẻ lớn lên, con sông rộng ra, hòn núi già đi, tất cả vũ-trụ vạn vật luôn chuyển mình trong biến dịch, vậy mà Platon cứ khẳng một mực quyết rằng : « Cái Động mà tĩnh, thì nó tự mâu thuẫn với mình, cũng như cái Bé mà lớn lên thì nó tự mâu thuẫn và không còn là chính mình nó nữa ». Hệ-thống tư tưởng của Platon là điển hình những cách suy-tưởng xa thực tại, không phản ánh được tính chất phức-tạp và uyển-chuyển của thực-tế. — Những quan niệm triết-học của thời xưa như Lớn, Bé, Động, Tĩnh không diễn-tả được thực-tại là cái luôn chuyển mình từ Bé sang Lớn và từ Lớn sang Bé, cũng như từ Động sang Tĩnh và từ Tĩnh sang Động, thì những quan-niệm toán học cổ sơ cũng không còn đủ khả năng để diễn đạt những công thức

của Cơ-học và Vật-lý-học ngày nay. Số học chỉ cho ta những khuôn-khổ cứng nhắc : hai, ba, bốn, năm v.v. Phải chờ Đại-số học, chúng ta mới có những lượng-thể có khả-năng biến-chuyển : $ax + b$, trong đó a có thể là 3, là 12, là một triệu, và cũng có thể là số không, là -7, là -12 ; và b cũng thế : thành thử giá trị của x cũng tùy đó mà biến đổi. Hơn nữa với những hàm-số, chúng ta có thể diễn đạt sự *chuyển động* của một điểm trên một tuyến v.v.

Tóm lại, những quan niệm tuyệt đối của Platon, cũng như những « ý-tưởng rõ ràng và phân minh » của Descartes, không những không đi sát với thực-tại, mà còn không diễn đạt nổi thực tại : thực tại thì linh-động và uyển chuyển, còn những quan niệm kia thì cứng nhắc và cắt ra từng đoạn. Heidegger ví những phạm-trù và quan-niệm cứng nhắc này với đất rắn, làm cho con cá tư-tưởng hết thể bơi lội vẫy vùng (Heidegger, *Lettre sur l'Humanisme*, p. 31).

Vậy cần phải trở lại với thực-tại.

Thực-tại nào ? Thực-tại mà ta đang sống và đang đối diện với. Nhưng chính đây là vấn đề nan giải : sao cũng một thực - tại mà nhiều người lại thấy khác nhau ? Tất nhiên thực - tại chỉ có thể là thực - tại mà ta biết và ta nói đến, nhưng tri - thức của ta về thực tại đó do vật-thể đối-tượng định đoạt, hay do quan-niệm tiên-thiên ? Nói cách khác, Duy-vật có lý hay Duy-tâm có lý ? Đó là mọi

tranh luận muôn thừa giữa hai khuynh hướng Duy-tâm và Duy-vật, Duy-linh và Duy-nghiệm, Duy chủ-thể và Duy khách-thể. Ngày nay mỗi tranh luận này gần như đã được thông qua, bởi vì cái nét đậm nhất của triết-học hiện đại là nhấn mạnh lên tính-chất *toàn-thể* (la *totalité*). Cho nên triết hiện-sinh cũng như triết Mác-xít, triết học Gabriel Marcel cũng như triết học Heidegger, đều đáng gọi là *triết-học về những toàn-thể* (philosophie des *totalités*) : họ hoàn toàn đồng ý với nhau đề lên án Duy-tâm và Duy-nghiệm, Duy chủ-thể và Duy khách-thể, mặc dầu lập trường của mỗi nhóm vẫn khuynh hướng về một phía; chẳng hạn nhóm Mác-xít vẫn dành phần quan-trọng hơn cho vật-thể, mặc dầu họ không tuyệt đối phủ nhận tinh-thần, trong khi đó thì nhóm Hegel vẫn dành phần hơn cho tinh thần và phần nào miệt thị vai trò của vật chất. Chẳng hạn Sartre, mặc dầu theo hiện-tượng-học và chủ-trương thuyết toàn-thể, nhưng triết của ông vẫn sặc mùi duy-tâm của Hegel; và đối thủ của ông là Garaudy, mặc dầu đã tỏ ra cởi mở và đã bỏ được nhiều cái cực đoan của thuyết Mác-xít, nhưng vẫn lộ nguyên hình một đồ đệ của « Duy-vật biện-chứng ».

..

Đến đây, chúng ta đã có thể trả lời câu hỏi trên kia : « Tại sao Biện chứng pháp lại được các triết-gia ngày nay đề cao như thế ? » Câu trả lời đã nằm sẵn trong kinh nghiệm

mà chúng ta vừa cùng với các triết-gia hiện-đại nhận ra nơi thực-tại. Thực-tại nhân-linh là một cái gì vô cùng *biến-động*, cũng như thực-tại của vũ-trụ là một cái gì luôn luôn *tiến-hóa*; đã vậy, cách tri-thức bằng quan-niệm không thể dùng vào công cuộc nghiên-cứu của triết-gia và nhà xã-hội-học ngày nay nữa. Họ cần dùng một phương pháp mới: đó là biện chứng pháp.

Ngày xưa, người ta đã có những quan niệm đứt đoạn và có chu-vi rõ rệt, hoàn toàn độc lập với nhau: chẳng hạn những quan niệm về vũ-trụ, con người, chủ-thể, đối tượng. Ngày nay triết-học chỉ có những quan-niệm về *toàn-thể*, và những quan niệm này (nếu còn gọi là quan niệm) bao giờ cũng mang nặng tính-chất *tương-quan*: chẳng hạn khi nói vũ-trụ, thì chúng ta không còn nghĩ đó là một vũ-trụ tuyệt đối, nhưng ta nhận rằng đó là vũ-trụ *cho* ta, *do* ta nhận định và tri-thức, vì thế nó không thể có tính-chất tuyệt-đôi mà triết cổ điển khoắc cho nó. Rồi khi chúng ta nói con người, thì không còn nghĩ đến một giống người « trên mây » như con người trong triết Descartes hay triết Kant, nhưng là những con người sinh hoạt trong vũ-trụ: ý niệm con người mang luôn theo ý niệm về vũ-trụ cũng như ý niệm vũ-trụ mang theo ý niệm con người. Chủ-thể và đối-tượng cũng thế: trong ý niệm chủ-thể đã có ý niệm về đối tượng, và trong ý niệm về đối tượng bao giờ cũng đã giả-thiết ý niệm về chủ-thể của đối-tượng đó. *Toàn-thể* là thế; và *tương-*

quan cũng là thế: không có vũ-trụ một bên và con người một bên, cũng như không có chủ-thể mà không có đối-tượng, nhưng chủ-thể và đối-tượng cùng chung một thực-tại và nhất-thiết phải có tương quan với nhau, đến nỗi thiếu cái nọ thì cũng thiếu luôn cái kia. Không chủ-thể thì không có đối-tượng. Không có con người, thì vũ-trụ này là gì? nó có ý-nghĩa gì cho ai? họa chăng nó có ý-cho một vị Cao Xanh chăng? nhưng nếu không có con người thì còn ai nói tới cái ý-nghĩa cho Thượng-đế của vũ-trụ nữa?

Tuy nhiên đó mới chỉ là chiều *dọc*: một chiều *dọc* *tĩnh* của thực-tại nhân-linh mà thôi. Chiều *dọc* *tĩnh* này được diễn tả đầy đủ trong danh-từ hữu-tại-thế (In-der-Welt-sein) mà Heidegger dùng để nói lên cái bản-chất con người. Con người ta như thế, vì vũ-trụ như thế, và ngày nay vũ-trụ đã thành ra như thế cũng vì con người đã *tiến-hóa* như vậy. Sartre gọi đây là những *toàn-thể thực - tiến bất - động* (des ensembles pratico-inertes): đây là loại những hành-vi nhân-linh lẻ tẻ, và xét theo phương diện đơn độc của mỗi con người. Chiều *dọc* và phía *tĩnh* của hành-vi mỗi chủ-thể là những yếu-tố căn-bản làm nên bản-chất của cái nhân-linh mà chúng ta nhận thấy nơi mỗi cử chỉ và hành động của con người. Triết cổ điển thường chỉ chú trọng về hai chiều này thôi. Trái lại triết hiện-đại vạch cho thấy còn hai chiều nữa, ít ra cũng quan trọng bằng hai chiều

trên đây : có thể gọi chúng là chiều ngang và phía động. Như chúng ta biết, quan-niệm về tha-nhân hầu như vắng mặt trong triết-học cổ điển ; Hegel là người đã nêu nó lên đề rồi lại giết nó đi, và phải đợi những triết-gia như Gabriel Marcel, Martin Buber, Maurice Nédoncelle và Karl Jaspers, chúng ta mới có những nhận-thức đứng đắn về tha-nhân. Trong khi đó thuyết Mác-xít cũng nhấn mạnh đến chiều ngang, tức chiều xã-hội, nhưng xã-hội mác-xít là một thoi sắt toàn bích trong đó mỗi cá nhân chỉ được coi là một đơn-tổ của xã-hội, và cưỡng bách con người phải hy-sinh nhân-vị cũng là những tự-do tinh-thần để xây dựng cái bộ máy xã-hội vô tình và vô nhân đạo. Trong một xã-hội dân-chủ tự do, tha-nhân và xã-hội là môi-trường sinh hoạt của con người, và do những con người thông dong kết ước với nhau để cùng nhau thể hiện những mục-dích chung. Mỗi tương-quan bề ngang này cũng vô cùng thiết yếu như tương quan bề dọc trên kia : chúng ta không thể tưởng ra một xã-hội không có những con người, những cá nhân ; cũng như chúng ta biết cá - nhân không thể sống và không thể tiến hóa, nếu không có xã-hội. Đó là những nhận-định chúng ta cần đào sâu, vì đào sâu thì chúng ta thấy rằng : không những xã-hội mang lại cho ta cơm áo, mà còn mang lại cho ta những quan niệm về luân-lý, về tôn giáo, về xã-hội, về chánh-trị ; cơm nước của xã-hội đúc nên xương máu ta, và văn-minh của

xã-hội đúc nên tinh-thần của ta. Ngược lại, ít hay nhiều, mỗi người chúng ta đều vô tình hay hữu ý kiến-tạo nên cái xã-hội mà chúng ta chung sống. Cho nên Jaspers đã quả quyết : « Tôi thế này, là vì anh như thế, và anh như thế, tại vì tôi như thế này ». Nói rộng ra, thì tôi như thế này, bởi vì xã-hội của tôi như thế nọ, và sở dĩ xã-hội của tôi như thế cũng tại vì tôi như thế này.

Trên đây chúng ta mới chỉ nói đến chiều ngang và chiều dọc theo phía tĩnh. Bây giờ phải đề cập đến phía động. Và đây mới thực là sự đóng góp đáng kể nhất của nhận thức triết-học ngày nay. Triết-học cổ-diễn còn quá lệ thuộc vào quan-niệm thượng-cò của triết Hy-Lạp Platon-Aristote, nhất định chủ-trương một vũ-trụ tĩnh và bất biến : những tiếng nói chủ động của Héraclite đã bị sớm chôn vùi bởi hệ thống Parménide — Platon — Aristote. Tuy nhiên tiếng nói của Héraclite cũng yếu ớt quá và huyền bí quá. Người ta chỉ nhớ được của ông vài câu như : « Vạn vật luôn biến chuyển. Ta không thể tắm hai lần trong một con sông ». Còn ngày nay thì khác : triết học nêu cao *tính-chất biến động* của bản-chất con người khi chủ trương rằng : *lịch-sử-tính* là bản-chất con người. *Lịch-sử-tính*. *Thời-gian-tính*. *Thời gian*, chiều thứ tư của bản-chất vạn vật. Đó là những điểm chúng ta gặp nơi tất cả các triết-gia hiện đại, và đó cũng chính là cái xương sống của Biện-chứng-pháp. Nói

thể, vì biện chứng pháp là một thực tại diễn tiến trong thời gian với ba nhịp biệt nhau và nối tiếp nhau : chính-đề, phản-đề, tổng-đề. Và nếu chúng ta nhớ rằng mỗi tổng-đề lại lập tức trở thành chính-đề, (nhịp một của một chu kỳ-động biện chứng tiếp sau, thì chúng ta càng thấy rõ thời gian-tính là xương sống của cái thực-tại chu kỳ-biến không ngừng, trong đó mỗi nhịp ba là một đốt xương.

Với thời gian là chiều thứ tư, thực-tại nhân linh quả đã hiện hình trong chân tướng của nó : một chân tướng vô cùng phong phú và uyển chuyển, một bản chất linh-động và luôn biến dịch.

Đề đo cái linh động này, chúng ta không thể nào dùng những phạm trù và quan niệm cứng nhắc của triết cổ-điển nữa. Nói thực ra, ngay phương pháp tri - thức và suy-tưởng ngày xưa, — phương pháp tri - thức bằng quan niệm cứng nhắc, — không có khả năng giúp ta nhận-thức cái thực-tại linh-động này, chớ đừng nói diễn-tả. Tất nhiên, như chúng ta sẽ bàn sau này, biện chứng pháp cũng phải nhờ đến những quan niệm và ngôn ngữ thông dụng ; nhưng dưới bàn tay của một nhà triết-học biện-chứng, những quan niệm kia trở nên linh động và bỏ được cái vẻ cứng nhắc của chúng nhiều ít, tùy cái nhìn của triết-gia linh động nhiều ít ; cũng như với cùng những màu thuốc như nhau, nhiều họa - sĩ khuynh hướng khác nhau sẽ vẽ nên nhiều lối khác nhau. Bản chất

một bức họa không phải là mấy lọ thuốc màu, nhưng là cách sử dụng và biến-chế các màu để có thể làm cái thân hồng đón sự đầu thai của một thực-tại sắp hình thành : bức họa với tất cả ý nghĩa của nó. Cũng vậy, sự can hệ không ở tại những quan-niệm và danh-từ mà triết-gia nhất thiết phải moi lấy trong văn-học cũng như họa - sĩ phải moi lấy thuốc màu ở tiệm bán ; sự can hệ ở tại chỗ triết-gia nhận-thức cái thực - tại nhân linh kia. Ông không coi con người như một hữu-thể đơn giản và độc lập (đơn giản và bất biến như một quan niệm), nhưng ông ý-thức một cách sâu xa rằng con người là một thực tại phức-tạp và linh động : ông không tin vào những quan niệm như các triết-gia xưa kia ; ông chỉ tin vào thực-tại thôi, và ông biết thực tại này vừa phức-tạp vừa chu kỳ-động, chớ không rõ ràng và xác-định như một quan niệm.

* *

Trong các khoa-học, đối-tượng và phương pháp bao giờ cũng tương ứng với nhau : có thể, phương pháp mới giúp ta đạt tới đối tượng. Ở đây cũng vậy, thực-tại nhân linh là một đối tượng linh động, cho nên biện chứng pháp cũng là một phương pháp linh động, khó trình bày một cách trực tiếp. Bởi vậy, chúng tôi sẽ nhờ con đường triết-sử đề cùng với bạn đọc tìm xem mấy nhà biện-chứng đại danh đã sử dụng biện chứng pháp như thế nào. Chúng ta có thể lần lượt rảo qua : biện-

chứng-pháp duy quan-niệm của Platon (dialectique conceptualiste), — biện chứng pháp duy-tâm của Hegel (dialectique idéaliste), — biện chứng pháp duy-vật, cũng gọi là Duy-vật biện-chứng của Marx (dialectique matérialiste), — biện chứng pháp huyền-bí của Long-Thọ (dialectique mystique). Sau cùng chúng ta sẽ bàn tổng lược về tương quan giữa biện chứng pháp và thực-tại nhân-linh.

Nhưng đề ngay từ bây giờ chúng ta có một ý niệm về biện chứng pháp, hòng giúp chúng ta theo dõi các triết-gia trên đây, tưởng cũng nên biết sơ qua biện chứng pháp là gì.

The gốc chữ, thì danh - từ biện chứng pháp của ta rập theo danh-từ *la dialectique* của Pháp. Và người Pháp đã mượn lại nguyên hình chữ *dialektikè* của Hy - Lạp. *Dialektikè* (dialectique) và *Dialogos* (dialogue, đối thoại) là hai danh-từ tiếp-xuất do cùng một gốc: động-từ *dialegein*, nghĩa là *nói*. Tuy cùng gốc, nhưng hai danh từ *dialektikè* và *dialogos* bao hàm những ý nghĩa khác nhau: chúng chung nhau chữ *dia* (nghĩa là *với*; *l'un avec l'autre, à travers*); *dia-lektikè*; *dia-logos*. Nhưng chữ *với* của *dialogos* (đối-thoại) chỉ ghi nhận xuống rằng lời nói (*logos*) đây diễn ra giữa hai người với nhau. Còn như chữ *dia* của danh từ *dialektikè* có một nghĩa sâu hơn: chữ *với* ở đây không những có nghĩa là *với nhau*, mà còn thêm nghĩa *với tới* nữa. Nghĩa này có ngay trong trí Platon là người xử dụng biện-

chứng pháp trước tiên, vì đối với ông, biện chứng pháp là «nghệ thuật đối thoại để đi tới chân lý». Người ta thường chỉ chú ý đến sự biện chứng pháp là một nghệ-thuật, một phương pháp thôi, và người ta dễ quên rằng nó là một phương pháp có bản-chất chuyển-tiến. — Danh từ «biện chứng pháp» của tiếng Việt diễn tả khá đúng quan niệm của Platon về biện-chứng pháp: một phương pháp biện-luận.

Ngày nay, danh-từ Biện chứng pháp thường ít khi có nghĩa *luận-lý-học* như thế, nhưng thường có nghĩa *hữu-thể-học* (ontologique): thí dụ biện chứng pháp của Chủ-Nô, biện chứng pháp của ái tình, biện chứng pháp của trí-thức. Chủ là chủ của Nô, và Nô là nô của chủ; Chủ không Nô không là chủ, và Nô không chủ không là Nô: chúng ta lại thấy đây tính chất *toàn-thể* và *tương-quan* trên kia. Ái tình và trí-thức cũng có bản-chất biện chứng như thế: ý-thức gặp đối-vật thì sinh ra trí-thức, và mỗi lần gặp thêm thì trí-thức lại tiến sâu thêm. Vì thế khi nói sự gì có bản-chất biện chứng, người ta có ý nhận định rằng nó là thành-quả của một *tương-quan*, và tương quan không chỉ diễn ra một lần, nhưng diễn ra mãi mãi trong một cuộc *diễn-tiến không ngừng*: nhân đó bản-chất mà ta gọi là biện chứng kia là một bản-chất phức tạp và linh động.

Phán đoán bằng quan niệm là cách phán đoán hẹp hòi và giáo điều, nó dễ sinh ra độc tài và cuồng-tín. Phán đoán bằng «chụp mũ» lại

còn tệ hơn bội phần : nó tỏ ra sự cố chấp và óc duy-tâm lười lỉnh của kẻ phán-đoán chỉ khur khur bám lấy thiên-kiến và quan-niệm của mình, không chịu mở mắt nhìn vào thực tại. Nếu nhìn vào thực-tại, nếu họ ý-thức sơ sơ rằng «con người là một thực-tại biện chứng» cho nên mọi sự *tại người mà cũng tại ta*, nếu họ nhận định được như vậy, họ sẽ thành tâm tìm hiểu tha

nhân, tìm hiểu đồng bào để cùng nhau giải quyết những va chạm và những đổ kỵ trong xã hội ngày nay. Cần nhìn vào thực tại, và nhìn nhận tất cả những chiều hướng của thực tại, thì những phán đoán của chúng ta mới bớt bất công và bớt thiên lệch. Biện chứng pháp có tham vọng giúp ta ở chỗ đó.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

đã phát hành :

NHỮNG NHÀ THƠ HÔM NAY
của MINH-HUY — NGUYỄN-ĐÌNH-TUYẾN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

Fabrication : **Oxygène — Acétytène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane.**
Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Trẻ em tập đi, một bài học dài trên hai trăm triệu năm của loài có xương sống

Tặng Linh-Nam và Lưu-Phương

● TRẦN-KIM-THẠCH

KHÔNG có gì vui sướng cho bằng ngắm một đứa bé mỗi ngày một khôn lớn, nẩy nở. Trong cơ thể nó, hình như lúc nào cũng có sự thay đổi không ngừng, khi thì hướng về mục-tiêu này, lúc lại quay sang mục-tiêu khác. Trước cặp mắt khách-quan, đứa trẻ tỏ ra luôn luôn theo sát một kinh-nghiệm hay một bài học nào sẵn có, nó giúp đứa trẻ chinh phục hoàn cảnh khó khăn bên ngoài.

Một trong những nhiệm vụ phải làm đáng chú ý là học-tập di-chuyển trên mặt đất. Đó là điều tôi xin thảo-luận sau đây.

Từ khi lẫy (lật) đến khi đi tập tễnh

Khi đứa trẻ lên ba hay bốn tháng, thì không những nó hóa bụ-bẫm hơn mà thôi, mà tay chân nó trở nên cứng-

cáp và chuyên hóa hơn. Giai-đoạn đầu tiên để tập di-chuyển cơ thể là lẫy (lật). Nay bạn hãy quan sát xem : nó cố gắng dùng hai chân sau để lộn sấp người trở lại, làm thế nào cho xương sống nằm lên trên và bụng nằm bên dưới. Trong mấy ngày đầu, cổ của đứa trẻ chưa đỡ nổi cái đầu nặng, nên mặt đứa trẻ cúi gằm xuống. Dù vậy, nó ráng nhìn tới phía trước, và sau cùng, khi đầu nó đã ngẩng lên cao rồi, nó có thể nhìn được cả trước lẫn sau. Đó là một thành công đáng kể trong việc di-chuyển : có thấy đường thì mới tiến tới được.

Bước khó khăn đầu tiên đã vượt qua chưa đem lại cho đứa trẻ một viễn ảnh nào lạc quan, vì biết lẫy không có nghĩa biết di-chuyển. Sau khi lẫy được đứa bé vội-vàng co giãn tay chân thật nhịp nhàng và qui củ. Những cử động

này giúp nó trườn tới trước trong thời gian đôi ba tuần lễ. Nhìn đứa trẻ di-chuyển theo lối sơ-khai đó, với hai tay trước kéo và hai chân sau đẩy mạnh, bạn liền tưởng ngay đến con rấn mỗi, nhất là khi nhận ra rằng những cử động giữa con vật và đứa trẻ giống hệt nhau. Việc thành-công trong sự di chuyển đem một nguồn vui vô bờ bến lại cho bậc cha mẹ: thôi thì kẻ ngồi đầu này, người ngồi đầu nọ, thay phiên nhau gọi đứa trẻ để cho nó có dịp thi thố tài năng. Việc tập tành như vậy giúp cho nó mạnh tay mạnh chân hơn lên và cơ thể nó thêm thăng bằng.

Giai đoạn di-chuyển bằng lối bò sát bụng chấm dứt ngay từ khi đứa trẻ cố chống hai tay trước để ngồi dậy. Cử động này không phải dễ làm, vì ít có trẻ nào khỏi té, khỏi khóc. Kịp lúc các phản-xạ thăng-bằng tối thiểu đã đạt được, nó bèn nhào người ra phía trước và bò thật sự. Khi trườn, ngực bụng và tay chân cọ sát rất nhiều dưới mặt sàn. Sự cọ sát lúc bấy giờ kìm bớt tốc độ di-chuyển. Trái lại, khi bò, diện tích chỉ qui lại ở hai bàn tay và hai đầu gối. Hậu quả của việc này là giảm năng lực và gia tăng tốc độ di-chuyển vậy.

Từ tháng chín đến tháng mười hai, đứa bé bò càng lúc càng nhanh. Một lần nữa, bậc cha mẹ lại cảm thấy niềm vui mới trong sự thành công của con cái. Tuy vậy, nhiệm vụ của đứa trẻ chưa dứt. Nó bắt đầu lò-dò vịn bàn ghế, cột, vách để đứng thẳng lên.

Lần này, sự khó khăn không thể lường được: các phản-xạ thăng-bằng

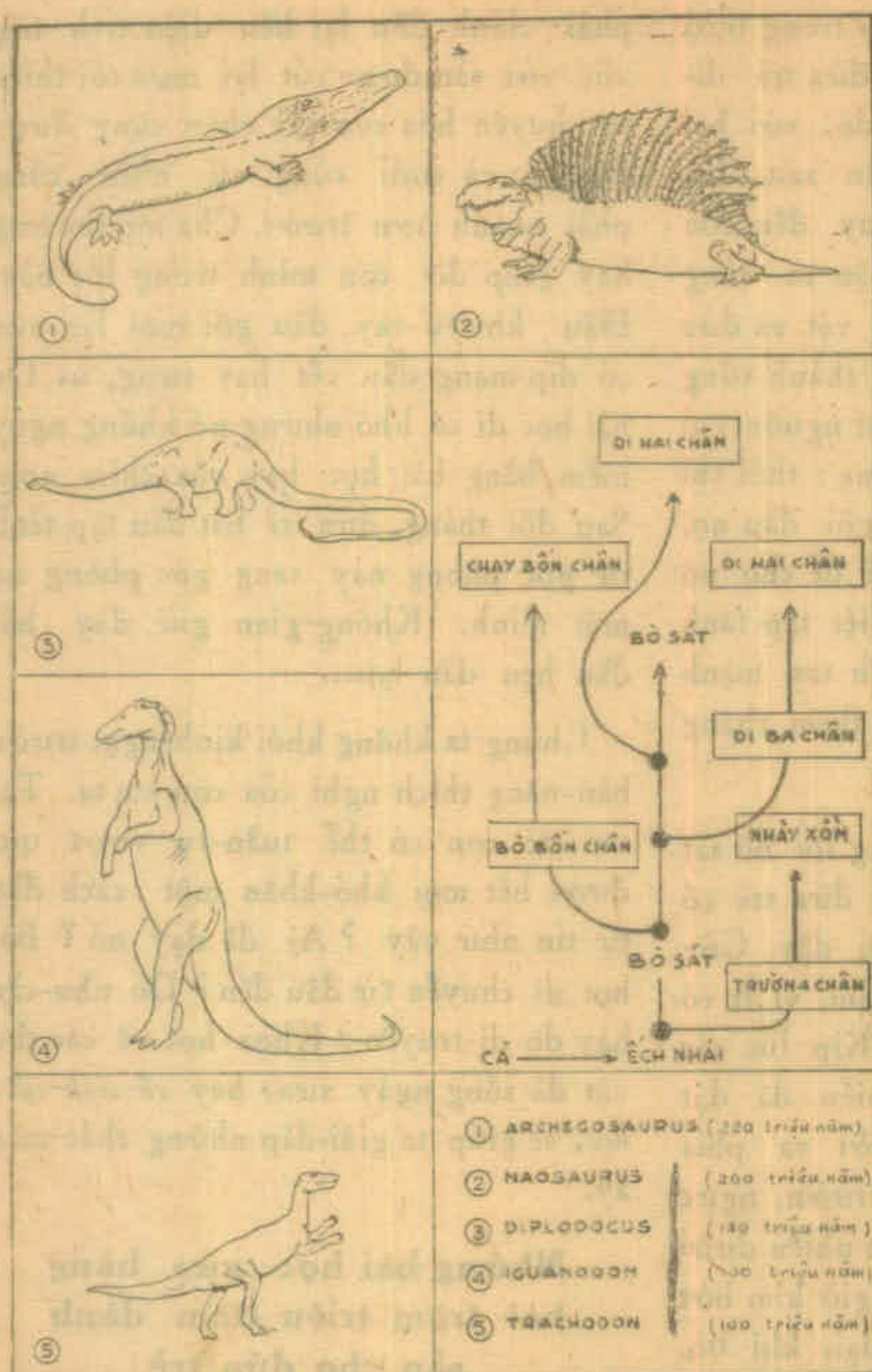
phải chỉnh đốn lại hết, diện tích tiếp xúc với sàn được rút lại mức tối thiểu sự chuyên hóa của tay chân cũng được đặt ra; và cuối cùng cái nhìn cũng phải nhanh hơn trước. Cha mẹ thường hay giúp đỡ con mình trong lúc này. Đầu, khuỷu tay, đầu gối một lần nữa có dịp mang dấu vết hay sưng, u. Dù bài học đi có khó nhưng nó không nguy hiểm bằng bài học bay của chim non. Sau đôi tháng, đứa trẻ bắt đầu tập tành từ góc phòng này sang góc phòng nọ một mình. Không-gian giờ đây bắt đầu hẹp dần lại....

Chúng ta không khỏi kinh-ngạc trước bản-năng thích nghi của con em ta. Tại sao trẻ con có thể tuần-tự vượt qua được hết mọi khó-khăn một cách đầy tự-tin như vậy? Ai đã dạy nó? Bài học di-chuyển từ đâu đến? Do nhu-cầu hay do di-truyền? Khoa học về các thú vật đã sống ngày xưa, hay *cổ-sinh-vật-học*, sẽ giúp ta giải-đáp những thắc-mắc ấy.

Những bài học xưa hàng hai trăm triệu năm dành sẵn cho đứa trẻ

It ra chúng ta cũng hiểu rằng cá là thủy-tổ của động-vật có xương sống. Cá, khi lên đất liền, sinh ra *ếch nhái*. Lớp này lại sinh ra động-vật *bò sát*. Lớp bò sát sau cùng tiến-hóa ra hai nẻo khác nhau, một là lớp *có vú* và hai là *chim muông*. Sự tiến-hóa từ cá đến người rất phức-tạp và ngoài phạm-vi của bài, nhưng các nhà bác-học hiện nay cho rằng tổ-tiên ở dưới nước của ta là con *Coelacanthus*, (1) hiện còn đang lặn tung

(1) L.T.S Xem hình trên BK số 164, tr. 50.



tăng trong bể Mozambique giữa Phi-Châu và Madagascar.

Cách đây lối 300 triệu năm, cá đang ở dưới bể như bao loài động-vật khác có gốc hải-sinh, bỗng tràn vào các cửa sông, rồi rừng lầy và cuối cùng ao hồ. Vào những nơi đó, cá phải thích nghi với nước ngọt đã đành, mà có lúc lại phải lo thở cho được khí trời, nhất là khi phải ở trên cạn một ít lâu.

Một nhóm động-vật tiến-hóa hơn cá đã ra đời. Chúng có thể sống được cả

trên cạn và dưới nước (lưỡng-thể) : đó là lớp ếch nhái. Khi đã sống trên mặt đất rồi, ếch nhái phải đặt lại vấn đề di-chuyển, tức nhiên để mà săn mồi. Nhưng ếch nhái đầu tiên không giống như ếch nhái bây giờ. Chúng là những con cá sấu dài hàng thước, có chân ngắn và vụng-về. Chân xuất từ vị cá mà ra, nên chưa thể dài được. Điển hình nhất là con *Archegosaurus*, sống cách đây trên 220 triệu năm (thời Nhị-Điệp), trong hình 1. Theo những dấu vết để lại trong các lớp đá bùn thì con vật thú này đã trườn tới trước chứ không bò bốn chân. Suy ra, sự xê-dịch chắc là phải chậm lắm, vì diện-tích cọ sát với mặt đất rất lớn. Luật thiên-nhiên có lẽ khe khắt với

nhóm này, nhất là việc chạy đua với mồi. Vì sự xê-dịch chậm chạp trên mà giống *Archegosaurus* bị đào-thải sớm.

Thú khác lại tiến lên dưới hình thể bò sát, có khả năng di chuyển nhanh-nhẹn hơn. Trong các nhóm bò sát, giống *Naosaurus*, sống cách đây non 200 triệu năm (thời Tam-Điệp) là một con kỳ-đà có vảy rất to trên lưng (hình 2) và biết di-chuyển bằng bốn đầu chân: cách bò có lẽ đã được khai sanh từ đây. Lớp bò sát giữ mãi lối di-chuyển này suốt

cả trăm triệu năm sau để tha hương cầu thực từ châu Âu sang châu Á hay từ châu Phi sang châu Mỹ... Càng ngày lối bò càng được chỉnh-đốn. Có những thú to hơn như *Diplodocus*, dài những 30 thước (hình 3), thì bò hẳn với bốn chân rất dài. Lối bò bốn chân này được truyền sang cho lớp có vú như ngựa, voi mà ta hiện còn thấy ngày nay. Tuy vậy trong lớp bò sát, nhiều con đã cách mạng hẳn lối di-chuyển, bằng cách đứng thẳng người lên, một cử động khiến thân thể của con thú xoay 90 độ đối với mặt đất. Nhiều hậu-quả quan trọng bất lợi hay có lợi đã khiến con thú phải thích-nghi một lần nữa để sinh tồn. Ví dụ như sự hiện diện của cái đuôi là một trở ngại đáng kể, nhất là trong trường hợp đuôi dài hơn chân sau. Ví dụ như sự giảm bớt diện-tích cọ-xát đến mức tối thiểu của hai bàn chân là một điều tiện lợi cho sự xê-dịch. Con thú ý thức trước tiên cách di chuyển bằng hai chân sau (vì đi hai chân trước thì máu sẽ dồn lên đầu nhiều quá, không thích-nghi được), có lẽ là con *Iguanodon*, một khủng-long sống cách đây trên 100 triệu năm (thời Phấn-Kỷ) và có hình thù của một con kanguru sáu thước bề cao, nơi hình 4. Nó biết dùng cả cái đuôi dài phía sau để làm nạng chống mỗi khi nó đứng, nên dấu vết của đuôi này còn ghi rành rành trong đá bùn.

Đến con *Trachodon* (hình 5) thì sự di-chuyển bằng hai chân sau hầu như hoàn-tất. Tuy to lớn như khủng-long *Iguanodon*, nó không mấy khi dùng đuôi

để giữ thăng-bằng, và dấu đuôi vì thế mà không được lưu lại trong đá.

Như vậy, lối di-chuyển bằng hai chân đã sinh ra cách đây trên 100 triệu năm và là sự đúc-kết kinh-nghiệm của hơn 120 triệu năm về trước nữa.

Bạn đọc đã thấy được các bài học trước, học bò và học đi của đười ươi rồi. Nhưng tôi chưa nói đến bài học ngồi của nó. Bài học này có lẽ do loài ếch nhái đề xướng ra và sau đó nhóm có vú mới tập theo. Con cóc ngồi xồm được trước tiên có lẽ là con *Rana pli-cata* xuất-hiện cách đây 50 triệu năm, khi cái đuôi « tri-kỷ gương » mất dần (hiện tượng này được tóm tắt lại trong việc nòng-nọc đứt đuôi). Nhờ đó cóc có thể vừa bò, vừa nhảy chồm lên được.

Kết-luận :

Việc tập đi đứng của con em ta, nhìn qua, tưởng là một bản năng tự-nhiên của con người, nhưng thực ra là một « kinh nghiệm gia truyền » đã xuất hiện ra từ hơn 200 triệu năm nay. Vì mỗi đứa bé bình thường đã thấm nhuần bài học đó từ khi còn là một tế bào, nên nó thực hành ngay khi hoàn-cảnh nội và ngoại-giới cho phép. Phần nào nó thực-hành được rồi thì thành thói quen, nhờ đó mà trẻ con có thể di-chuyển với bất cứ hình-thức nào loài có xương sống biết (trừ loài chim).

Trong lúc vui đùa với con em, tưởng cũng nên chú ý đến kết-quả vô cùng rực rỡ của sự Tiến-Hóa này.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Exploctions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

≠

=

**CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á
BẢO HIỂM MỌI NGÀNH**

VỐN : 8.750.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288 750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP
CHI NHÁNH TẠI SAIGON**

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)
Giấy số : 21.253 — 23.913

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Sách lược xâm nhập của Cộng-sản

★ NGUYỄN-HỮU-DUNG

LỜI NÓI ĐẦU

MỘT quốc-sách hay chính-sách quốc-gia (politique nationale) gồm những chủ-trương, những quan-niệm đại-cương liên quan tới mọi vấn đề quốc-gia, và ứng đáp được những đòi hỏi căn bản của quốc dân trong một giai đoạn lịch sử. Các nguyên tắc do Chính Phủ ấn định cho một loại quốc sự hợp thành một chính sách, như chính sách ngoại giao, chính sách kinh tế, chính sách xã hội, chính sách giáo dục, v.v... Kèm theo chính-sách, có những chương trình (programmes), những kế hoạch hoạt động (plans d'action), những kế hoạch có tính cách đặc biệt và hữu hạn (plans de campagne).

Chính sách không bao giờ có tính cách mật tại các quốc gia dân chủ, vì hai lẽ. Một mặt, nó phải trả lời các đòi hỏi của quốc dân, một mặt khác, nó chỉ gồm những quan niệm đại cương, nếu công bố, địch cũng không biết rõ

các kế hoạch thực hiện để phá hoại. Trái lại, việc công bố làm yên lòng dân. Địch có thể công kích chính sách của ta, cũng như địch dựa vào bất cứ việc gì để đả phá ta. Vậy, ta không nên vì sợ địch công kích mà không làm những việc phải làm, giữ kín những việc phải nói.

Một chính sách có phần tích cực và phần tiêu cực. Phần tích cực gồm tất cả các chủ trương để xây dựng các mục đích trong chính sách. Phần tiêu cực gồm các quan niệm nhằm khắc phục những cản trở. Nếu quốc gia phải đối phó với một tình trạng bất ổn, có nhiều chương ngại nguy hiểm, phần tiêu cực có thể trở thành phần thiết yếu, phần tiên quyết.

Nước Việt-Nam chính là đang ở trong một tình trạng bất ổn, có kẻ tìm cách phá hại ta. Yếu tố phá hoại quan trọng nhất là Cộng-Sản. Vì vậy trong quốc

sách của Việt-Nam có chính sách chống cộng. Hiện giờ đã có những chương trình dài hạn hay ngắn hạn, nhưng ta vẫn còn thiếu yếu tố để tìm hiểu toàn diện quốc sách của Việt-Nam, trong mười năm nay chưa bao giờ được công bố. Nhưng chính sách chống Cộng thì đã có thể coi là một sự thực chắc chắn. Chính Phủ Cách Mạng Việt-Nam đã ban hành sắc luật « đặt Cộng-sản ra ngoài vòng pháp luật ». Bài này không có mục đích bàn luận về phương diện pháp lý liên quan tới sắc luật ấy, chỉ muốn lấy đó làm một dấu hiệu về sự hữu thực của chính sách chống Cộng.

Chống Cộng có mục đích dọn đường cho việc thực hiện các mục tiêu tích cực trong quốc sách. Công tác chống cộng cũng có phần tích cực và phần tiêu cực. Phần tích cực là đuổi và đánh địch tại các chiến trường, là tiêu trừ địch « nằm vùng », là hoạt động ngoại giao chống địch v.v... Phần tiêu cực là phanh phui những tội lỗi của địch, là « tố Cộng » là ngăn ngừa những gì có thể lợi ích cho địch.

Trong lãnh vực văn nghệ, công tác ngăn ngừa là Kiểm Duyệt. Công tác kiểm duyệt không sáng tác, chỉ cắt, xén và vắn vẹo. Một trong những điều mà nhân viên kiểm duyệt nên tránh để khỏi sinh bất mãn và cản trở sáng tác là « mặc cảm bị lợi dụng ». Cái gì Cộng-sản cũng lợi dụng được hết, không làm gì chúng cũng bịa chuyện ra để xuyên tạc. Quá sợ bị lợi dụng đến nỗi gây bất mãn, là mắc mưu cộng sản. Điều cốt yếu là tác giả không có manh tâm tuyên truyền cho cộng sản, còn bị hiểu nhầm thì là do lỗi của

người hiểu nhầm, chứ không phải lỗi của tác giả. Về phần nhân dân thì đại đa số không nhầm đâu.

Quốc dân Việt-Nam đã tiến tới một trình độ « chính trị » khả quan, đủ để phân biệt thực hư. Chính nhờ vậy, nên thỉnh thoảng có những tin đồn bất lợi, không ai cải chính, nhiều khi báo chí không dám nhắc tới, ấy thế mà chỉ trong một thời gian ngắn các tin đồn ấy đã tự nhiên tan đi. Sức mạnh ẩn bí nào đã đánh tan các tin bậy bạ? Theo ý tôi, đó là lương tri, đó là khả năng phân biệt thực hư của người dân.

Vì có lương tri nên người dân phân biệt rõ ràng những luận điệu thiết thực và những luận điệu « chữ bói » kể cả chữ bói cộng sản. Thành thử muốn đạt được mục đích chống cộng, nhiều khi ta phải trình bày thiết thực, nghĩa là khách quan, những kiến thức liên quan tới cộng-sản.

Có hai quan niệm tố Cộng bằng ngòi bút và lời nói. Cũng có người, phần nhiều là những người bị lệch lạc vì nghề nghiệp, cho rằng phải chữ bói om sòm. Nếu trình bày các sự thực trong thế giới cộng-sản, thì không được nói cái hay của họ, và phải vừa trình bày vừa giải thích (làm như độc giả không có trí phán đoán!). Cộng-sản chữ bói ta, ta cũng phải chữ bói lại.

Có nhiều người nghĩ rằng cộng-sản thô bỉ thì kẻ chúng, không phải trên thế gian vẫn còn lưu manh mà toàn thể nhân loại phải lưu manh. Những người ấy xét rằng người cầm bút phải trọng sự thực,

trọng độc giả. Nếu vừa trình bày vừa chửi bới, thì tác dụng chống Cộng sẽ giảm đi, có khi mất cả. Độc-giả, nhất là độc giả các tập san nghiên cứu, chỉ lưu ý tới các sưu tầm khách quan, nếu chửi bới một cách ấu trĩ e rằng độc giả không đọc.

Trong loạt bài sắp viết, tôi sẽ trình bày khách quan một số kỹ thuật Cộng sản, với mục đích nói ra những sự thực mà một người chống cộng cần biết để nhận ra ngay đặng ngăn ngừa những mưu mô Cộng-sản.

Loạt bài sắp viết sẽ mượn nhiều ý kiến trong một tài liệu nghiên cứu của ông Alexis Martin, ấn bản Flammarion, chưa bao giờ bị cấm lưu hành tại Việt-Nam (vậy các cơ quan xét duyệt và kiểm duyệt có thể yên trí). Loạt bài này không nói về lý thuyết Marx-Engels, tôi đã trình bày hai năm trước rồi, trong nguyệt san Chỉ-Đạo. Loạt bài này chú trọng tới chính sách ấu trĩ, tới các phương tiện ấu mật mà cộng sản thường áp dụng.

Nói tới Cộng-sản, phải phân biệt hai phần. Một phần là Lý Thuyết — có thể nói là phần « cổ điển » — tức là chủ nghĩa Marx—Engels, lấy tình trạng kinh tế và xã hội trong thời gian quanh 1850 làm khởi điểm suy luận, chủ nghĩa này đã làm cho một số trí thức say mê vì lý luận thông suốt. Trên thực tế, tình trạng kinh tế và xã hội bây giờ đã khác nhiều năm 1850: khởi điểm suy luận đã biến đổi thì lý thuyết không còn xác đáng nữa. Một phần là Chế Độ cộng sản, chế độ « độc tài vô sản », chế độ « tranh đấu giai cấp », nói tóm tắt chế độ Đệ Tam Quốc Tế với

những chiến lược nghiên cứu để nhuộm đỏ thế giới, để tạo ra cái gọi là « Luân Lý Cộng Sản ».

Luân-Lý Cộng-Sản là một điều có thực. Một trong những ý niệm khởi điểm của chủ nghĩa Mác-Xít là ý niệm « giá trị », Karl Marx đã tham chiếu nhiều nhất để suy luận về tình trạng Xã Hội do chế độ Kinh Tế gây nên. Nói về Luân Lý, luân lý thông thường dựa trên những giá trị tinh thần và đạo đức, nhân loại văn truyền tụng, các tôn giáo văn công nhận và truyền bá. Đệ Tam quốc tế phủ nhận những giá trị ấy mà họ cho rằng đã do giai cấp hữu sản sinh ra chỉ để phụng sự quyền lợi của giai cấp ấy (morale bourgeoise).

Theo quan niệm Cộng sản, Luân-Lý là một phương tiện để phụng sự quyền lợi. Một « luân lý cộng-sản » phải phụng sự quyền lợi của giai cấp vô sản, trên thực tế là phụng sự cuộc tranh đấu giai cấp trên bình diện thế giới, và phụng sự quyền lợi của Liên-Xô trên bình diện « quốc gia » vì Liên-Xô là « tổ quốc » của phong trào Cộng sản. Theo quan niệm trên, tất cả những gì giúp cho Cộng sản thắng lợi trong nội địa các quốc gia và trên trường tranh đua quốc tế, đều hợp với « đạo đức cộng sản ». Nhiều cuộc tranh luận quốc tế đã biến thành những cuộc « đối thoại giữa người điếc » là do hai bên theo hai quan niệm luân lý khác nhau, đưa tới những tâm trạng khác nhau, rồi tới những định nghĩa khác nhau. Vì nhân quang của hai bên có nhiều điều trái ngược, nên các danh từ trừu tượng có thể hình dung những ý nghĩa và sự việc trái ngược nhau.

Do quan niệm luân lý đặc biệt, Cộng Sản không ngần ngại gây nên « chiến tranh lạnh » làm khổ cho cả nhân loại trong 20 năm nay. Cũng do quan niệm ấy, Cộng sản chối buộc mọi ngành hoạt động phải theo mệnh lệnh chính trị của họ, kể cả Khoa Học và Văn Nghệ. Vẫn do quan niệm ấy, Cộng sản không ngần ngại cho cán bộ len lỏi vào các trường học, vào báo chí, vào các đài phát thanh, vào các cơ quan thông tin, vào các công sở các nghiệp đoàn.... vào tất cả mọi nơi kể cả các chính-phủ, với mục đích phá hoại, nếu cần phải làm hại các người lương thiện không thù không oán, thì cũng không được bịn rịn.

Những sự len lỏi ấy sẽ khó thành công nếu mọi người trong các cơ quan đều thấu hiểu các kỹ thuật Công sản, chứ không phải chỉ chủ quan, mọi sự trông vào trực giác. Mục đích của loạt bài này chính là để lưu tâm về các chính sách ẩn bí của cộng sản. Tôi sẽ theo thứ tự sau đây :

- Chiến tranh Chính Trị;
- Sách lược khủng bố và phá hoại;
- Chiến Tranh Cách Mạng;
- Mật-Vụ Cộng-Sản;
- Kinh Tế Cộng-Sản.

CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ

Danh từ « chiến tranh lạnh » đã thành quen tai, dần dần người ta kém lưu tâm đến nó. Trên thực tế, không khí bất chắc hiện tại trên thế giới với cuộc thi đua vô trang giữa hai Khối có thể đưa nhân loại tới chỗ tiêu diệt, là kết quả của chiến tranh lạnh.

Sau Thế-Chiến II, Liên-Xô nghĩ rằng mọi dân tộc đều khao khát hòa bình, nếu phát động những hành vi gây hấn, các quốc gia tư bản sẽ chóng nản trí, nhờ đó Liên-Xô sẽ thu lượm được nhiều thắng lợi. Tây-phương đã trả đũa bằng một cuộc thi đua vô trang thực sự, cuộc thi đua này là yếu tố trọng đại nhất của chiến tranh lạnh. Đó là một điều bất ngờ cho Liên-Xô, và hiện giờ Liên-Xô đã thấy mặt mũi trong cuộc thi đua vô trang. Điều mà Staline muốn nuôi dưỡng là một chiến tranh chính trị, chứ không phải một thi đua vô

trang lỏi luôn cả Liên-Xô vào chiến tranh lạnh. Liên-Xô muốn gây một không khí bất chắc cho các quốc gia khác, chứ không phải cho Liên-Xô.

Bây giờ ít người nghĩ rằng « chiến tranh nóng » có thể xảy ra giữa hai siêu quốc gia là Hoa-Kỳ và Liên-Xô, dù rằng chỉ là một « chiến tranh cổ điển ». Giữa hai đại cường — đều có khí giới nguyên tử — một chiến tranh cổ điển có thể biến thành một chiến tranh nguyên tử, không ai lường trước được, không ai ngăn chặn được, mà sau một chiến tranh nguyên tử thì chắc chắn cả hai siêu cường đều kiệt quệ và khó ngóc đầu trong nhiều thế kỷ. Ngoài hai siêu quốc gia, chưa có quốc gia hay « khối quốc gia » nào có đủ điều kiện để gây ra một đại chiến thế giới, kể cả Trung-Cộng và Khối Tây-Âu.

Vì không dùng được chiến tranh nóng trên quy mô thế giới, nghĩa là trên một quy mô thỏa đáng với mục đích tối hậu của Cộng-Sản, nên Liên-Xô chỉ còn một phương tiện là Chiến Tranh Chính Trị.

Mục đích chính yếu của chiến tranh chính trị là chinh phục dư luận thế giới. Chinh phục dư luận không phải chỉ có nghĩa : truyền bá chủ nghĩa Cộng sản. Đó chỉ là bước đầu, mục đích phải tiến tới là nắm vững dư luận dưới sự lãnh đạo của một đảng Cộng sản thuộc Đệ-Tam Quốc-Tế. Một số quốc gia coi thường dư luận ; thực tế cho biết rằng nếu dư luận trong một quốc gia bị Cộng-sản lung đoạn rồi, thì quốc gia ấy khó lòng rút chân khỏi ảnh hưởng của Cộng sản.

Chủ nghĩa Mác-Xít là một « bao bì lý thuyết » để chứng minh sự xâm nhập của Cộng sản trong những buổi ban đầu, dựa vào tâm lý thông thường của nhiều người có « mặc cảm lý thuyết ». Dần dà, Cộng sản đưa ra những khẩu hiệu, nhắc đi nhắc lại trường kỳ, tùy trường hợp : độc lập, giải phóng, dân chủ, tự do, hạnh phúc, no ấm, hòa bình v.v...

Nhắc đi nhắc lại mãi, các khẩu hiệu ảnh hưởng tới tâm trạng của nhiều người, khiến cho họ không còn yên trí với các ý niệm, các nguyên tắc mà họ đã quen thuộc. Trong tình trạng tinh thần nhân dân bất chắc, bất yên, Cộng sản giải thích các ác mưu của họ thành những hành vi tự vệ, hợp lý, vì dân, vì nước. Nhờ sự chinh phục dư luận, sau khi gây hấn, Cộng-Sản tự giới thiệu như những người yêu nước,

những người bị ức hiếp, ít nhất như những « người đối thoại » phải biết tới nếu muốn giải quyết các tranh chấp (1). Ai cũng khao khát hòa bình, muốn hòa bình phải điều đình với đối phương ; lập luận ấy, dễ được chấp nhận bởi những người không biết rõ kỹ thuật giai đoạn trong chiến tranh chính trị của Cộng sản.

Sau khi xâm nhập dư luận, gây ra được một « tâm trạng đàm phán », Cộng-Sản đòi mở các cuộc điều đình. Nếu đối phương chấp nhận điều đình, thì trên thực tế có nghĩa là : trước khi ngồi quanh một mâm xanh, Cộng-Sản đã thắng được nửa chặng đường, phần còn lại sẽ chinh phục vừa nhờ áp lực của dư luận, vừa nhờ những mảnh khóc ngoại giao để làm cho đối phương mệt mỏi.

Một số quốc gia, gọi là « cứng rắn », thường chủ trương : « chúng tôi không sợ gặp Cộng sản, chúng tôi sẽ không nhượng bộ bước nào hết. chúng tôi sẽ không cho Cộng sản chiếm thêm một giải đất nào cả ». Vô hình chung, các quốc gia ấy đặt cuộc đấu tranh với Cộng-sản trên phương diện « địa dư », ngoài ra thì sao lằng khía cạnh khác.

Sự thực, Cộng sản đã xâm nhập rồi, sự xâm nhập chính không phải là xâm nhập địa dư mà là xâm nhập dư luận ; nếu chỉ nói chuyện « phân chia ảnh hưởng », nói chuyện « địa dư », thì

(1) Các kỹ thuật đấu tranh của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đều rập theo các kỹ thuật chiến tranh chánh trị trình bày ở trên. Thái độ của các quốc gia muốn giải quyết vấn đề Việt-Nam bằng đàm phán, thỏa mãn một mục tiêu mà Cộng-Sản theo đuổi.

đã là nhượng bộ rồi. Sự thực, chấp thuận nguyên tắc đàm phán với cộng sản, sau khi Cộng sản gây hấn rồi tìm cách lấp liếm chứ không chịu đình chỉ gây hấn, cũng đã là nhượng bộ. Kết quả : Trong khi các quốc gia « cứng rắn » đặt tất cả thiện chí vào việc đi tìm những « giải pháp trong danh dự » (2) và trong vòng 20 năm nay, Cộng-sản đã chi phối thêm 800 triệu người, cộng với 200 triệu dân Nga, là hơn một tỷ người, nghĩa là một phần ba nhân loại.

Trong khi các nhà cầm quyền Âu-Mỹ (thường hay tự cho quyền ăn nói hộ người khác) lý luận theo các tập quán thực thể (pragmatisme), và căn cứ vào các hình thức, nhất là yếu tố địa dư và pháp lý, Cộng sản đã vòng quanh các biên giới địa dư, bất chấp các luật lệ quốc tế, và xâm nhập thẳng vào trung tâm các quốc gia, theo các kỹ thuật chiến tranh chính trị không có cứ điểm hình hài và cũng không cần quy chế.

Ta cứ xem biên bản của nhiều hội nghị quốc tế bàn về chính trị, ta cứ nhớ lại những lời tuyên bố của nhiều nghị sĩ, nhiều chính khách, (3) thì ta sẽ có cảm tưởng rằng sự xâm nhập tâm lý của Cộng sản đã phát triển như thế nào trong một « thể vô hình ». Mục đích chính yếu của Chiến Tranh Chính Trị là xâm nhập dư luận quần chúng, rồi xâm nhập tâm lý các nhà cầm quyền.

Tất nhiên nhiều nhà cầm quyền biết kế hoạch của Cộng-sản. Nhưng « Thế Giới Tự Do » đã vẫn nhượng bước trong chiến tranh lạnh, như thường !

Trước hết là vì nhiều chính phủ đã không chú trọng tới sự xâm nhập tâm lý của Cộng sản (hoặc có nghĩ tới nhưng vì dốt hay vì phong kiến nên bị dư luận nhân dân ghét sẵn). Sau nữa là vì một đảng là Cộng-Sản thì dùng những « chiến sĩ chuyên nghiệp về chiến tranh chính trị », một đảng là Thế Giới Tự Do thì có nhiều chính-trị-gia tài tử. Trong số chính khách tài tử, có các nhà trí thức khi gặp thuận tiện thì làm chính trị nhưng vẫn phải duy trì một nghề khác coi là nghề sinh sống, và có cả các chủ hãng (như tại Hoa-Kỳ) quan niệm mọi sự việc như trong một nhà máy hay một ngân hàng, không am hiểu tâm lý địa phương và ủng hộ các chính phủ địa phương cũng như một ông chủ nâng đỡ một cai thầu, miễn là cai thầu theo đúng mệnh lệnh, được lòng dân càng hay, nếu dân chúng chán ngán cũng kệ (tại Châu-Mỹ La-Tinh, Phi-Châu, Á-Đông, bao nhiêu hiểu nhầm, có khi sinh ra tan vỡ, đã gây ra bởi các xếp đặt của cơ quan mật vụ Hoa-Kỳ, chỉ vì không am hiểu tâm lý !). Trong khi ấy, Cộng-Sản hoạt động bí ẩn, thực

(2) Trước kia, Pháp nói luôn tới một « giải pháp trong danh dự cho vấn đề Việt-Nam » ; kết quả là hiệp định Genève 1954, Mới đây, Tổng-Thống Hoa-Kỳ, ông Johnson, cũng nhắc tới phức từ này, nhưng có lẽ chỉ « vui mồm » chứ không phải có tâm trạng như Pháp, hơn mười năm trước (J.E.O ngày 3-7-64.—

(3) Thí dụ như lời tuyên bố mới đây của ông U - Thang, Tổng-Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc, như luận điệu của Tướng De Gaulle và của Thái-Tử Sihanouk, như những ý kiến của một nhóm nghị sĩ và một nhóm giáo chức Hoa-Kỳ.

thực hư hư, và luôn luôn chú trọng tới các điều kiện tâm lý, thay đổi tùy địa phương, để xâm nhập dư luận và lôi cuốn các nhân dân.

Thế Giới Tự Do cũng như Cộng-Sản, đều thích nói chuyện Hòa Bình. Đối với T.G.T.D, Hòa Bình là tình trạng không có chiến tranh vũ trang, không có khủng bố cướp bóc. Đối với Cộng-Sản, Hòa Bình có nghĩa khác. Hòa Bình Vĩnh-Viễn là tình trạng toàn thể thế giới đã sống yên ổn dưới sự lãnh đạo của Cộng-Sản. Trong khi đợi thực hiện hòa bình vĩnh viễn, các «Khu vực hòa bình» là những vùng do Liên-Xô chi phối và kiểm soát được chắc chắn, không cho quốc gia khác can thiệp vào.

Quan niệm hòa bình là một yếu tố của chiến tranh chính trị. Vì các nhân dân đều yêu chuộng hòa bình, nên Thế Giới Tự Do cũng cần có một quan niệm hòa bình để đối phó với Chiến tranh Chính Trị của Cộng-Sản. Giới hạn giữa Hòa Bình và Chiến Tranh rất mong manh, hai thứ liên đới với nhau, vì vậy một quan niệm hòa bình cũng nhiều khi là một quan niệm chiến tranh (4).

Theo quan niệm hòa bình của Cộng sản, ngoài các «khu vực hòa bình» như định nghĩa ở trên, Liên-Xô áp dụng Chiến Tranh Chính Trị, xâm nhập dư luận, và tùy trường hợp gây chiến tranh phá hoại, chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng... Để bảo vệ các khu vực hòa bình chống sự xâm nhập chính trị trả đũa của các «quốc gia tư bản», Liên-Xô thiết lập Bức Màn Sắt.

Tác dụng của bức màn sắt là ở đó, «tác dụng che đậy» chỉ là phụ.

Hiện giờ, «Khu vực Hòa Bình» gồm Liên-Xô và các quốc gia Đông-Âu. Bức màn sắt mà Liên-Xô đã thiết lập quanh khu vực ấy phân chia hoàn cầu thành hai thế giới với hai tâm trạng khác hẳn nhau: bức màn sắt cũng là «bức màn tâm lý». Các quốc gia cộng sản ngoài «khu vực hòa bình» thiết lập những «khu vực an toàn» với những bức màn tương tự như bức màn sắt. Tại Á-Đông có các bức màn tre.

Các bức màn mọi loại, với bao nhiêu khó khăn sinh ra cho các nhân dân ở trong cũng như ở ngoài, đã cũng có sự phân chia hoàn cầu thành hai thế giới. Các bức màn này không phải là tất cả phần hữu hình của chiến tranh chính trị. Chiến tranh chính trị muôn mặt.

Chiến tranh chính trị có tính cách toàn diện và thường trực, với nhiều hình thức khác nhau, nhưng mục đích chính yếu vẫn là xâm nhập tâm lý, xâm nhập dư luận, dọn đường cho các xâm nhập khác đưa tới sự thắng lợi sau cùng của Cộng-sản.

Chiến tranh chính trị dùng nhiều loại khí giới, được canh tân liên tục, và cộng sản luôn luôn nghiên cứu các loại khí giới mới. Để xâm nhập tâm lý, để lung đoạn các quốc gia không Cộng sản, Đệ Tam Quốc - Tế dùng tất cả các

(4) Tôi đã trình bày về quan niệm hòa bình và quan niệm chiến tranh tại Việt Nam trong Tập-San Văn-Học, số 18 phát hành tháng 4 năm 1964 (bài Hòa hay chiến).

phương tiện : ngoại giao, phá hoại, bán quân sự, quân sự...

Chiến tranh chính trị có tính cách ẩn bí. Để thực hiện chiến tranh chính trị, ngoài các cơ quan mật vụ, gián điệp và phản gián, ngoài các tổ chức trực thuộc các quốc gia Cộng sản kể cả các sứ quán các tổ chức văn hóa và thương mại, còn có hơn 90 đảng Cộng sản địa phương vừa hoạt động công khai vừa hành động bí mật.

Chiến tranh chính trị nhằm tăng cường hiệu lực của cuộc tranh đấu ngoại giao của Liên-Xô. Như trên đã trình bày, tranh đấu cho Liên-Xô, cũng là tranh đấu cho toàn thể thế giới cộng sản, vì Liên-Xô là tổ quốc của trào lưu Cộng sản (5).

Để tranh đấu ngoại giao, Liên-Xô mới sáng chế một khí giới chính trị là Sống Chung Hòa Bình. Đây chỉ là một khẩu hiệu chiến tranh chính trị. Trên thực tế, Thế Giới Tự-Do vẫn sống chung với Cộng sản, có việc gì phải đòi hỏi ? Cộng-sản đòi hỏi, nhưng trên thực tế *không sống chung* với Thế giới Tự-Do, chúng *xâm nhập* trong Thế Giới Tự-Do và vẫn giữ các bức màn. Chi nhánh của Đệ Tam Quốc Tế, là các đảng cộng sản địa phương, bắt rễ trên đất nhiều quốc-gia. Cộng-sản có thể ví như độc-tổ của bệnh ung thư, như vi-trùng của bệnh lao, nằm sẵn trong cơ thể của Thế Giới Tự Do, đợi lúc cơ thể kém sức đề kháng thì giết chết. Chiến Tranh Chính Trị hiểm độc ở chỗ ấy.

Vì nhằm mục đích « xâm nhập » nên Chiến Tranh Chính Trị là một chiến lược « thực dân ». Chính sách thực

dân của Cộng sản không có gì tương tự với chính sách « thực dân cổ điển » nó không phải là « chính sách thực dân cổ điển đổi mới ». Nó là một chính sách hoàn toàn khác biệt, kết quả đã đủ trầm trọng để xứng đáng được Thế Giới Tự Do lưu tâm. Năm 1961, Đại-Hội Cộng-sản Thế giới thứ 22, mặc dầu có vụ xích mích với Trung-Cộng và vụ khai trừ Albanie, Khrouchchev đã xác nhận : năm 1919 (tức là sau Thế Chiến I). Tây phương có 104 triệu cây số vuông Thuộc Địa, năm 1961 chỉ còn 14 triệu. Cũng trong thời gian ấy, Khối Cộng-sản đã tăng diện tích từ 21,7 triệu cây số vuông lên 31,1 triệu, tăng nhân số từ 138 triệu lên 1.072 triệu ». (Dùng chữ éo le quá !)

Chế độ « thực dân tâm lý » hay « thực dân chính trị » không có hình thức lộ liễu như chế độ « thực dân cổ điển ». Chất sơn keo để xây dựng chế độ ấy là dây liên lạc mật thiết và kỷ luật thép ràng buộc các đảng Cộng sản với nhau dưới quyền lãnh đạo của đảng Cộng-sản Liên-Xô. Trên thực tế các đảng Cộng sản địa phương phải cử lãnh tụ thăm viếng Mạc-Tư-Khoa có định kỳ để tường trình và nhận chỉ thị.

(5) Như vậy các chính phủ ủng hộ chính sách ngoại giao của Liên Xô đã giúp không công cho Liên-Xô trong cuộc chiến tranh chính trị. Hoặc họ bị thúc đẩy bởi dư luận thì là cộng sản đã xâm nhập được dư luận. Hoặc họ bực bội với Tây Phương và e sợ sự thắng lợi sau cùng của Cộng-sản, thì là các chính phủ đã bị xâm nhập tâm lý. Luận điệu kiểu Sihanouk vừa e ngại Cộng sản, vừa ủng hộ ngoại giao cộng sản, là một dấu hiệu của sự xâm nhập tâm lý. Có ai nhận rằng mình bị xâm nhập tâm lý đâu !

Trong khi Liên-Xô áp dụng chế độ « thực dân vô hình thức », Liên-Xô vẫn tố cáo được các quốc gia Tây Phương là thực dân, vì các quốc gia này dù đã chịu giải phóng các thuộc địa nhưng vẫn còn giữ các căn cứ quân sự. Các quốc gia Cộng sản chỉ có căn cứ quân sự trên đất họ.... nhưng 90 đảng Cộng sản thiết lập ở khắp nơi những « căn cứ vô hình » là những hệ thống gián điệp phá hoại v.v...

Về phương diện quân sự, các hệ thống gián điệp và phá hoại của Cộng-sản với những kho vũ khí, là những « tiền đồn » hữu năng và hữu hiệu nếu có chiến tranh nóng. Nếu không có chiến tranh nóng, thì các tiền đồn ấy vẫn có ích lợi, vẫn có việc làm, vì nó nuôi dưỡng chiến tranh chính trị. Về phương diện tâm lý, các căn cứ quân sự lộ liễu của Tây Phương là những mồi để Liên-Xô dựa vào lên án chính sách thực dân đang lấy lòng các dân tộc kém mở mang (xâm nhập tâm lý)

Chiến tranh Chính Trị có tính cách liên tục. Tuy nhiên Cộng-sản có thể tạm thời gây chiến tranh võ trang nhỏ nhỏ không đủ quan trọng để gây đại chiến. Nếu dư luận quốc tế thuận tiện, Cộng-sản có thể gây chiến tranh giải phóng hay chiến tranh cách mạng, đều là chiến tranh vừa lạnh vừa nóng.

Tính cách « nóng » thường được chú ý hơn tính cách « lạnh ». Vì vậy, Thế Giới Tự Do dốc toàn lực vào việc sửa soạn một đại chiến — có lẽ không bao giờ xảy ra nữa — và do đó quên Chiến Tranh Chính Trị. (Việc phân chia các quốc gia là một quan niệm thiên về quân sự, đã bị Cộng sản lợi dụng về phương diện chính trị).

Báo chí Tây phương có « mặc cảm giựt gân », thích tìm tin giựt gân, thường chú trọng tới các bài diễn văn nẩy lửa, các vụ đàm phá tan vỡ, các « ngõ bí », các cuộc khủng hoảng quốc-tế, các tin tức về các loại khí giới mới : hỏa tiễn liên lục địa, vệ tinh nhân tạo, tiềm thủy đình nguyên tử, v....v.... Rất ít báo chí Tây phương nhấn mạnh vào tính cách chính trị của loại chiến tranh đang tiếp diễn. (6)

Nếu chú trọng tới chiến tranh chính trị, người ta sẽ nhận thấy tính cách hỗ tương của các cuộc khủng hoảng quốc tế hay quốc nội tại các quốc gia bị ảnh hưởng bởi Cộng sản. Họ nhận thấy ngay Luật Lúc-Lắc (loi du pendule), một phương pháp của Đệ Tam Quốc-Tế bắt nguồn từ các quan niệm quân sự. Theo luật này, Cộng-Sản áp đảo đối phương ở một nơi, gây ra các cuộc khủng hoảng để sợ khiến Thế Giới Tự Do phải chú trọng tới, trong khi ấy họ bí mật sửa soạn hành động thực sự tại nơi khác. (7)

Thế Giới Tự Do có thể tin rằng mỗi khi có các cuộc khủng hoảng quốc tế trầm trọng nếu Cộng-Sản không thu

(6) Việc Hoa-Kỳ bắt đầu lưu tâm tới khía cạnh chính trị trong vấn đề Việt-Nam là một dấu hiệu tốt. Chỉ có nước mong hai chính phủ Việt-Nam và Hoa-Kỳ tìm ra được các nguyên tắc để vô-hiệu hóa các áp lực đè nặng lên tình hình Việt-Nam, nhất là tình hình chính trị nội bộ.

(7) Trong khi xảy ra các khủng hoảng tại nơi khác, Liên-Xô bổ trí tại CuBa theo một chương trình rộng lớn nhằm cả Châu Mỹ La-Linh. Lúc tình ngộ, Hoa-Kỳ đã phải làm mạnh tức khắc, nếu có xảy ra đại chiến nguyên tử với Liên-Xô cũng phải dành.

Từ ngày có vụ xung đột Nga-Hoa. Luật Lúc-Lắc sinh ra phức tạp hơn. Tuy thế, tại Á-Đông, tình hình vẫn Lúc Lắc từ Ai-Lao và Việt Nam sang tới Nam-Dương và Đại Mã-Lai, ấy là chưa kể vấn đề Đài-Loan.

lược được thắng lợi nào, tức là họ đã thất bại. Báo chí Tây phương không lưu tâm để tìm tài liệu để khai thác đầy thôi.

Chiến - tranh Chính - trị nhằm một mục đích « toàn cầu », Cộng-Sản không giấu giếm. Thế-Giới Tự-Do có thể tin rằng mục đích ấy là một sự thực. Nếu tin, sẽ thấy ngay nhiều việc ăn khớp với nhau : các tấn công hòa bình và các loại Hội-Nghị do Cộng-Sản chủ trương, các cuộc đình công to lớn tại các quốc gia có một đảng Cộng sản mạnh và những quốc tế nghiệp đoàn do Cộng sản triệu lập, viện trợ cho Ai-Cập và Nam Dương, khủng hoảng Bá-Linh và chiến sự tại eo biển Đài-Loan, chiến tranh Đông Dương và sự xung đột giữa Nam Dương và Đại-Mã-Lai...

Văn-minh Tây-phương nhằm bảo vệ các giá trị tinh thần và các cơ cấu dân chủ coi như là những yếu tố căn bản. Ấy thế mà các quốc gia Tây-Phương không đồng ý được với nhau để lưu tâm đúng mức tới Chiến-tranh chính-trị nhằm phá hoại các căn bản ấy.

Tây-Phương đã chú trọng hơn tới khía cạnh quân sự, và đã dành được ưu thế quân sự. Thế-Giới Tự-Do sẽ chiến thắng được Cộng sản nếu Tây-Phương thỏa thuận được về một chiến lược bao trùm cả quân sự và chính trị. Ván cờ giữa Thế-giới Tự-Do và Thế-Giới Cộng-Sản đã kéo dài 20 năm. Trong những ván cờ tàn, nhiều khi con tốt là yếu tố tkáng bại. Để thực hiện Chiến-tranh Chính-trị, Cộng-Sản rất thiện nghệ trong việc sử dụng tốt biên. Thế Giới Tự-Do cần chú ý tới các quân tốt cũng như các quân khác và tránh những luận điệu kiểu De Gaulle: Âu-Châu là sinh-tử, Á-Châu chỉ là quan trọng. Nói riêng về Hoa-Kỳ, mong rằng thái độ tại Việt-Nam và Ai-Lao

sẽ cũng sáng suốt và cương quyết bền bỉ như tại Cu-Ba hai năm trước.

Trong một cuộc đại chiến, mà Cộng Sản bị lôi cuốn vào chứ không phải do Cộng-sản chủ động gây nên — thể công và thể thủ tùy nhiều yếu tố vượt phạm vi chỉ phối của Cộng sản — thì tính cách quân sự thuần túy sẽ lấn áp tính cách chính trị trong thời gian còn chiến tranh. Ngoài trường hợp ấy, Chiến tranh Chính trị vẫn là khí giới thường trực của Cộng-Sản.

Đề chống lại Chiến-tranh Chính-trị, việc thiết yếu là bảo vệ dư luận.

Nhân dân cần cảnh giác để tự gạt bỏ các tin đồn nhằm làm giảm nhuệ khí tranh đấu. Điều kiện để nhân dân tự cảnh giác, là sự cảnh giác của chính phủ. Chính phủ có phận sự không phải chỉ bảo vệ lãnh thổ, còn phải bảo vệ dư luận. Các tình trạng « trống rỗng tâm lý, trống rỗng chính trị » đều nguy hiểm, vì là dành sẵn chỗ cho địch xâm nhập. Để lấp đầy hố trống chính trị, cần có những chính sách mà nhân dân hiểu được và tin cậy được. Ngoài chính sách, cách thức bảo vệ dư luận hữu hiệu nhất là một mặt biết cai trị, cai trị công bằng và đứng đắn, việc làm ăn khớp với lời nói, một mặt thông tin đầy đủ và thiết thực. Thông tin chỉ hiệu quả nếu nhân dân tin vào các nguồn tin.

Nói riêng về Việt-Nam sau 50 năm chinh chiến, nhân dân tinh ý lắm rồi, tự phán đoán được. Đó lại là một lý do nữa để thận trọng trong việc lựa tin, viết tin, giải thích tin, đừng tránh những phản ứng trái ngược với ý muốn của chính phủ.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

Ký tới : Sách lược khủng bố và phá hoại.

thanh thuyên

BÀI CA 30

ba mươi tuổi rồi không biết đã già chưa
lòng vẫn hắt-hiu lời hát đại khờ
tình yêu đó, cô-đơn vùng biển mặn.
giấc thần-thoại hư-vô làm tiếng sóng
điều linh-hồn xa tập bến phiêu-du.
khi giạt mình băng-hoại cũng vàng thu
anh cúi xuống, lênh-đênh niềm nhục-thề.
rừng tóc đó bởi mang buồn nắng xế
anh đem sầu tuổi lựa đề dâng nhau
những cánh môi mềm thao-thức bỗng thương đau
loài chim nhỏ đã khô lời vụng đại.
thôi em nhé, cảnh vô-ưu hãy hái
cho mắt xưa soi lại bóng thiên-đường
niềm-yêu-thương nở thắm biển hoa vàng
anh nhìn thấy mùa xuân ngoài-giới-hạn

ba mươi tuổi rồi không biết đã già chưa
nỗi buồn quê-hương biết đến bao giờ
sông núi đó, đón đau từng mảnh đất
ngày với tháng rơi từng trang tử-nhục
nghe mỗi-mòn ung độc xuống tương lai
cây ưu-tư lớn với cánh tay dài
đời úp mặt ngủ trên dòng mỗi một
anh lớn đó, tuổi mềm theo máu thép
thân rong rêu bám lấy bọt cuông-lưu
anh trở về phủ-dụ lấy thương đau
nghe lửa cháy khắp nơi thành quách cũ.
thôi em nhé khi lòng anh cồ-thụ
miễn-bao-dong, vô-thề gặp vô-cùng
ba mươi tuổi rồi, chẳng biết có già không

ý nghĩ hiển của mẹ

thái - tú - hạp

xin những vì sao thấp lên vùng đen tối đó
để mắt nhìn từng khuôn mặt anh em
để bàn tay tìm nhau trong hơi thở
để nghe máu mình đang chảy về tim



lòng mẹ già nua mấy đời lao khổ
đón con về trong mái lá tự do
mẹ sẽ ru bài ca dao đầy mộng nhỏ
từng niềm vui chín đỏ tự hôm nào



mẹ sẽ hái cho con chùm ánh sáng
của tình yêu nòi giống của quê hương
mẹ sẽ bỏ quên đi từng dấu đạn
của hờn căm và tủi nhục vô cùng



mẹ muốn gọi tên con thật trù mển
mà nghe sao chưa xót cả tâm hồn
mẹ muốn khóc vì niềm đau chủ nghĩa
mang cho đời những ý nghĩ cô đơn



đến khi nào xin nhận một mùa xuân ?
cho giòng sông trôi buồn chuyện đau thương
mẹ sẽ đưa con vào giấc mơ lý tưởng
hồn không chai vì đá sỏi công trường



con sẽ hát bài thơ ca ngợi tự do
giữa trời quê hương xanh mắt đợi chờ
cánh chim bồ câu bay trên thành phố
ánh mắt bừng lên không gươm súng hận thù

Về bốn phương trời

Tôi vừa hấp tấp chạy xuống đến lưng chừng thang thì một cái đầu nhỏ, cứng xông lên, lao vào bụng tôi. Cả hai cùng hét lên một tiếng. Tuy suýt ngã bật ngửa về phía sau, tôi cũng cố quơ tay về phía trước hy vọng tóm được kẻ đối diện. Tôi nắm được cánh tay gầy gò, xương xẩu của bé Hùng. Nó đã ôm chặt lấy cái tay vịn cho khỏi lộn ngược xuống. Tôi kêu :

— Đi đâu mà vội thế ? Sao không vỗ tay ? Muốn ngã gãy cổ hả ?

Bé Hùng cãi :

— Anh có vỗ tay không chớ ?

Tôi cười, nhớ lại sự hấp tấp của mình. Nắm cánh tay nó, tôi kéo cho nó đứng thẳng dậy. Cũng may, tai nạn không xảy ra. Đã nhiều lần như thế rồi. Lũ nhỏ nhanh tay lạ lùng. Chúng bám kịp một cách chắc chắn vào tay vịn dọc cầu thang như bám vào cuộc sống. Hùng vừa bước tránh sang một bên để tiếp tục lên thang, vừa hỏi :

— Thằng Vinh có trên lầu không anh ?

— Chắc có. Hồi nãy tao nghe nó cười ở giường thằng Tấn.

Xuống hết cầu thang, tôi lần bước về phía nhà chơi. Trời đang nắng to. Hơi nắng đem theo mùi cỏ cháy làm khô mũi. Không cần lên tiếng tôi cũng biết Hoan ngồi ở góc nhà chơi, gần phòng nhạc. Tiếng đàn măng-căm của anh ta bao giờ cũng thế, chả trộn lẫn với ai được. Những nốt cao anh ta thường gảy thật rẹ và luôn luôn kẹt ở nốt « si ». Đến nốt đó bỗng dừng dòng nhạc như đứng sững lại, lúng túng và ngỡ ngàng. Tôi đứng sát bên Hoan:

— Bỏ đậu rồi đó. Biết chưa ?

— Biết rồi.

— Ai nói ?

— Thầy Sáu.

Giọng Hoan thản nhiên đứng đứng :

— Máy đưa thi đồ hết mà. Ồi, coi như bỏ, ăn nhậu gì,

Hoàn nắm tay tôi kéo xuống :

— Ngồi đây bồ.

Tôi ngồi cạnh Hoan, trên chiếc ghế xi-măng, tựa lưng vào tường. Hoan ngồi một mình đang gầy và lắng nghe âm thanh của một bản nhạc buồn. Hân anh ta không vui. Tôi cũng ngồi im. Câu chuyện thi đồ của anh ta quả thực là buồn. Cái tin vui đó khi được ông thầy học loan ra chỉ làm sung sướng mấy cậu bé. Các cậu vốn yêu đời và chưa biết sợ ngày may. « Các em đồ hết rồi » thầy Sáu đã nói câu đó với giọng hân hoan và cảm động. Thầy đã tận tâm dạy chúng tôi, thầy có quyền sung sướng về kết quả công việc của thầy. Nhất là, ai cũng đồng ý công việc của thầy thật khó khăn. Nhưng, lúc đó, một anh, tôi chịu không biết là ai, vì giọng anh nói lẫn trong tiếng cười, hỏi thầy :

— Đồ để làm gì thầy ?

Thầy Sáu dăm lúng túng trong việc tìm câu trả lời. Mãi sau, thầy mới nói :

— Đi thi thi đồ là mừng chớ.

Thằng Quỳnh nhỏ bỗng cười phá lên, châm chọc :

— Đậu thi được bằng cấp. Ít nữa, mình đeo cái bằng ở ngực để đi bán bần chải cho nó le hơn.

Câu nói đó đã có ý chế riếu nghề làm bần chải, cái nghề độc nhất mà nhà trường dạy cho chúng tôi để chúng tôi tập kiếm sống. Thầy Sáu có vẻ giận. Hay thầy buồn với chúng tôi ? Không ai biết. Thầy im lặng và bỏ đi. Đợi cho tiếng chân thầy nhỏ, xa dần, bọn người thi đậu mới bắt đầu nhảy nhót, cười đùa. Tuy thích tỏ ra cay đắng, chua chát chúng tôi cũng không muốn bỏ lỡ một dịp vui nào có thể coi được là vui. Có tiếng Sinh, cậu bé nghịch ngợm và bướng bỉnh nổi tiếng trong trường hét to :

— Trời ơi ! Anh Nô của tôi đậu rồi, đậu hạng nhứt lận ! Văn chương chữ nghĩa của anh hay quá mà ! Giám khảo chấm gì nổi ! Anh Nô cho tụi này ăn mừng đi.

Nô cười sằng sặc có vẻ ghen tở. Chắc Sinh đã chồm lên bá cổ anh ta. Nô kêu :

— Bỏ ra, tác thờ mày, tao quật cho mày rơi xuống gãy xương sống bây giờ.

Niềm vui và tiếng cười lan ra. Bỗng chốc, hình như mọi người lại quên được tất cả. Cũng như biết bao lần trong đời tôi đã quên được, trong giây phút, cái thế giới tăm tối mà chật hẹp, ít khi rộng quá tầm tay. Tôi bỏ đám đông đi tìm Hoan.

Xưởng máy trước cửa trường vẫn phát ra tiếng máy điện chạy âm ầm. Ban ngày, lẫn trong tiếng động cơ xe cộ, cái âm thanh đều đều buồn nản đó trở nên ào ào như tiếng gió lớn.

Hoan ngừng đàn, đặt một tay lên bàn tay tôi. Có lẽ những ngón tay tôi đột nhiên trở nên xa lạ. Hoan lần vuốt từng ngón rồi bóp nhẹ ngón tay út của tôi. Tôi quàng tay quá vai anh ta và nói lên cái ý nghĩ ở trong đầu cả hai đứa :

— Buồn ghê.

Hoan lại bóp nhẹ ngón tay tôi :

— Tôi còn bốn ngày, bồ còn bảy ngày nữa...

Hoan đã tốt nghiệp, đã ăn cơm của nhà trường đủ năm năm và kể như đã học hết chữ của nhà trường. Như thế, chỉ còn bốn ngày nữa là cuộc đời nội trú của hắn ta sẽ kết thúc. Năm năm ân huệ xã hội dành cho Hoan đã qua rồi. Tôi biết, Hoan không buồn vì chuyện sự học hỏi bị chấm dứt quá sớm, Hoan lo lắng cho cái tương lai phải tự túc của hắn. Cũng như bao nhiêu người lớp trước, chúng tôi đến trường khi còn dốt nát và ra trường với một vốn kiến thức, một trí khôn chẳng ai thêm dưng. Và, tất cả thường dựa vào những điều đã học hỏi được để hiểu rõ về thân phận của mình hơn. Mỗi một lần lên lớp là một lần thấy nguồn sống của mình cứ ngán dần, Tương lai đó ! Thật là « tương lai chan hòa trên mi mắt » như Nô thường nói. Tốt nghiệp, thi đậu, nghĩa là không còn được ở trong trường nữa. Mình đã ăn hết phần cơm năm năm của mình rồi còn đâu.

Ở khoảng hành lang giữa nhà chơi và phòng nhạc, mấy chú bé kiếm đâu được cái ống bơ sữa bò, đang chia bên đề đá bóng. Các chú còn đủ ngây thơ để chưa biết được nỗi khổ của mình. Tiếng chiếc ống bơ lăn trên nền xi-măng nghe thật inh ỏi, khó chịu. Trái banh kỳ quặc này đi đến đâu cũng lên tiếng xác định chỗ đứng của nó, không bao giờ trốn chạy vào khoảng tối tăm mênh mông. Nếu tương lai của chúng tôi cũng có thứ âm thanh dãn dặt như thế !...

Bỗng, Hoan hét lên :

— Thôi ! Trưa rồi đó ! Dừng làm ồn !

Lũ trẻ làm như không nghe thấy tiếng Hoan, vẫn tiếp tục trò chơi ồn ào ấy. Sợ Hoan lấy mất « banh » chúng đi chuyển dần về phía cửa phòng nhạc.

Chúng tôi im lặng. Hoan cầm đàn, co một chân đặt lên chân tôi và vừa gảy vừa áp tai vào sườn đàn để nghe. Hẳn gảy từng tiếng một, nặng nề, chậm chạp. Bản nhạc buồn nghe quen, nhưng tôi không nhớ là bản gì. Tôi đập chân khe khẽ làm nhịp và yên lặng cho tới khi nghe tiếng chuông báo giờ ăn...

Buổi tối, câu chuyện « nghỉ hè » bỗng trở thành một đề tài chính. Đến giờ ngủ, chúng tôi vẫn còn nói chuyện ồn ào. Các thầy đều tỏ ra dễ dãi trong những ngày cuối. Giờ học chẳng đứa nào chịu thuộc bài và giờ ngủ tất cả có thể thức đề tán gẫu. Thỉnh thoảng, ông giám thị lên phòng ngủ kiểm soát. Nhưng dù ông bước nhẹ đến thế nào chúng tôi vẫn nghe rõ tiếng chân ông lép xẹp trên từng bậc thang. Hôm qua anh Cung, cũng đã học hết năm năm và đang lo cho giờ phút từ giã nhà trường bỗng nổi điên vừa hét vừa nhảy thình thình như muốn phá xập cả ngôi trường. Thầy giám thị hấp tấp chạy lên, tất cả hoảng hồn. Cung trở lại giường mình nằm tỉnh khô. Nhưng thầy chỉ mắng qua loa.

Cánh cửa chính của phòng ngủ vừa đóng lại, tôi đã rời khỏi giường tiến đến giường Hoan :

— Ngủ rồi hả bồ ?

Tiếng Hoan từ phía đầu giường, sát bên cửa sổ :

— Chưa ?

— Làm gì đó ?

— Đang xếp lại hành lý đề sửa soạn lên đường.

Hoan có một cái hộp gỗ nhỏ đựng quần áo và vài đồ dùng lặt vặt. Những lúc buồn, không có việc làm, hẳn lại mở hộp ra, rờ rẫm, xếp lại từng thứ.

Vướng chân vào chiếc gậy của Hoan đề ở bên giường, tôi dừng lại. Một bàn tay ở giường bên phải nắm lấy vạt áo tôi, kéo xuống. Tôi đưa tay ra và chạm vào khuôn mặt có nhiều nốt sần của Vinh.

— Ngồi đây.

Dòng nước mắt trên má Vinh làm ướt mấy đầu ngón tay tôi. Tôi lướt ngón tay ngược lên gần đuôi mắt anh ta và kêu :

— Ê ! Khóc hả ?

Vinh ôm ngang lưng tôi khiến tôi ngã nghiêng trên ngực anh ta. Vừa cười khanh khách, Vinh vừa nói :

— Khóc chứ. Khóc cho quên sự đời.

Trong bọn chúng tôi, Vinh mập mập và vui tính nhất. Anh ta thường ham gảy đàn, đến độ xuống phòng ăn muợn và bị truất mất phần

cơm. Vĩnh có cái bụng phệ nên bị chúng tôi gán cho cái nhãn hiệu « thực dân ». Nhưng anh ta lại tin chắc một cách nhiệt thành rằng cái bụng đó chính là một quý tướng, có thể giúp cho cuộc đời sau này của anh có đủ cơm ăn, áo mặc. Hồi mới vào trường, chưa quen với cuộc sống kỷ luật, Vĩnh phạm lỗi luôn. Ban đêm, nhiều khi Vĩnh không ngủ được. Anh ta mò đến giường tôi, gãi chân hoặc dựng đầu tôi dậy. Nhiều lần tôi nổi cáu, co giò đập thẳng vào cái quý tướng thực dân của anh ta. Vĩnh chỉ cười, không giận.

Vĩnh hỏi :

— Bỏ có muốn nghe bức thư của má tôi không ? Bà cụ mới gửi thư cho tôi hồi sáng này.

— Nhờ ai đọc chưa.

— Rồi. Mình nhờ chị bếp đọc để chép ra chữ nổi. Bây giờ tôi thuộc lòng bức thư của má tôi rồi. Đây cho bỏ đọc.

Vĩnh xoay nghiêng người, vói lên đầu giường rồi đưa cho tôi một chiếc phong bì đã xé, một tờ giấy mỏng và một tấm bìa dày, thứ giấy đặc biệt của chúng tôi. Tôi rờ qua bức thư thật rồi đặt xuống ngực Vĩnh. Co cả hai chân, ngồi xếp chân bên cạnh Vĩnh, tôi lần ngón tay trên tấm giấy cứng đọc bức thư của mẹ anh ta :

« Vĩnh con,

Hồi này ở bên Lào lộn xộn lắm, đánh nhau luôn. Mẹ phải dẹp cửa hàng để về ở với chị Tư rồi. Hàng hóa phần thì cháy phần thì hư hỏng hết cả. Mẹ gần hết cả tiền vốn. Mùa hè này con xem ở bên đó có chỗ nào ở nhờ được ba tháng thì là phần nhứt. Về Lào bây giờ đường đi khó khăn, lại phải ở nhờ chị Tư. Mẹ gửi thêm cho con một chiếc nhãn nữa. Tiền bán chiếc nhãn trước đã tiêu hết chưa. Con ăn tiêu hà tiện một chút, hồi này mẹ túng lắm. Chỗ nào cũng đánh nhau, chả buôn bán gì được. Chị Tư gửi lời thăm con. Nếu con kiếm được chỗ ở cho qua ba tháng hè thì nhờ người viết thư về báo cho mẹ biết, cho mẹ mừng.... »

Tôi ngừng đọc, hỏi Vĩnh :

— Thế năm nay bỏ có về Lào không ?

Vĩnh nhóm dậy :

— Đọc xong rồi hả ? Bỏ thấy tội nghiệp mẹ tôi không. Tuy hết cả tiền mà mẹ tôi vẫn gửi cho tôi cái nhãn « phòng thân ».

Vĩnh chỉ còn một người mẹ, sinh sống ở bên Lào. Anh ta thường nói đùa là được mẹ cho « sang Việt-Nam du học ». Mỗi năm bà gửi cho Vĩnh một cái nhãn vàng nhỏ để anh ta có thể bán lấy tiền tiêu vặt. Năm

vừa rồi bà buôn bán thua lỗ, Vĩnh giữ thật chắc cái nhẫn « phòng thân » nhất định không bán. Mỗi lần nghe một tin về chiến tranh bên Lào, Vĩnh lại vừa cười, vừa khóc nhắc đến bà mẹ.

Vĩnh trao cả hai chiếc nhẫn cho tôi xem. Cả hai có cùng một kích thước. Vĩnh hỏi :

— Tôi đồ bỏ điếc cái nào cũ, cái nào mới ?

— Chịu.

— Cái cũ có vết trầy lớn lắm.

— Sao vậy ?

— Bỏ không nhớ cái bữa tôi đâm đầu vào cánh cửa ở phòng nhạc há.

Tôi lần tìm được vết sứt tâm chiếc nhẫn cũ :

— Thế là bỏ có những hai cái nhẫn. Giàu rồi còn gì.

Tôi đặt trả hai chiếc nhẫn vào bàn tay Vĩnh. Vĩnh nắm vật ra giường. Cánh tay gạt nước mắt của anh ta chạm vào chân tôi. Vĩnh nói, giọng nghiêm trang, nhẹ và buồn :

— Tôi đang định gửi lại cho má tôi một cái.

Tiếng máy ở công xưởng trước trường bỗng nhiên ngừng. Gió đêm lùa qua cửa sổ, vào phòng, thoáng qua tôi như một bóng người vội vã. Trời lạnh, đêm khuya rồi. Bỗng Hoan lên tiếng :

— Gửi lại làm chi. Đề đó tại mình làm vốn lập một ban nhạc sống lai rai qua ngày. Tôi với bỏ Vĩnh đều đồn hay mà, lo gì. Tại mình hát nghe cũng được quá chớ.

Vĩnh vùng dậy, vội vàng, hớn hờ. Thoáng một cái anh ta đã ôm trong tay chiếc Tây-ban-cầm. khua âm ỉ :

— Ờ. Mùa hè này nhứt định tôi với bỏ Hoan sẽ lập ban nhạc. Tại mình dợt lại coi.

Ở giường bên, tiếng « măng-cầm » của Hoan văng lên, cao vút, vãn kết ở nốt « si ». Âm thanh nhiều lúc nhảy nhót, tin tưởng. Vĩnh lên lại dây đàn. Sau đó, cả hai hăm hờ chơi những bản nhạc vui, hùng. Vĩnh đập tay lên mặt đàn và thỉnh thoảng cất tiếng hát nho nhỏ. Nhưng đến giữa bài thứ tư, bỗng tiếng « măng-cầm » trở nên rời rạc, chán nản. Từng nốt bật lên một cách bứt rứt, uể oải. Hình như bàn tay gầy đã trở nên hờ hững, thất vọng và người gầy đang từ từ ngã người nằm xuống giường. Vĩnh hỏi :

— Sao vậy ?

Tiếng lưng đàn chạm mạnh xuống sàn gác ở gậm giường của Hoan, Hoan trả lời trong khi ngáp :

— Thôi cho ban nhạc nghỉ. Buồn ngủ rồi.

Vĩnh hỏi tôi :

— Thế nào ? Ban nhạc của tụi tôi chơi được không bồ ? Liệu đã vào rạp lớn được chưa, hay chỉ mới đáng làm ăn lai rai ở bến xe, bến tàu ?...

Có tiếng dép lẹp xẹp ở dưới chân thang, sợ ông giám thị lên, tôi vội lẩn về giường nằm. Vĩnh nói với theo :

— Chúc bồ ngủ ngon. Còn tôi, đêm nay tôi phải thức trắng để tính kế...

Làm sàu tôi có thể ngủ ngon được. Tôi không có một người mẹ ở bên Lào, một con đường về nhà gặp ghềnh nguy hiểm như Vĩnh, nhưng tôi cũng có những lý do để thức một đêm, lo chuyện mùa hè. Từ ngày bóng tối trùm lên cuộc đời tôi, đã biết bao lần tôi thức suốt đêm để nằm trong tù hãm mệnh mông này. Đột nhiên thế giới thu hẹp hẳn lại, các âm thanh thì xa vời và những cái gì mình nắm được trong tay cũng chẳng có gì là chắc chắn.

Một buổi chiều thứ bảy anh Phong vào chơi. Tôi hỏi anh về mùa hè. Anh Phong tưởng là tôi đang vui vì sắp được nghỉ nên hăng hái giảng giải :

— Mùa hè là mùa vui nhất của học sinh. Ở đây không có tiếng ve kêu, nhưng cũng có hoa phượng đỏ.

Anh Phong lúng túng, ngừng lại. Anh vẫn cố tránh những tiếng về màu sắc trong câu chuyện. Thực ra, điều đó đối với chúng tôi có can hệ gì. Niềm vui anh mang đến. Cánh tay anh thành thật đưa ra cho tôi năm đã giúp tôi quên nỗi bơ vơ, là một ân huệ cho chúng tôi rồi. Mỗi lần thỉnh linh nghe tiếng anh gọi nhỏ ngay bên tai tôi, tôi đã vùng reo lên, hân hoan cùng cực. Nhưng anh Phong thì lúc nào cũng sợ rằng sự lơ lửng của anh có thể làm tôi buồn. Anh cố gắng tìm một cách diễn tả khác :

— Hoa phượng nở, không thơm, nhưng có một mùi đặc biệt, lạ. Cánh hoa mềm như nhung.

Tôi đề nghị :

— Hôm nào rảnh, anh đem vào cho em một bông hoa phượng. Em cũng muốn thưởng thức mùi của mùa hè.

Anh đem hoa vào thật, cánh hoa còn tươi và ướt, thơm nồng. Tôi đặt những bông hoa phượng trong lòng bàn tay, nâng niu. Tôi bắt anh tả phong cảnh một ngôi trường đầy hoa phượng nở vào mùa hè. Tôi

định dựa vào lời anh đề gợi lại một quá khứ, nhưng hoàn toàn thất vọng. Những cánh hoa êm như nhung, mùi hoa thơm nồng đưa tôi vào một cảm giác băng khuâng. Còn tất cả mái ngói, tường rêu chỉ là những góc cạnh hỗn độn mơ hồ tối tăm như những hình ảnh của kiếp trước.

Anh Phong hỏi về những thú vui của tôi trong mùa hè. Tôi lắc đầu cười và thành thực nói rằng tôi chẳng muốn rời nhà trường dù chỉ một tháng hay một tuần. Anh ngạc nhiên lắm. Ít nhất thì mùa hè người ta cũng có cái thú vui về với gia đình, gặp gỡ những người thân. Tôi có đầy đủ những thứ đó cơ mà. Tôi không thể nói rõ điều gì được. Anh sẽ buồn bã cùng với tôi một cách vô ích. Tất cả chúng tôi không đứa nào muốn kéo những người bạn thân vào ngồi chung trong bóng tối với mình. Tôi nhất định xoay câu chuyện sang vấn đề ca nhạc và nài anh hát một bản nhạc ngoại quốc. Anh không từ chối. Tôi vỗ tay làm nhịp và tìm được niềm vui trong âm thanh.

Lúc anh Phong về, tôi nhớ đến bông hoa phượng. Nó rơi xuống gầm bàn khiến tôi mất một hồi lâu tìm kiếm. Bông hoa nằm trong tay tôi có lẫn chút bụi cát. Mùi hoa thơm nồng, cánh hoa mềm như nhung... Đó, những dấu hiệu báo sự bắt đầu của một chuỗi ngày làm tôi kinh sợ.

Tôi đã xa lạ với gia đình tôi lắm rồi, cả cái tỉnh nhỏ đó nữa. Chúng tôi chẳng còn gì để lưu luyến nhau. Một năm, kể cả ngày lễ, tôi chỉ ở nhà khoảng hơn ba tháng, không lần nào được nói chuyện với một người trong gia đình lâu quá năm phút. Nhiều lắm thì những người hàng xóm chỉ thấy một lần tôi chống gậy chậm chạp bước về, một lần tôi chậm chạp ra đi. Sau cái buổi ngồi hóng gió ở trước cửa để cho lũ trẻ hàng xóm xúm lại trêu cợt tôi bị thím tôi mắng. Trong lúc quá nóng giận thím đã để lộ cho tôi biết thêm được nhiều điều. Ngoài nhiệm vụ được trời sai xuống làm một gánh nặng cho gia đình thím, tôi còn là một chứng cứ để bọn hàng xóm có thể coi thường thím.

Bây giờ, tôi đã có một chỗ kín đáo để nghỉ hè. Đó là cái giường gỗ thấp kê ở một góc cái gác xép nóng như thiêu. Giường rộng nhưng ngắn. Cái thể giới còn con đó vẫn còn bắt tôi phải co chân lại. Trong suốt ba tháng, ngày nọ qua ngày kia, tôi quanh quẩn bên chiếc giường đó. Những lúc rảnh rỗi, tôi có thể ngồi yên, nằm hay ngủ để chờ giờ ăn cơm. Trước kia, tôi đã xin một việc làm để được đi lại, khỏi phải ngồi lặng lẽ hàng ngày như một pho tượng. Nhưng chú thím tôi không cần khả năng của tôi bằng sự kín đáo.

Đời sống ở đây thì cũng chỉ là một chuỗi ngày giống nhau. Nhưng tôi có bạn. Tôi được nói và được nghe nói. Những người bạn như anh Phong thường đem đến cho chúng tôi một nguồn khích lệ tinh thần. Anh đã đọc cho tôi nghe câu chuyện tự thuật của một người khiếm thị

làm luật sư để tôi thấy rằng không phải chúng tôi chỉ có thể làm được một nghề độc nhất là nghề làm bàn chải, khả năng của tôi không phải là chỉ ngồi quanh quẩn bên chiếc giường gỗ thấp chờ giờ cơm.

Tôi chán và tôi sợ ngay về lắm rồi. Trong mùa hè năm đầu mới xa nhà, tôi đã trở về thành phố với sự vui mừng nặng hơn hành lý. Tôi khua chiếc gậy chỉ đường trên những vỉa hè quen thuộc. Tôi chú ý đến cả những luồng gió nhẹ từ lòng những ngõ hẻm lướt qua da thịt tôi. Và mỗi câu nói, dù chỉ là những tiếng mơ hồ, xa lạ tôi gặp ở dọc đường, tôi đều lắng nghe. Niềm vui thú trong cuộc đời tôi, và những người như tôi, là hồi hộp mong mỏi, chờ đợi một tiếng reo quen thuộc. Đột nhiên, tiếng reo nổi lên ở một hướng nào đó. Nỗi vui mừng vụt mọc ra giữa bóng tối mênh mông. Tôi bồi hồi cảm động, nhiều lần run rẩy cả chân tay. Sự quen thuộc chỉ là một giọng nói và một bàn tay. Nhưng tôi chẳng bao giờ quên được những bàn tay, những ngón tay và cả những chiếc khuy áo mà tôi đã được nắm giữ. Tôi nhớ những đường gân và những cựa quậy mong manh của chúng. Và lại, những bàn tay mà tôi được nắm giữ để hân hoan tỏ sự thân mật nào có nhiều gì.

Không hiểu sao, bây giờ, những bàn tay bè bạn đó cứ mất dần. Cái tỉnh nhỏ đó chỉ còn có một cái giường gỗ nồng sặc mùi bụi chờ đợi tôi. Chỉ có nó với căn gác xép nóng hổi là trung thành với tôi như bóng tối.

Một tiếng chân hơi nặng nề bỗng nổi lên ngay ở đầu giường tôi. Tôi hỏi khẽ :

— Tên nào đó ?

— Vĩnh đây.

— Mò đi đâu ?

— Đi uống nước.

Vĩnh lần đến tận đầu phòng. Ông giám thị đã ra lệnh không cho ai được quyền khát nước vào ban đêm. Vì thế, anh Căn, lớn nhất bọn thường chịu khó lén lút, mỗi tối, đem một bình nước cất giấu ở gần giường anh. Tên nào khát cứ việc mò đến xin. Lúc Vĩnh trở lại, qua gần giường tôi, tôi hỏi :

— Khuya rồi nhỉ.

— Khuya lắm rồi. Ngủ đi. Sáng mai dậy sớm đưa tiền tụi nó.

Ở giường Thịnh vẫn có tiếng rì rầm nói chuyện và tiếng cười bị hạn chế. Hình như Thịnh và Vân đang coi bói cho nhau bằng cách rờ xem chỉ tay. Tên họ bảo tên kia sẽ giàu, sẽ sung sướng, sẽ lập được gia đình, đàn ông hoàng. Dĩ nhiên cả hai không tin lời nhau. Những ảo vọng

được nhắc đi nhắc lại mãi đã trở thành nhàm chán. Nhưng chỉ còn một một cách đó để cười dễ dàng.

Thứ tiếng rì rầm đó biến được một lúc lâu tôi mới cảm thấy buồn ngủ...

Sáng hôm sau, người chị Thịnh đến đón hân về từ sớm. Mới thoáng nghe tiếng chị ở phòng khách, hân đã chạy ào xuống. Thịnh là người tốt số nhất trong bọn chúng tôi. Hân có gia đình và được thương yêu thành thực. Chị Thịnh học ở Sài Gòn, thứ bảy nào cũng vào thăm hân. Chị đọc thư nhà, chị nói chuyện về đời sống, chị nói đùa cho cậu em vui cười. Lúc buồn Thịnh có thể khóc thả cửa để được an ủi. Có một người chị nghe mình khóc như thế thật là thần tiên. Ngày đầu tiên được đưa đến trường, Thịnh kêu gào ầm ĩ đòi về. Hân định ninh là người ta bỏ tù hân, tù về tội không làm được việc gì có ích. Các ông giám thị và cả ông hiệu trưởng xúm lại giảng giải, hân càng sợ. Mới đầu hân van xin rồi hân dọa lại : hoặc cho hân về hoặc hân cần lười chết. Cũng như chúng tôi, lúc ấy, Thịnh nghi ngờ mọi người. Nhưng vì quen được cung chiều, hân dám tỏ lộ sự nghi ngờ ấy ra. Còn chúng tôi, chúng tôi đã quen chịu đựng, quen được dắt đi, được đẩy tới. Dù biết đang bị lừa lọc chúng tôi vẫn cần răng. Ngay trong tình bạn, tôi vẫn sẵn sàng nhận chịu một vào chuyện dối trá. Có người đã đưa tay cho tôi cầm, bằng lòng trở thành bạn của tôi. Nhưng sau, vì một cơ nào đó, người bạn ấy không thêm gặp tôi nữa. Anh ta vẫn vào trường nói chuyện với vài người khác. Tôi cố tình đi quanh quẩn ở chỗ anh ta đứng nói chuyện và khắc khoải mong chờ một tiếng gọi để được reo lên, được nắm lại bàn tay, bóp nhẹ từng thớ thịt trên cánh tay anh ta. Nhưng tiếng gọi đó không bao giờ có nữa. Anh cố tình quên hân đưa bạn vô duyên. Và, có lần anh đi qua mặt tôi với những bước chậm đều đều, yên ổn. Chắc anh ta không thể ngờ rằng tôi đã lắng nghe từng nhịp chân bước, từng hơi gió thoảng, và tôi đã cảm thấy rất rõ ràng hình bóng anh ta lướt qua mặt tôi. Dĩ nhiên, tôi không lên tiếng và nếu cần, dành tiếng thở dài cho riêng mình.

Thịnh chưa quen chịu đựng nên lần ấy, đã rầy rụa khóc lóc. Vài người học trò lớn trong trường cũng kéo đến phụ với chị Thịnh giảng giải cho hân nghe. Nhưng hân vẫn găm thét :

— Các người tưởng tôi không thấy đường thì gạt được tôi hả. Tôi không mắc lừa mấy người đâu.

Sau đó người chị của Thịnh cũng bật khóc và không nói gì thêm được nữa. Phải được đưa đến lần thứ hai, Thịnh mới chịu ở lại trường. Những ngày đầu chúng tôi thường đùa nghịch bằng cách vuốt mái tóc được uốn cẩn thận của Thịnh. Khuôn mặt hân tròn, trán cao, làn da mềm và trơn, chúng tôi đặt cho hân cái tên quý hóa nhất « Hoàng tử đẹp trai ».

Thịnh đã sửa soạn xong hành lý từ hôm trước, hấn đi từ giã từng đứa. Hấn lại chia gia tài cho mấy đứa bạn thân nhất. Vân được hộp thuốc đánh răng dỏ. Tồi và Vĩnh mỗi đứa được hấn tặng một cục xà phòng.

Năm sáu đứa khoác tay nhau, chúng tôi đi tiễn chân Thịnh. Người chị Thịnh chờ ở chân thang. Chị gọi tên từng đứa rồi hỏi :

— Chừng nào các chú mới về ?

Vân trả lời thay cả bọn :

— Dạ, thưa chị, tụi em sẽ ở tới ngày cuối cùng, khỏi bỏ uồng cơm nhà bếp. Hồi nào tụi em đỡ cơ là lũ heo nuôi trong trường lại kêu la dữ lắm. Chúng nó sợ bị bội thực chị ạ.

Chị Thịnh cười, tiếng cười kín đáo, ngắn đứt đoạn, nghe không vui nhưng thật dịu dàng, dễ thương. Vĩnh hỏi :

— Chị có thấy hồi này Hoàng tử đẹp trai mập ra không ?

— Nó mập và trắng hơn trước nhiều, các chú cũng vậy.

Chúng tôi đưa tiễn chị em Thịnh ra tận cổng trường. Chị Thịnh nhẹ nhàng đặt tay lên vai từng đứa để từ biệt. Cánh cửa đóng lại rồi, Vân còn nói với theo :

— Mùa hè Thịnh gắng ăn cho thật mập, thật nặng ký nghe chưa. Đầu niên học, tụi mình cùng mập, tụi mình sẽ dẫm xập „lầu nhà trường. Chính phủ phải xây cho mình ngôi trường khác ngon lành hơn.

Tiếng cười của Thịnh lẫn trong tiếng cánh cửa xe đóng xập lại xa dần...

Chuông điểm thời gian báo chín giờ được một lúc lâu thì đến lượt anh Tần sửa soạn lên đường. Cũng như Hoan, anh đã ở trường đủ năm năm, đã đỗ bằng Tiểu học, nên lần ra đi này được kể là vĩnh viễn. Chúng tôi xúm quanh anh nói chuyện, đùa nghịch vì biết rằng có thể suốt đời mình không còn có dịp gặp anh nữa. Đến đứng sát bên nhau còn cò lúc chẳng nhận được nhau, nói gì đến chuyện tái ngộ.

Anh Tần không ai đến đón cá. Gia tài của anh cũng chỉ gồm có hai chiếc va-li không nặng lắm. Vĩnh nói :

Theo thầy trưởng Vân thì cái sỏ bồ Tần về sau này thế nào cũng làm ăn khá giả. Lúc đó đừng quên anh em đấy.

Vân bảo :

— Yên trí. Anh ấy không quên đâu. Khi thành triệu phú anh ấy sẽ lập một cái trại nuôi tụi mình cho mà coi. Tụi mình chỉ việc ăn xong là rớn, lại có vợ con đang hoàng.

Tần không nói gì. Có thể anh ta đang cười lặng lẽ, có thể anh ta không thích những câu nói đùa của các bạn. Vân hỏi :

— Anh Tần chịu thế không ?

Tần trả lời, giọng sốt sắng một cách giả tạo :

— Chịu chứ. Tôi sẽ đem bằng cấp đi rao bán, bao giờ được đủ một triệu thì sẽ bao các cậu.

Cả bọn reh lên. Bổng Sinh nói một câu rất ngang :

— Ôi, bằng cấp của anh chỉ là đồ bỏ, cho tôi cũng không thèm lấy. Muốn thành triệu phú thì lại đây tôi chỉ cho nghề coi bói gia truyền. Cam đoan đoán vận mạng, công danh, ái tình đúng trăm phần trăm. Hành nghề vài năm là có nhà lầu, xe hơi. Con gái tôi bu đầy cửa, phải nhờ cảnh binh giải tán.

Tần cười to, cay đắng :

— Tôi về rồi, mai mốt nếu các cậu nghe đồn có đứa nào ngược đeo bằng cấp, vai gánh bàn chải, nằm chết vì đói thì đứa đó đúng là tôi.

Tần xách va ly. Chúng tôi, đứa nắm tay, đứa nắm áo anh ta, cùng đi tiễn chân. Được mấy bước, bỗng Sinh nảy ra một cái ý kỳ quặc, Hấn lên tiếng trước. Chúng tôi đâm vào hai cánh tay Sinh vừa đang ra đề chặn chúng tôi. Sinh nói :

— Khoan đã các bồ. Tôi đề nghị cái này. Anh Tần rời khỏi nhà trường vĩnh viễn, từ hôm nay không được chính phủ nuôi thì kể như anh ấy đã chết rồi.

Vĩnh kêu lên :

— Ê ! đừng có ăn nói bậy bạ. Người ta đang sống nhăn mà bảo chết, chết cái gì ?

Giọng Tần hơi run, trầm, không hiểu vì giận dữ, xúc cảm hay vì anh ta đang cố nín cười :

— Sinh nói đúng đó. Rời nhà trường mình thất nghiệp là chết đói.

— Chết vì đói, vì không thấy đường mà lao xuống sông, bị xe cán... thứ nào cũng được. Như tội tôi kể như bồ chết từ hôm nay.

Vẫn dang tay chặn lối chúng tôi, Sinh nói to :

— Vậy tội mình phải tổ chức đám táng cho bồ Tần. Phải có khóc và có văn tế đảng hoàng.

Cả bọn yên lặng, sững sờ. Nhưng rồi hình như người nào cũng nhận thấy đề nghị đó hay hay, là một việc đề vui đùa thêm. Khi Vĩnh lên tiếng đồng ý thì cả bọn nhao nhao hưởng ứng. Tần bật cười ngớ ngàng. Vĩnh vẫn giữ vai chủ động cái trò « đưa đám » này. Nó nói :

— Phải có người làm vợ, người làm con của hồn ma ông Tần. Mấy người này phải khóc thật lớn. Đứa nào khóc giả vợ ông Tần có quyền làm ma bóp cổ. Một người đọc văn tế.

Vĩnh nói :

— Thôi, bỏ cái mực khóc đi, um xum quá, mấy ông giám thị biết, bị rầy chết.

Nô bảo :

— Khỏi lo, cứ khóc thả giàn đi, mấy ông giám thị không có dưới phòng khách đâu.

Sinh ra lệnh :

— Anh Nô coi lại đi, cho chắc ăn.

Nô hăng hái bước ra cầu thang. Hắn dậm chân thỉnh thỉnh xuống sàn gác ba bốn lần. Chúng tôi im lặng, lắng tai nghe ngóng, chờ đợi. Không có gì lạ. Các ông giám thị đi đâu vắng thật rồi. Được tự do, đám tang hắn sẽ ly kỳ và linh đình lắm. Vĩnh lên tiếng phân công một cách rất đồng dặc :

— Nghĩa địa sẽ là công trường. Tụi mình chỉ được quyền đưa anh Tần từ đây tới đó. Bờ Nô mới thi đậu, văn chương chữ nghĩa cùng mình, tôi mời bờ đọc bài văn tế. Tôi giả làm vợ. Còn các bờ kia ai muốn làm con hay làm bạn cũng được.

Nô không biết một bài văn tế phải viết thế nào. Nhưng hắn vốn ăn nói lưu loát nên thoát được ngõ bí. Bằng một giọng chậm rãi, khề khà, quan trọng, Nô đọc tên tuổi Tần và những thành tích của anh ta : đã đậu bằng tiểu học, đã từng nhiều lần đến muộn bị ông giám thị phạt không cho ăn cơm, đã từng lén đem nước lên lầu uống đêm v...v... rồi hắn chúc cho Tần được lên trời ở với Tiên, Phật. Những người khác thì bắt đầu ỉ eo khóc lóc. Mới đầu đóng trò còn lúng túng, sau đó, ai cũng khóc to, khóc rất thảm thiết. Vĩnh cố bắt chước giọng khóc của đàn bà. Nhiều lúc, hắn bị lạc tiếng, khóc chẳng ra khóc mà rên chẳng ra rên, nghe kỳ quái và khôi hài. Nhiều tên bật cười. Sinh thường phải găm gào lên đề cứu văn tình thế. Nô đọc văn tế xong cũng khóc ông ổng. Hắn kể lể thảm thương bằng những câu chỉ có nơi cửa miệng những người đi theo sau một cái quan tài. Một lần tôi bật cười vì không chịu nổi cái trò kỳ quái này, Sinh bóp mạnh vai tôi :

— Bờ rờn hả ?

Rồi hắn cầm bàn tay tôi đưa lên mắt hắn :

— Bờ xem. Tôi khóc thật đây này.

Mắt Sinh ước thật. Một dòng nước làm ướt một bên sống mũi nó. Tôi không hiểu đó là nước mắt thật hay chỉ là nước bọt nó bôi lên.

Anh Tần dậm ra lúng túng. Mới đầu anh cười sặc sụa. Anh quảng cả một chiếc va li xuống sàn gác để cười. Nhưng rồi tiếng cười bắt đầu

đứt khúc, nghiền nghiền và gượng gạo. Sau khi tất cả đã gào khóc quá hăng, Tần hét lên :

— Thôi đi các cha. Rõn cái lối gì kỳ vậy.

Chắc cái lối vừa khóc vừa gọi tên anh của chúng tôi đã làm anh bực mình và ngượng. Có bao giờ một người được thiên hạ tỏ cảm tình nồng nhiệt bằng lúc hắn được đưa ra nghĩa địa. Nhưng Tần càng lúng túng thì chúng tôi càng hăng hái khóc lóc một cách hết sức say sưa. Vĩnh kể lẽ khá tài tình, hắn vẽ ra một cảnh gia đình rất đáng thương. Chúng tôi vừa găm gào vừa chồm lên bám lấy người Tần như bám lấy cái quan tài, giữ linh hồn người chết lại dương thế. Tôi nắm được vai anh ta và cảm thấy đầu anh ta đang cúi xuống vì nhiều cánh tay kéo, vít, đẩy. Tần nổi giận. Anh im lặng và vùng mạnh tay. Tôi bị Tần thúc một cùi trỏ vào giữa ngực đau điếng. Mấy đứa kia cũng kêu réo lên vì bị Tần đẩy. Nhưng không có đứa nào nản trí. Cả bọn vẫn vây quanh Tần vừa đi vừa khóc. Đến đầu cầu thang Tần lại chợt bật cười. Và, từ lúc đó, anh để mặc cho chúng tôi tự do đưa đám anh.

Đám tang thật là vui vẻ và hấp dẫn. Trong mấy năm trời ở đây quả thực chưa có trò đùa nào lại khiến tôi say mê đến thế. Bóng tối mênh mông mà tay mình thì quá ngắn. Suốt đời bị giam một chỗ, quen thuộc với một không gian chật hẹp, mỗi lần bước vào nơi lạ là kinh hoàng, dè dặt như bước vào sự mênh mông. Chỉ xây chân là có thể bước thẳng xuống ngôi mộ của mình, chúng tôi được nhắc nhở luôn luôn như thế. Chúng tôi nghĩ đến cái chết quá nhiều. Thế mà chúng tôi đang hăng say khóc lóc đưa ma một người sống.

Đi quá nửa sân gần tới cổng Vĩnh thôi khóc và ra lệnh cho anh em:

— Thôi tới cổng rồi. Cấm khóc. Những giây phút quý báu còn lại là để mặc niệm. Người ngoài đường họ thấy thì kỳ lắm, tủi cho vong linh người chết.

Sinh và Vân đột nhiên gào thật to như nổi cơn điên. Vân vừa khóc vừa nói :

— Thấy thì thấy. Kệ họ.

Rồi hai tên đó gạt chúng tôi ra, bảo nhau :

— Minh khên anh Tần lên.

Đứa nhỏ ở nhà bếp được Tần nhờ đi gọi xe đã trở vào :

— Có xe rồi đó, anh Tần.

Nó cười rú lên trước cảnh lạ. Ngoài cổng tiếng máy xe nổ đều và ròn.

Tới cổng, chúng tôi dừng lại và nghiêm trang chào từ biệt Tần. Những câu chúc tụng đầy ảo vọng lại vang lên. Tần ra xe. Chúng tôi đứng dựa vào cổng gỗ lắng nghe tiếng động, chờ xe đi xa dần. Lạy trời ! Mong rằng cuộc đời không phải chỉ là năm năm có cơm có áo nhà trường, tốt nghiệp không phải là sự bắt đầu một cuộc đời kham khổ, cay đắng hơn.

Chúng tôi vẫn phải tin tưởng, nhờ cậy ở cánh tay những con người trời sinh ra toàn vẹn. Chúng tôi vẫn thường nắm chặt cánh tay họ để mạnh bạo tiến lên. Cầu cho Tần, nếu tìm được một nghề, một tấm lòng bác ái, thì ít nhất anh cũng nắm được một cánh tay đưa đường không hề hững, dừng dừng...

*
*
*

Hôm nay Hoan cũng về nốt rồi. Có người muốn tổ chức một đám táng nữa, nhưng không ai cảm thấy hứng thú. Hoan nghiêm trang quá. Tình bạn của anh ta đầy chân thành, thiết tha mà vẫn chừng mực. Hoan đến giường từng người đề từ biệt. Mỗi người anh khuyên một câu. Riêng với tôi, anh đưa tay lên xem lại mặt tôi nhiều lần. Tôi cũng nắm chặt cánh tay gầy guộc của anh ta, Giọng nói của Hoan gợn lên những tiếng trầm thật khác lạ. Chưa bao giờ tôi nghe giọng anh bị lạc đi đến thế. Hoan nói :

— Nếu một trong hai đứa còn thấy đường thì sau này...

Anh ta không nói hết câu. Chúng tôi vẫn cố tránh cho khỏi chạm vào nỗi tuyệt vọng của mình. Khi nỗi tuyệt vọng lên tiếng nó sẽ nói rất lâu và hành hạ chúng tôi một cách thật tàn bạo. Tôi nói gương :

— Niên học tới, nếu rảnh Hoan tới thăm trường, tại mình lại gặp nhau.

Hoan đặt tay lên vai tôi, lần dọc theo cánh tay rồi vuốt nhẹ ngón tay tôi, Anh ta vẫn bảo anh ta rất yêu ngón tay út của tôi vì nó tròn và thon nhỏ. Hoan cười :

— Làm sao còn có dịp để tới thăm trường ? !

Câu thang nhẹ nhàng như một tiếng thở dài. Dù có đủ can đảm để vượt hàng trăm cây số bóng tối để thăm bạn, đời sống chắc sẽ chẳng cho phép anh làm việc đó, Hoan đã biết gì về tương lai của mình đâu. Ra khỏi cổng trường là Hoan bước vào sự bơ vơ. Còn đủ năm giác quan đã chắc gì tìm được một chỗ đứng yên ổn. Hoan lại mới mất ánh sáng nên khó giữ được tâm trí bình thường. Được hưởng một số năm có ân huệ của trời anh lại bị khổ vì chẳng quen chịu đựng thiệt thòi từ thừa bé, Có chúng tôi, anh được an ủi và được quên. Trong cái thế giới nhỏ

nhỏ này, mọi người cho và nhận được đồng đều. Nếu ra ngoài, Hoan có thể dùng mớ chữ và cái nghề học được để sinh sống thì quả là một chuyện lạ,

Đưa tiễn Hoan xong, tôi trở lên lầu, nằm dài trên trên giường, bỏ bữa cơm trưa. Phải mất vĩnh viễn một người bạn thật là khó chịu. Tôi bức bối, rồi ý nghĩ co kéo nhau đến đầy đầu. Niềm chua xót cho thân phận xen lẫn những ước vọng tày trời cứ dần vật mãi. Cuối cùng nỗi tuyệt vọng tràn đến làm nóng đầu và nghẹn hơi thở. Tôi bắt đầu thêm thường cái khoái cảm của anh chàng, một lần, đã liều lĩnh dậm thành thình lên sàn gác và hò hét vang trời...

Tôi tỉnh dậy khi cảm thấy hai chân nóng ran. Ánh nắng chiều xuyên qua cửa sổ đã lặn lẽ làm rát một khoảng da từ cổ chân trở xuống. Nệm giường cũng nóng hôi hổi. Trong phòng chả có đũa nào biết mà đóng giùm tôi hai cánh cửa sổ.

Vừa bước vào phòng rửa mặt tôi đã nghe tiếng Vĩnh hỏi :

— Thương đấy hả ?

— Tớ đây.

Tôi đến cạnh Vĩnh lấy nước đổ lên hai bàn chân cho đỡ khó chịu.

Vĩnh khoe :

— Mình khỏi về bên Lào. Mình kiếm được nơi nghỉ hè rồi.

— Ở đâu thế ? Ô-Cáp hay Đà-Lạt.

— Ồi, nơi này sang hơn mấy nơi đó nhiều. Đoán coi.

— Chịu.

— Viện mồ côi.

Tôi kêu lên :

— Ai cho bồ vô nghỉ hè ở đó ? Bồ đâu phải trẻ mồ côi.

Vĩnh đáp, kiêu hãnh :

— Thế tôi mới hay chứ. Tôi nhờ ông hiệu trưởng viết giấy giới thiệu. Tôi sẽ đi với bọn thằng Thiệp nhỏ. Bồ nên nhớ, thằng Thiệp nhỏ là khách quen của viện mồ côi. Mấy năm trời nay nó đều về nghỉ ba tháng hè trong đó.

Thiệp nhỏ làm quen và ăn cơm của viện mồ côi từ hồi mới lên năm hay sáu tuổi. Nó được viện gửi sang đây học và năm nào cũng nhớ trở về viện nghỉ ba tháng hè. Thiệp mang trong lòng một nỗi tiếc hận ghê gớm. Nó luôn nói về sự tiếc hận đó với một giọng lúc buồn rầu lúc hăm hở. Trong câu chuyện tâm sự, Thiệp bảo rằng nó không phải là một đứa trẻ mồ côi thực thụ, nó dám thề độc để bảo vệ cho điều nó

nói. Nó nhớ mang máng rằng gia đình nó cũng khá giả, có cửa hiệu bán tạp hóa hằn hoi. Khi nó mới mất ánh sáng, mẹ nó cho rằng đó là một điều thuộc tiền oan nghiệp chướng. Bà nhất định đem cho nó đi. Lần đầu người xin nó thấy khóc quá cảm thấy lần thứ hai. Thiệp được đưa vào viện mồ côi. Nó bảo nó không thể nào quên được ngày hôm ấy. Nó được mẹ nó đặt trên một cái ghế trong một căn nhà lạ nào đó. Bà bảo nó ngồi chờ bà đi mua kẹo. Và nó chờ, chờ mãi, rồi khóc lóc, được dỗ dành, tuyệt vọng và tập quen đời sống trong viện mồ côi. Khó mà hiểu nỗi nỗi kinh hoàng của một đứa bé, mới năm, sáu tuổi, khi nó quờ quạng trong bóng tối, nghe vang lên bên tai những giọng nói lạ lùng, và cảm thấy mất bà mẹ thân yêu. Riêng tôi, tôi rất ngần ngại trước một giọng nói lạ cũng như tôi có thói quen khiếp sợ những con đường lạ mà mình bắt buộc phải đi vào. Ngoài tầm tay quờ quạng của mình có nhiều sự bất ngờ lắm.

Bây giờ, Thiệp nhỏ đã quen chịu đựng và bình thản sống nhưng mỗi lần kể lại chuyện mình, nó kết luận bằng một câu than :

— Hồi đó mình còn nhỏ, ngu quá. Giá như bây giờ thì má mình làm sao đánh lừa và bỏ nổi mình. Mình cứ nắm chặt lấy áo bà là xong, nắm thật chặt...

Rồi để chứng tỏ rằng bây giờ nó đã khôn đủ sức bám víu vào các người thân yêu, Thiệp nhỏ chồm lên ôm chặt lấy người đối diện :

— Rồi, anh thử gỡ ra coi. Tôi ôm cứng thế này thì làm sao mà gỡ cho nổi. Má tôi chỉ có cách chặt tay tôi đi mới bỏ tôi được.

Quả thực, ai cũng công nhận rằng Thiệp nhỏ bám chắc thật, muốn gỡ nó ra sức một người không đủ. Nhưng nó tưởng rằng người ta chỉ có mỗi một cách chặt tay để bỏ nó thì thật là ngây thơ. Hai bàn tay đâu đủ mạnh để bám vào vạt áo những người đã quyết xa lánh mình. Không ai nỡ nói cho nó nghe điều đó nên bây giờ nó còn ôm ảo vọng. Nó thích được đi lang thang đây đó để, may ra, một lần nào, nó đi vào đúng tầm mắt của một người thân, được nghe lại một tiếng gọi mà nó đã khắc khoải mong chờ từ bao năm trong viện mồ côi...

Tôi hỏi Vĩnh :

— Ở viện mồ côi có gì lạ không ?

Thì chắc cũng như ở đây, ngày nào mình cũng được ăn no. Nhưng không được đi rạo trong một cái sân rộng, không được đứng bám vào cánh cửa gỗ nghe tiếng động ở ngoài đường. Nhưng dù sao cũng được đôi không khí.

Tôi trở ra. Vĩnh còn nói với theo, tiếng hân vang lên ong ong, như phát ra từ tất cả các góc tường quanh tôi :

— Suốt đời ngồi tù trong bóng tối thì thay đổi một căn phòng giam nào có nghĩa lý gì.

Tôi đã đi qua hết địa phận « nhà ngồi chơi » và nghe ngừng tiếng đàn hát từ các lớp học vọng lại. Chắc những người bạn của chúng tôi vào thăm lần cuối cùng trước hè. Tôi phân biệt được tiếng cười rộn tan của anh Trần, tiếng đàn dồn dập của anh Vinh và tiếng hát cao vút của chị Hằng. Chị Hằng hay hát bản « thu vàng », chúng tôi đã nghe bao nhiêu lần rồi mà không chán. Giọng chị ướt mềm như được gói trong một màn sương mỏng. Lời ca dẫn chúng tôi đi trong gió thu, trong tiếng lá bay và trong mùi thơm kỳ dị của loài cỏ úa.

Chắc anh Phong và những người bạn tôi hôm nay không vào. Trong lần gặp trước anh Phong có nói là anh sẽ đi cấp nghỉ mát. Tôi muốn biết anh đã đọc và viết được chữ nổi chưa. Nhưng tôi không dám hỏi. Như thế là mùa hè này tôi sẽ không nhận được một cái thư nào. Thiếu tiếng nói trên giấy của một người bạn phương xa chắc cái giường và căn gác xếp sẽ đáng chán hơn nhiều. Bây giờ, tôi lại tiếc đã không thẳng thắn yêu cầu anh viết thư cho tôi. Những câu an ủi vượt hàng ngàn cây số đến với mình, trong lúc mình ngồi ngơ ngẩn giữa phòng giam trá hình, chắc chắn sẽ đáng yêu đáng kính như những bà tiên hiền hậu.

Tôi cảm thấy nao nức vì những tiếng cười và tôi bước vội vào phòng khách. Tôi muốn nhập bọn và được vui vẻ. Nhưng đến chân thang tôi cảm thấy e ngại và ngập ngừng. Những người như anh Trần, anh Vinh, chị Hằng... chưa phải là bạn của tôi. Hay nói đúng ra họ chưa nhận tôi là bạn. Mặc dầu, tôi biết tên, phân biệt được giọng nói và hiểu khá rõ về tính tình từng người. Ở đây, bạn bè là một món hàng khan hiếm và quý giá, người ta không chịu chia sẻ cho nhau. Ai kiếm được một người bạn thì tìm cách giữ lấy cho riêng mình, càng lắm, chỉ có vài người bạn thân nhất là được « nhập bọn ».

Tuy nhiên, tôi vẫn hi vọng, trong mấy ngày cuối cùng mọi người đều dễ dãi. Tôi đi qua từng lớp. Đến mỗi lớp, tôi đứng dựa vào một bên cửa nghe ngóng và chờ đợi. Chỉ có tiếng đàn, tiếng hát. Không có ai gọi tên tôi. Đi hết năm lớp tôi chưa nản lòng. Tôi đi ngược trở lại. Lần này tôi lên tiếng vờ hỏi xem Vinh có trong lớp không, và tôi đứng lại lâu hơn. Như thế chắc chắn mọi người có thể nhìn hoặc nghe tiếng tôi. Nhưng chẳng hề có một tiếng reo chào đón nào nổi lên.

Cuối cùng, không còn hy vọng gì, tôi lần bước trở lại sân sau. Sự buồn chán và bức tức thành linh kéo đến khiến tôi cảm thấy tai ù lên và đầu nặng trĩu. Tôi trở lại phòng tắm gọi Vinh, nhưng hắn đã đi đâu mất rồi.

Ngay lúc ấy, đột nhiên, tôi không muốn ở lại trường cho tới ngày cuối cùng. Tôi quyết định xin về với bọn Tấn và Hoành vào buổi sáng hôm sau...

*
*

Tối hôm trước, ông hiệu trưởng khuyên tôi nên đi ngủ sớm. Nhưng tôi và Vĩnh vẫn khoác tay nhau đi vòng quanh sân sau cho đến khi nghe tiếng chuông reo cuối cùng. Lên giường tôi vẫn không ngủ ngay được. Ngày đầy chúng tôi vào tương lai thì đêm lại kéo chúng tôi vào quá khứ. Tôi thao thức mãi. Những người thường phải nằm nghe tiếng động trong đêm là những người luôn luôn được nghe sự buồn khổ, tuyệt vọng của mình lên tiếng nói :

Qua một giấc ngủ thật ngắn tôi đã tỉnh dậy vì những tiếng động nhỏ. Tấn và Hoành đã thức từ lúc nào và đang thì thầm nói chuyện. Dưới nhà bếp cũng có vài tiếng chậu thiếc chạm trên nền gạch. Âm thanh mỏng và sắc cạnh. Nhớ là Hoành có đồng hồ, loại đồng hồ có thể mở mặt kính ra bất cứ lúc nào, tôi hỏi :

— Máy giờ rồi Hoành ?

— Ba rưỡi rồi. Dậy sửa soạn là vừa.

Tôi chẳng có gì phải sửa soạn lâu. Chỉ cần đóng nắp chiếc va li rách lại là xong.

Khoảng gần bốn giờ sáng, ông hiệu trưởng và ông giám thị Toán lên phòng đón chúng tôi. Ông hiệu trưởng cũng mở mắt dậy từ ba giờ sáng và muốn đưa chúng tôi ra tận nhà ga. Ông gõ nhẹ chiếc gậy vào chân giường tôi và hỏi :

— Thương, Hoành, Tấn dậy chưa ?

Chúng tôi chào ông. Chắc hành lý của bọn Tấn, Hoành có vẻ cồng kềnh lắm, ông giám thị cười bảo :

— Trời đất ! Máy em này đi đâu cũng mang đủ thứ. Đồ đạc không thua gì mấy gánh hát.

Ông hiệu trưởng cũng cười, hỏi :

— Máy cậu ấy có những thứ gì đó ?

Ông giám thị đáp :

— Hai ba va-li quần áo, đồ dùng. Rồi đàn guitare, đàn mandoline kèn, sáo...

Hoành bào chữa :

— Coi nhiều vậy mà chẳng có gì đâu ạ. Trong va li của em chẳng hề có một cái áo không vá.

Ông giám thị dắt ông hiệu trưởng đi trước. Chúng tôi lặng lẽ đi theo tiếng gậy khua trên nền gạch.

Chiếc xe của nhà trường đưa chúng tôi qua các phố còn yên ngủ. Rồi nó dừng lại trong tiếng ồn ào của cửa nhà ga. Chúng tôi nắm cánh tay dẫn dắt của ông giám thị và người tài xế để bước xuống. Lẫn trong mùi khói tàu khét lẹt tôi ngửi thấy cả mùi thơm của những món quà buổi sáng. Ông giám thị dắt chúng tôi vào ngồi chờ trên một chiếc ghế dài. Tôi lắng nghe những tiếng động xung quanh một cách tò mò và cố tìm nguyên do của từng âm thanh. Có một lần, tôi nghe những tiếng động xèn xẹt, kéo dài, giống như tiếng người ta kéo lê một vật nặng. Nhưng tiếng động này bị ngắt khúc một cách khó hiểu. Tôi đưa tay định tìm Hoàn thì lại chạm vào cổ tay áo được là cứng của ông hiệu trưởng. Ông nắm nhẹ tay tôi :

— Thương hả ?

— Dạ.

— Được về nghỉ hè có vui không ?

— Dạ, thưa ông, vui.

— Ờ, về nghỉ cho khoẻ rồi sang năm trở lại học. Gắng ăn nhiều cho mập nghe.

Ông hỏi to :

— Có em nào đói chưa ?

Rồi, chúng tôi chưa kịp trả lời, ông đã gọi người tài xế nhờ mua mấy khúc bánh mì. Chúng tôi vừa nhai bánh vừa nghe ông hiệu trưởng nói. Toàn là những lời dặn dò. Ở trường mấy năm tôi đã biết rõ tính ông. Những lúc thương chúng tôi là những lúc ông nói nhiều, khuyên bảo nhiều :

— Về nhà, các em cần nhớ lúc nào cũng ăn mặc thật cẩn thận sạch sẽ. Đừng quên rằng người ta luôn luôn thấy mình. Tôi biết có nhiều em về với gia đình không được tiếp đón đàng hoàng. Phải tập kiên nhẫn, chịu đựng mọi hoàn cảnh...

Tiếng ồn ào lấp dần tiếng nói của ông. Tàu sắp sửa chạy. Chúng tôi được đưa vào ngồi trong một toa có những chiếc ghế dài. Ông hiệu trưởng lên theo. Ông đi xoa đầu từng đứa. Tiếng gậy của ông đập nhẹ và ròi rạc trên nền toa xe. Ông nhờ ông giám thị soát lại quần áo, đầu tóc chúng tôi. Tấn nói :

— Đi xe lửa ớn quá.

Ông hiệu trưởng hỏi :

— Sao mà ớn ?

— Con thấy người ta nói hồi này xe lửa hay bị giạt mìn, trật đường rầy luôn.

Chúng tôi im lặng. Ông hiệu trưởng cũng im lặng lâu lắm. Khi ông cất tiếng nói, nghe giọng ông, tôi biết rằng ông đã lo lắng thật sự :

— Thì cũng cầu ở trời chứ biết sao.

Hành khách lên toa đã khá đông rồi. Tàu sắp chạy. Ông hiệu trưởng lại đi nắm tay từng đứa và dặn dò :

— Nếu chẳng may có việc gì xảy ra thì mấy em cứ chui nằm dưới gầm ghế. Có cái gì rơi nó cũng không đi lên người. Nhớ kêu thật lớn cho người ta biết người ta tới cứu... Thôi chúc các em đi may mắn.

Chúng tôi lên tiếng chào ông và ông giám thị. Tiếng gậy của ông khua chậm chạp và xa dần ở cuối toa.

Tàu chuyển bánh trong tiếng động xôn xao, trong bầu không khí còn gây gây lạnh. Chuyến đi này đã được lo liệu đầy đủ mọi phí tổn. Chúng tôi chỉ việc ngồi yên đề được đưa đi, cũng như, suốt đời chúng tôi đã quen phó mặc. Ngay trong đời sống, chúng tôi cũng chỉ là những hành khách hiền lành và thiết thòi, lặng lẽ đi trên con đường trời đã ban cho.

Tôi không phân vân thắc mắc về chuyện những quả mìn nằm giữa đường sắt chờ đợi lật tung các toa tàu. Tôi muốn được ngồi thật yên tĩnh như người ngủ. Gió bên ngoài đem cái lạnh uà qua cửa sổ quán lấy đầu, mặt tôi. Đặt tay một cách hờ hững lên vai Hoành, tôi nhớ lại câu nói của Vĩnh :

— Suốt đời ngồi tù trong bóng tối thì thay một phòng giam nào có nghĩa lý gì ...

Chẳng hiểu sau ba tháng hè, không được trở lại trường, không về Lào thì hẳn sẽ đi đâu? Tiếng than của hẳn vang vang dội vào bốn phía tường. Dù sao, hẳn còn có thể muốn về một nơi nào đó. Một tiếng ho bật lên ở cuối toa xe và biến ngay trong tiếng gió. Tôi nghe vọng lại trong tâm hồn nỗi cô đơn của tiếng đầu gậy dò đường khua chạp chòn trên một con đường hoang vắng...

(trích trong truyện dài «Mặt Trời Đêm»)

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2-Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central distrit : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala lumpur : *14 Ampang Street.*

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

PHẦN HAI

ĐOẠN V

HAI mắt mở lớn, sững sốt và căm hờn, Trâm nhìn bất động vào cánh cửa như nhìn một quái vật hiện hình. Những nét phấn trắng lơ mờ nguệch ngoạc hằn lên nền sơn xám. Nét chữ từ từ lớn lên, lớn mãi lên và bắt đầu quay cuồng nhẩy múa. Trâm nghe cả tiếng reo cười, la hét văng vẳng bốn bề. Giọng chữ trở thành một lời nguyện, lời nguyện thành điệp khúc, điệp khúc kêu gào huyên náo trong đầu óc đảo lộn của Trâm. Thôi im đi, đồ khốn nạn, khốn nạn. Nhưng bốn bề yên tĩnh và tiếng hét điên cuồng cũng ngừng lại trên đôi môi mím chặt. Trâm nhìn quanh, như có hàng ngàn con mắt len lõi sau những bụi bờ khuất tịch đó đang rình mò nhìn lại phía mình, dò theo từng cử chỉ, rồi nàng rút khăn tay, dí mạnh lên khung cửa, mím môi xóa sạch những hàng phấn trắng.

Tiếng cửa đánh mạnh vào vách bên ngoài đánh thức Minh dậy. Chân tay lười biếng yên nghỉ trong khoảng trũng ấm áp của nệm giường chậm chạp vươn lên rồi ngã xuống. Giấc ngủ chạy dài trên khoảng ý thức lơ mờ dày đặc, nhận chìm Minh xuống đáy nước sâu lãng quên vi vu, không biết đã bao lâu rồi. Không bóng dáng thời khắc trong khoảng ngày rực rỡ bình yên ngoài kia. Trời vẫn mênh mang nhìn xuống dãy đồi mệt mỏi duỗi dài. Nắng như ở một thế giới chói lọi nào chiếu xuống. Không cảm thấy gì trong vùng yên lặng này, như không biết tới đâu trong đời sống nữa, Minh thả trôi những ý tưởng theo dòng nước lũ vô tư, chao lượn giữa hai bờ bằng phẳng kỷ niệm. Như tôi đã đứng hẳn ra ngoài đời sông. Không còn vấn đề bản khoán suy

tính nữa. Tôi bơi thoải mái giữa một lưu vực bình yên không còn sóng gió. Thỉnh thoảng là một động chạm nhẹ nhàng. Con sóng bất ngờ trườn lên khóa lấp thân thể. Cảm giác cựa mình thức giấc. Luồng lửa ấm chạy rần rần khắp miền da thịt đè nén lãng quên. Như có nhiều ngón tay móng nhọn và dài, êm và sắc cứa nhẹ vào từng đường huyết quản tôi. Tôi thức dậy và xót xa thêm muốn. Nhắm mắt lại, nằm yên, tưởng tượng khuôn ngực trắng ngần của Trâm dưới làn áo len đen căng mềm ấm dịu. Miệng Trâm cười lấp lánh màu ngà của từng chiếc răng nhiều lúc tôi thêm một vùng thịt da mình bị cắn nát một lần. Những lần đau ồm, nụ cười rực rỡ đó phủ xuống mặt tôi như một vùng ánh sáng đầu ngày. Hai con mắt lúc nào cũng náo nùng vương vất sầu đau như chìm khuất trong mắt tôi với cái nhìn hoang mê tiền sử. Bàn tay ngón nhỏ giật mình thức giấc trong tóc tôi, rã rời ăn năn chạy trốn vào khoảng không lạnh lẽo. Hoan lạc và tội lỗi tràn đầy trong lòng tôi, hỏa diệm sơn gần đến ngày bốc lửa. Một lần nào đó, tôi cúi xuống, nói với Trâm một câu, trả thù những ngày câm nín đến điên cuồng. Rồi sau đó không cần gì nữa, nếu thiên đường này có sụp đổ. Ham muốn và trái cấm . . .

Minh vùng dậy, khoác thêm áo len rồi lên lầu. Vừa đi về, để nguyên quần áo, Trâm ngồi ở bàn viết, đầu gục giữa hai tay. Áo choàng và ví tay rơi giữa sàn nhà. Từng ngón tay nàng bấu chặt trong tóc rối. Rồi những ngón tay đó lỏng ra, rã rời để soãi xuống mặt bàn, nắm chặt tại, bóp nát cái gì vô hình. Nàng hỏi không quay lại :

— Minh nghỉ chiều nay ?

— Có chuyện gì vậy cô ?

— Không.

Rồi Trâm đột ngột xoay lại nhìn chăm chú vào mặt Minh một lúc, trong một vẻ đau đớn sững sờ.

— Sao vậy ? Cô.

— Thật khốn nạn quá...

— Ai ?

— Chúng nó. Không biết bọn nào. Viết bậy ngoài cửa.

— Nói gì cô, phải không ?

— Về Minh với tôi.

Minh chạy lao xuống lầu. Trâm thông thả xuống theo, đến cửa thấy Minh đang tìm tòi, nàng chán ngán :

— Tôi xóa hết rồi.

Minh vào, đóng cửa lại. Trâm đứng trong khoảng trống, hai tay Minh chông vào tường, nhắm mắt, cảm giác một mũi nhọn xuyên nhanh qua đầu,

chưa kịp đau đớn đã buốt tê chết điếng. Hơi thở Minh gần gũi trên trán nàng như rượu nồng xoa rửa vết thương. Tự nhiên Trâm ước ao bé bỏng lại phút đó lệ thuộc vào một người nào, bất cứ một người nào, gục đầu vào ngực ấm, khóc cho kẻ khác dỗ dành và mặc cho ai giải quyết chuyện mình ra sao cũng được. Nhưng Trâm là vai chủ động, trong hoàn cảnh tự tạo này, phải chọn lựa và định đoạt tức khắc, không còn chậm trễ níu kéo thêm một phút giây ảo tưởng nào nữa. Nàng đẩy nhẹ Minh :

— Biết trước sẽ có lúc như thế này rồi. Tại sao tôi. .

— Nhưng nó viết gì thế ?

— Thôi, không nhắc lại nữa. Chỉ biết mình được xuyên tạc và phóng đại trong dư luận.

— Tại sao thiên hạ biết. Biết cái gì. Có gì đâu chứ ? Cô đoán đũa nào, hay thằng Tuấn, mấy người làm,

— Thằng Tuấn không đâu, nhưng nó sau này thế nào ấy... Cũng có thể cô bé ở, bị đuổi, thù hằn đặt điều ra nói. Phờng giá áo túi cơm thì thế. Thôi không cần biết là ai. Tất cả chúng nó, đám đông, mọi người, thiên hạ, dư luận. Tôi cũng không cần, nhưng không chịu được vì ngộ nhận gớm ghiếc của chúng nó. Vậy là thiên hạ biết. Nhưng biết cái gì, biết gì về mình.

Minh ngồi xuống góc nhà. Mái tóc rũ nghiêng một vùng bóng tối lên khuôn mặt đã dưới.

— Cô tính sao ?

— Tính gì, thấy kệ chúng nó.

— Không, không được, em không muốn vì em cô quên hết. Còn gia đình, bè bạn danh dự.

— Vì em ? Không Minh làm, tôi ích kỷ và không bao giờ vì ai cả. Nếu Minh cảm thấy tôi liều cho Minh, tôi làm gì cho Minh là vì tôi cảm thấy sung sướng được làm thế. Tôi tìm niềm vui cho tôi, tôi mặc những ảo tưởng hạnh phúc cho tôi, tôi tự mang cho mình những nhãn hiệu... Tôi vì tôi vì mình tôi. Bè bạn, tôi không có. Những người tôi phải giao du đó, đâu phải là bè bạn. Bè bạn đích thực của tôi không bao giờ có lấy một người. Tình nghĩa quái gì những mối liên lạc trá hình trên đời sống này. Vờ hùn hạp để lợi dụng xâu xé nhau. Còn gia đình. Tôi chọn đời sống bình yên khổ hạnh vì gia đình, tôi giết chết bản tính tôi, tôi muốn sống một đảng phải đi theo mỗi nẻo khác vì gia đình, chưa đủ sao. Lòng biết ơn của tôi vô ích trong một vũ trụ cứng nhắc khô đọng không ai hiểu biết gì tôi cả. Bao nhiêu đời sống tan tành vì nhiều công phần đó đối với gia đình, với xã hội, Minh không nhìn thấy bao giờ sao. Danh dự, thế nào là danh dự, có phải là miếng bùi chương giả dán vào vẻ phè phỡn khốn nạn của những đũa thối nát ngấm không. Còn mình, mình đã làm gì, mình đã xúc phạm điều lệ nào của đời sống, mình đã

cướp phá gì của ai chưa? Nhưng nếu chúng nó cho rằng mình thối nát? Ít ra mình cũng dám thối nát công khai, còn chúng nó vừa đánh trống vừa ăn cướp. Tôi xấu xa, tội lỗi đó, dựng một thiên đường nhỏ riêng biệt trong đời sống bản thủ giả dối này là xấu xa tội lỗi sao.

— Nhưng,.. không thể đứng hẳn ra bên lẽ đời sống. Cho nên không thể tiếp tục mãi tình trạng, còn một cách...

— Tình trạng nào? Minh đứng về phe với đời, với tôi hay tách riêng một vũ trụ thứ ba, để vừa chống đối đời vừa tìm cách biệt lập với tôi?

— Cô nghĩ sao cũng được? không thể bàn cãi nữa, phải giải quyết ngay. Còn một cách, tất nhiên phải thế. Em . . . em đi.

Trâm cười nhạt:

— Đi, hay nhỉ?

— Thật đấy, em phải đi.

— Đi đâu trốn đời hay trốn tôi? Dễ lắm hẳn, đời người là vòng tròn, không phải đường thẳng, đừng mong tìm thoát ly ở những ngõ tắt lối rẽ.

— Sự vắng mặt cần thiết. Thiên hạ bàn tán mỗi miệng cũng có lúc câm chứ. Em đi chỗ khác, rồi đời sống cô lại như cũ, như những ngày chưa có em.

— Nếu con chó có tâm hồn, nó cũng không thể tìm lại được trạng thái tâm hồn cũ. Tưởng Minh bỏ đi là đâu vào đấy được sao. Minh đi mọi sự trong sự trong tôi mới bắt đầu. Bắt đầu trong đổ vỡ mất mát. Đến thế này, Minh có thể nói đùa với tôi sao.

Trâm đứng hẳn vào góc phòng, tựa lưng vào vách. Đôi mắt đã thú bị thương phóng cái nhìn ứa máu tới người săn đuổi, vừa oán hờn vừa thu hút. Và Minh đứng bật dậy. Hai vai Trâm như rã tan dưới bàn tay bóp chặt của người con trai. Cổ họng Trâm khô cứng lại, và nàng gằn ngất ngư trong nỗi nghẹn ngào đau đớn:

— Không đùa đâu. Em phải đi. Đổi thay vắng mặt không phải là mất mát. Rồi cô sẽ bình tĩnh lại. Ngày nào mặt trời cũng mọc lên. Khoảng cách nào cũng còn ánh sáng. Không còn cách nào khác, em phải đi.

— Nếu vì dư luận, vì ngại cho tôi mà bỏ đi, tôi sẽ ngăn Minh lại. Nhưng nếu vì tự ý Minh muốn đi, vì một lẽ khác, cứ đi đi, tôi đưa Minh về đời sống cũ, còn tôi, có lẽ cũng thế thôi. Tôi đã nghĩ đến điều đó rồi, bao giờ, bao giờ tin yêu và hy vọng bỏ đi, tôi lại lao mình vào vùng trời bão tố xưa kia phung phá và quên sống. Sẽ không còn cảm thấy gì nữa cả. Rồi tôi lại trôi trong đời sống đó, như một cánh củi mục vọt theo sóng nước thiên tai định mệnh.Ừ, nếu Minh muốn đi, cứ đi đi, không nói gì với tôi. Minh không cần giải thích gì với nhau cả. Có gì đâu mà giải thích kia chứ. Tôi lẩn lẩn lẩn. Tôi uống và say với một cái cốc không tưởng đầy tràn rượu trong

đó. Phải, Minh cũng nên đi, thay đổi không khí, có lẽ Minh cũng lăm lăm như vào một chợ phiên không tìm thấy trò giải trí.

Bàn tay Minh lỏng dần trên vai Trâm :

— Phải đi, không là muốn đi.

Đằng nào cũng giống nhau, Minh sẽ vắng mặt trong nhà này. Hôm nay, ngày mai hay bao giờ Minh đi ?

Tiếng chân Minh nhẹ và xa trên nền nhà. Gió từ cửa sổ vào, quần tóc Trâm lên mặt. Một lúc lặng yên. Bàn tay nào vén nhẹ rèm đêm trên mặt Trâm, liền bắt gặp hai con mắt lạ lùng nhìn xuống tâm hồn đau nhức của mình :

— Ví dụ như, bây giờ em không nói đùa nữa, mà từ trước đến giờ, em chỉ đùa với với cô thôi, cô để cho em đi chứ.

Hai hàng mi Trâm chiu xuống : Minh tiếp lời trên đôi môi mấp máy của Trâm :

— Coi như em đến quấy phá cô, rồi xong là đi, cô không tin sao.

Mắt Trâm bỗng nhức buốt trước một vùng tuyết băng trắng xóa. Không còn cây cỏ xanh tươi. Không còn màu trời mờ đục thủy ngân gần gũi trên đầu. Không còn dấu vết củ những sinh vật thoáng qua. Tôi rơi vào khoảng không. Tôi bị ném vào một vực sâu không đáy. Lạnh buốt khắp xương da cho đến phút giây bị dập nát xuống một bờ đá âm u nào đó. Mảnh vỡ những hành tinh ngập lụt thi hài tôi. Tôi quần quai với những vết thương, soi thấy bóng mình một lần cuối lơ mờ trong hồ nước mắt băng giá như gương. Tiếng cười hắc lên trong thoáng rùng mình hóa kiếp :

— Việc gì phải ví dụ. Thì mọi điều thật như Minh nói, tôi chỉ đui mù đối với tôi, không đui mù đến không thấy người khác. Tôi không chơi cái trò đổi chác bán mua, có đi có lại. Tôi ném bông hoa vào cơn gió, tôi không lấy lại được gì, dù là một thoáng hương thơm. Minh tưởng tôi mong kẻ khác đối với tôi như tôi đối với kẻ khác, Minh cứ đùa, Minh cứ tìm đến, cứ bỏ đi, điều đó liên can gì đến ý nghĩ tôi về Minh, ảo tưởng tôi nuôi từ ngày có Minh.

— Cô cho là em đùa thật sao ? Nhưng nếu em thực và đến một lúc nào đó, không thể đùa được. Nghĩa là trò đùa dẫn mình đến một sự thực không trốn tránh. Em...

Mắt Minh dịu xuống trong một thoáng cười vu vơ :

— Đi một nơi nào xa trái đất. Cô đi với em không ?

— Nếu nổi chết trong đời này đưa đến sự sống ở một đời khác.

Tiếng chiều vi vu ngoài ngàn thông khơi gió. Hai người yên lặng mỗi người theo đuổi một ý nghĩ. Giọng Minh bỗng dưng lay đổ cả vòm trời yên tĩnh trong hồn Trâm cho cơn mơ mộng bàng hoàng vụt tỉnh :

— Thế nào, em cũng phải đi.

Minh muốn đi, đừng vin vào cớ này cớ nọ.

— Sao cô không chịu hiểu.

— Tôi không muốn hiểu gì hiểu ai nữa: Tôi nói thẳng là tôi cần có Minh hiện diện ở đó. Minh cũng biết rõ điều ấy nhưng nếu Minh muốn đi... Chính Minh chờ cơ hội bỏ đi, bây giờ được lý do rồi, còn chần chờ gì nữa. Tại sao lại phải chờ cơ hội Minh trọ ở nhà tôi, muốn đi lúc nào thì đi chứ, ăn thua gì đến tôi. Nhưng đã định dọn đi, cứ đi ngay, đi ngay, chiều nay, cho tôi yên.

Minh vuốt mớ tóc rồi và đi nhanh vào phòng. Một thoáng Minh trở ra với chiếc áo ấm khoác ngoài, điều thuốc cháy trên môi. Nét mặt người con trai chợt cau lại trong một vẻ lạnh lùng quyết liệt. Đi ngang qua mắt Trâm; Minh nói nhanh : em đi tìm chỗ ở. Minh đẩy cánh cửa. Gió ập vào. Trâm tối tăm cả mày mặt, kêu thét lên : Minh. Rồi nàng quì gục xuống, hai tay ôm chéo qua vai. Hai mắt Trâm nhìn trừng trừng bất động mũi giày Minh đi chặt mẩu tàn thuốc. Người con trai đứng dang chân, khoanh tay nhìn xuống chiếc áo vắt hờ trên vai. Khói thuốc lơ lơ lên khuôn mặt bỗng nhiên kiêu ngạo, tàn nhẫn và đều giả. Khoảnh khắc, Trâm nhận ra rằng khuôn mặt thực của Minh và lâu nay, mình thích khuôn mặt đó, tình cảm vô lý và kỳ dị đến không thể tự thú với chính mình. Khuôn mặt vẽ ra hai vẻ đối lập của một đời sống xao động : thiết tha và hờ hững, non trẻ và già nua, say đắm mà bất cần. Vừa chiêm cứ vừa thụ động, vừa thu động vừa âm thầm quật khởi tàn phá. Tự nhiên, Minh nhìn xuống nhếch môi cười nhạt. Mắt nhìn và miệng cười đó bỗng xóa hết những kiêu ngạo tự tin trong lòng Trâm. Kiêu ngạo và tự tin, em trượt đoạt hết hai khí giới cuối cùng của tôi, để tự vệ trong đời sống. Là tôi mất hết không còn gì nữa. Áo tưởng cũng tan tành. Tôi tàn phá, chà đạp những khung trời rộng lớn, tôi khước từ xua đuổi làm cao, tôi tưởng mình là một đỉnh trời vươn lên giữa những cánh tay người đời níu kéo. Để bây giờ tôi chẳng là gì cả, với vết thương này cuối xuống bên em. Cho miệng cười em đâm suốt linh hồn âm u thăm kín. Em hiểu và em cười trong tiếng khóc tôi. Tôi không đóng trò với em dài dòng thêm nữa. Khán giả đi rồi. Mắt đời đã khép trên những hàng ghế trống chơ vơ. Không ai làm nhân chứng cho chúng mình, cho vở bi hài kịch, cho riêng tôi với vai trò chiến bại từ nay.

— Em đi, biết đâu lại có người khác đến. Cô còn ông Lưu, còn bè bạn ở Sài Gòn về tìm, còn ông Văn, còn chàng phi công có thể bất ngờ trở lại, còn...

Tiếng thét của con thú bị thương bắt lên từ môi Trâm mím chặt :

— Thôi, đủ rồi, quá lắm rồi.

Trâm choáng váng đứng lên tựa vào khung cửa. Bàn tay nàng run rẩy bám vào khuôn kính vỡ lổm chổm. Từng mũi nhọn sắc kính vỡ siết vào lòng bàn tay, và thịt da Trâm như mềm nhũn tê điếng trong cơn đau cùng tột, Trâm nhắm nghiền mắt cho nước mắt khỏi trào lên, tiếng gió vù vù tới tấp đẩy nàng xuống một dốc cao thẳng tuột. Cả người Trâm vô tri như treo lơ lửng giữa khoảng không mịt mù, cho đến khi một bàn tay bóp chặt cổ tay nàng gỡ ra khỏi mặt kính. Trâm mở mắt nhẹ nhàng như mới thức giấc bàng hoàng, choáng ngợp trong cái nhìn Minh nhẹ nhàng vây phủ: Tay nàng lạnh ngắt run rẩy, trong tay Minh ấm dịu. Người con trai như trưởng thành trong lời khuyên dỗ một người đàn bà đau đớn vì mình:

— Như vậy là hơn. Em đi nhưng thỉnh thoảng em lại về với cô Minh có mất nhau đâu. Tuần nào em cũng về thăm cô, ngày nào cũng về thăm cô, có gì khác đâu nào.

Trâm gỡ tay ra khỏi tay Minh:

— Rồi Minh đi đâu?

— Không biết đi đâu nữa, nhưng không thể ở lại đây được, làm thế nào. Cô tưởng đi sướng lắm sao? Giờ lại tìm một gác tối nào đó, ăn uống bất thường bữa có bữa không, đi học về nằm vùi đầu trong giường, không một người thân bên cạnh. Trời lạnh và đêm dài. Không ánh đèn, không lò sưởi, không tiếng nói. không ai thăm viếng hỏi han. Chán cảnh đó bỏ đi bây giờ lại phải trở về... Giờ em phải đi ngay, không dùng dằng nữa, rồi lại không quyết định được.

Hối thở Minh bỗng lướt nhẹ lên mặt Trâm. Rồi tiếng chân xa dần ngoài cửa.

Trâm nói một mình với lòng bàn tay rướm máu:

— Em đi thật sao, Rồi tôi cũng đi chịu làm sao được đời sống này nữa...

Vào lúc Trâm đang rối loạn với những ý nghĩ lẫn lộn đó, Loạn sang chơi mang theo len đan áo cho đứa con đầu lòng sắp ra đời.

— Lâu lắm cô không qua bên em.

— Chị cũng chẳng qua tôi. Buồn buồn tôi cũng không muốn đi đâu.

Loan chìn mái tóc bờ phờ của Trâm:

— Như cô có điều gì lo nghĩ.

— Không có gì đâu, tôi vẫn thế.

Khuôn mặt Loan dịu dàng dăm thắm cúi xuống một mũi đan nhăm. Màu len xanh ánh lên gò má của người đàn bà trẻ. Nỗi buồn chao chộng vô cớ trong lòng Trâm. Trâm thấy rõ mình là kẻ đứng hẳn ra ngoài lề cuộc đời, xa lạ những hạnh phúc đau khổ, đợi chờ và hy vọng trong sinh hoạt bình thường

của thiên hạ, của những người như Loan. Giọng Loan buồn và nhỏ, âm thầm như một tiếng ru ngủ một đời an phận hiền lành, kể cho Trâm những ngày mới quen Chu. Rồi chọn lựa dềng co, và đám cưới. Đời sống nên thơ giản dị như trong truyện cổ tích. Hồi mới cưới, anh ấy đi chấm thi, em ở nhà một mình, em sợ quá... Loan nói và hai mắt rung rung. Chạnh nghĩ đến mình, Trâm vừa kiêu hãnh vừa tủi thân. Mình cũng đàn bà như Loan, đâu phải xương đồng da sắt mà chịu đựng nổi bao nhiêu lần, suốt một đời...

— Hôm trước hình như bên cô có tiệc tùng gì vui lắm:

— Tiệc tùng nào đâu, mời mấy đứa học trò trong ban biên tập báo trường...

— Nghe cô hát hay lắm.

Trâm mỉm cười nhìn qua lò sưởi trống. Ở đó, đêm ấy. Tiếng hát nàng. Khuôn mặt Minh. Ánh nến lung linh in lên bức tường tối mờ những bóng người lặng lẽ nhìn nhau. Trâm nhìn và không thấy như tất cả nhòa trong một màn mưa sương loáng thoáng. Đôi mắt vô thức bắt động mở lên trên từng khuôn mặt quen thuộc phút trước bỗng chốc vô cùng xa lạ phút ấy. Dưới đáy tiềm thức chợt dềnh lên những hình ảnh nhấp nhô sóng cuộn. Âm thanh ngậm ngùi, xa hút từ những phương trời hiu quạnh lảng quẩn nào lắng đọng giữa lòng Trâm nao nao xót xa. Khác ca cuộn tròn dâng lên môi, Trâm nhìn vào những khuôn mặt đó. Trâm chỉ thấy khoảng không và Trâm hát. Khung cảnh lùi dần như đám tinh vật lướt qua sau một chuyến xe tốc hành mê cuồng bay bổng. Chỉ còn vàng tóc rối lòa xòa trong biển vờn quanh khuôn mặt rượu hồng, hai con mắt đêm đen, đôi môi ướt hồng như nụ hôn trao gần gũi của Minh. Trâm nhìn hình ảnh đó và Trâm hát. Tôi nhìn em tôi hát, Tiếng hát ấy cho em, cho âm vang còn mãi bay về khắp vùng đời lạnh lẽo. Cho tràn đầy khoảng tối tâm hồn này hình ảnh đêm vui, giữ lại cho những tháng ngày sau tan thành rạn vỡ. Tôi hát cho nỗi đau thương không một người san sẻ trong đời. Tôi hát cho những miền hoa đào suối biếc giữa mùa xuân em đến đời tôi. Tôi hát cho con tim chín muồi vết thương một lần thao thức. Tôi hát cho những ngày những tháng những năm trong mai sau thiếu vắng mặt trời. Khi em đi rồi, Tôi chẳng còn gì trong đời để lo âu khắc khoải nữa. Tôi gửi vào màu đêm đen mắt buồn lời ca sầu muộn của nửa đời dang dở héo hon. Cho vết thương kỷ niệm sẽ vì em suốt đời còn đau đớn. Nên tôi nhìn em đêm đó tôi hát. Những người xung quanh là nhân chứng vô tình, là tha nhân cách trở. Cho nên tôi nhìn em tôi tôi thản nhiên hát. Tôi nhìn nhưng chẳng thấy em đâu. Bởi mỗi lần nhìn em chỉ thấy khoảng trống vô vùng của ngày mai vắng ngắt. Một ngày em không còn đó nữa, không còn trong ý nghĩ trong ưu tư, trong hơi thở đời tôi nữa. Mình khuất bóng nhau trên băng giá địa cầu. Cho mỗi một người hiện hình lên trên một trạng thái khác của đời sống luân lưu biến đổi. Một ngày trùng lai tình cờ không nhìn ra nhau nữa. Em qua bên tôi như thuyền qua trước bến. Tôi sẽ mất em như bến không giữ nổi thuyền. Xa lạ vô cùng như hai kẻ ở

khác hành tinh. Như chưa một lần nhìn nhau khoắc khoải, như chưa một lần chết đuối giữa vòng tay tiếng nói môi cười của nhau. Như chưa một lần nước mắt này vì em nhỏ xuống, chưa một lần làn môi đỏ vì tôi bát ngát hương hoa. Thôi, đêm ấy rồi thôi, tôi câm lời không bao giờ hát cho mình em nữa. Tiếng hát cô đơn không thể của một người, như cánh gió lang thang bốn phương trời không biết về đâu. Không vì ai cả. Em. Tôi. Hai đời.

Vì đời vô tội và trong sạch như bản thể nguyên thủy của mọi người. Tất cả đã xảy ra như thế và đều phải nhào lộn trong một gánh xiếc đại cuộc. Không ai có quyền chạy trốn. Như tôi bây giờ không thể chạy trốn lòng tôi. Trong miền giá buốt xương da, tiếng động đã vang rền cho tâm hồn cự mình nổi loạn.

Hai mắt nhìn và thờ ơ không muốn thấy người đối diện của Trâm cho Loan biết mình phải ra khỏi vùng không gian yên tĩnh mơ màng của bạn. Loan về rồi, Trâm còn ngồi đó, còn lắng nghe tiếng hát mình vọng về từ xa xăm xuyên mê mịch đêm nào. Trời khuya và lâu vắng sau những bước chân của đám học trò mắt hút trên đường. Vòng tay Minh chần lối đi nàng giữa cầu thang mờ tối phản phát mùi thơm ẩm lạnh quen thuộc.

— Minh tối nay làm sao thế, khó chịu lạ.

— Khó chịu thật. Đáng lẽ em vắng nhà để cô vui cho trọn.

— Minh muốn nói cái gì. Vô lý quá.

— Tất nhiên là thằng này vô lý. Bọn chúng nó mới có lý. Và càng có lý hơn nếu chúng còn ở lại suốt đêm.

— Minh. Tôi đã đuổi khéo họ về. Chỉ cái lão Tuyền lớn nhất trong bọn mà không biết tự xử lý.

Minh hần học :

— Không phải tại ai cả. Tại cô. Tại cô. Cô như vậy làm sao họ ra về được.

— Thôi đi, đừng xuyên tạc. Bọn họ không có gì đâu. Vả lại với tôi họ lẽ phép lắm.

— Lẽ phép gì. Thế lúc đầu đến đây em không lẽ phép với cô sao? Chúng nó nhân danh văn nghệ, báo chí, báo hại ấy à? Sao cô mặc cái áo màu đỏ thắm đó tối nay. Cô chưa mặc áo đó lần nào, mà sao mặc tối nay. Cô không thấy cái áo đó mỏng à. Cô đẹp. Cô biết cô đẹp. Cô muốn làm cho đẹp hơn, đẹp hơn, càng ngày càng đẹp hơn lên. Sao cô không chịu xấu. Sao cô không xấu đi. Xấu hẳn đi.

Hai bàn tay Minh xoắn chặt vào nhau. Một lúc Trâm đang ngẩn ngơ chưa biết đối xử ra sao Minh đã nhìn thẳng vào mặt Trâm :

— Chính cô có ác ý. Cô muốn làm vậy chọc cho em điên lên phải không? Cô còn hát cho chúng nó. Sao cô lại hát cho chúng nó nghe.

— Những ngày cuối năm vẫn hát cho học trò nghe là thường có sao.

— Thường, với cô cái gì cũng thường được. Cô quen như thế nên không còn rõ tính cách quá đáng bất thường ở những việc cô làm. Thấy cách chung nó nhìn cô hát cũng đủ hiểu. Làm cho kẻ khác mê mệt, khổ sở vì mình, cô khoái lắm phải không? Cô làm em điên đầu lên — giọng Minh bất ngờ dịu xuống — và em sợ. Lúc nào cũng sợ. Tối nay thấy rõ điều lo sợ có lý. Sao cô hát cho chúng nó nghe? Tiếng hát của cô thuộc về em...

Vầng trăng nhạt nghiêng khuất sau rừng. Con đường bằng bênh nổi giữa hai bờ cỏ đen thẫm. Đêm tựa mình giữa lời nàng thở nhẹ. Và nàng còn nhớ rằng Minh nở đều trong tóc mình vương rồi. Nàng còn nhớ má Minh thơm và ấm mùi rượu nho ngày hội lớn nào.

Tất cả qua rồi. Qua rồi niềm vui đêm ấy. Chỉ còn nỗi buồn chiều nay. Trâm ngồi chết lặng chờ Minh trở về. Đến chín giờ tối. Mặt mày nhợt nhạt tay chân lạnh ngắt Minh ngã sóng soài ra sàn nhà gỗ lạnh — Tôi làm gì cho tôi tôi làm gì cho em đêm nay ngày mai. Trâm xát dầu vào ngực Minh, những ngón tay buồn quờ quạng giữa vùng thịt da hừng hực nóng kiếm tìm vô vọng cảm xúc bàng hoàng vô tội của lần lo âu thứ nhất. Hai mắt Minh ngo ngác mở lên, vùng ánh sáng ấm áp, vút khuôn mặt nồng nàn của Trâm vào cảm giác lơ mơ.

— Phải nhà mình ở đây không?

— Nhà tôi. Nhà Minh. Minh uống Whisky ở đâu?

— Không, 33 thôi.

— Mặt em đầm mùi Johnny Walker. Uống ở đâu. Hình như cả Ballantine nữa.

— Ở café Tùng.

— Máy ly.

— Hai ba không biết nữa. Không say chỉ mệt và nhức đầu.

Tiếng nói dứt quãng và đầu Minh quẩn quại giữa sàn nhà.

— Em mệt quá không chịu đựng được nữa. Cô làm gì cho em khoẻ ra được không?

Trâm vuốt mặt Minh với năm ngón tay gầy lạnh lẽo.

— Minh đi đâu suốt chiều nay?

— Tìm chỗ.

— Không có chứ?

Minh ngồi bật dậy, mùi Whiky phả vào mặt nàng như hơi ấm của đêm điên.

— Mai đi, trưa mai đi.

Gọng kìm nào siết chặt trái tim Trâm và nàng lạc giọng :

— Chỗ nào.

— Nhà thằng Hải.

— Việc gì phải uống rượu ?

— Mai đi, yên làm sao được đêm nay.

Đêm nay. Có thể nào đêm nay là đêm cuối cùng của một thời gian huyền thoại. Trăng ngà ngà khóa thân giữa đỉnh trời màu khói xám. Bụi bờ u uất chìm sâu như vực thăm quanh lâu. Minh theo Trâm xuống ngồi ngoài hiên gió. Khoảng cách mở rộng trong đêm sâu trùng giữa hai người. Trâm nhìn nét đời mờ ảo dưới ánh trăng và bỗng thêm bỏ đi xa. Đi thật xa. Không một người nào còn thấy bộ mặt thực ngày mai cau có hiện hình lên nữa. Thời gian và lãng quên. Để bắt đầu lại những cung đàn sai lở khác, những lời ca sầu muộn khác, những cuộc tình thoáng qua ngắn ngủi khác... Bao giờ niềm tin cuối cùng mất đi, mình sẽ hư hỏng Trâm tự nhủ, nhưng nói gì với Minh. Mỗi người là một ốc đảo cô liêu, tự tạo hay tự hủy. Cho nên nàng im lìm ngồi chờ Minh tỉnh hẳn cơn say. Rượu hết nồng và trưa mai Minh về chỗ khác.

Những tiếng động dưới phòng Minh đưa lên vang động cùng khắp tâm trí Trâm sững sờ chết điếng. Cái giường. Cái ghế. Cái bàn học. Những đồ đạc nhỏ nhặt vô nghĩa trong phòng. Chúng rũ nhau ra đi, thản nhiên và dễ dàng như ngày tìm đến. Chúng nó theo Minh về một nơi nào khác, lấp đầy một khoảng trống khác, bắt đầu lại một chuỗi ngày tháng tươi vui khác. Còn Trâm ở lại. Khoảng trống tan hoang mở rộng trong nhà, trong tâm hồn, trong đời sống liên tiếp những đợi chờ vô vọng, những kỷ niệm rã tan, hình hài héo hắt chính mình. Như dưới đáy một hầm sâu không ai hay biết đến. Trên xa kia là cuộc đời và ánh sáng. Cuộc vui vẫn còn. Mùa xuân vẫn còn, bao nhiêu hoan lạc và đau thương vẫn còn tiếp diễn với những người khác. Còn tôi ở lại. Quặn quại ngày đêm trên sân khấu vắng ngắt này, dở sống dở chết, mang án tử hình xử chậm suốt đời như thế. Giờ em đi rồi. Một phần đời tôi cũng bỏ đi theo. Còn gì không trong căn phòng nhỏ bé đó. Tất cả lần lượt lách mình ra khỏi cửa đời tôi. Hoặc âm thầm lẩn trốn, hoặc vang động ồn ào.Ồn ào như em đang bỏ đi. Tiếng động chạm của ghế bàn đồ đạc. Tiếng ầm ầm của một góc địa cầu nào sụp đổ lên tôi. Tiếng đá rơi và đất đổ, sóng thét và gió gào giờ nguyệt tận. Tôi biến thành dã thú bị thương, quay cuồng điên dại trong bầy đời rộng lớn không còn lối thoát. Hai mắt mở to sâu hút đại khờ trùng trùng trong khoảng trống không này. Bóng tối xiêu đổ gục xuống như thân cây sét đánh. Đầu tôi chỉ còn là xương sọ rạn nứt điên mê. Mái tóc hoang

biển thành rừng cây chẳng chặt. Mỗi cành cây biển thành con trăn lớn, trườn mình khắp mặt đất bốc cháy này quấn lấy chân em. Cho em biển thành con chim nhỏ bay bổng lên trời, ca hát tình yêu ở một thiên đường khác.

Trong cơn mê thiếp đó, tiếng nói Minh phả vào trí óc mù tối của Trâm hơi ấm thức tỉnh của đời sống:

— Xong cả rồi, em đi...

Yên lặng một lúc lâu, hai tay sóng soãi trên mặt bàn, rồi Trâm nhẹ nhàng quay lại, như trong chiêm bao nhìn lên chời vói. Đứng sau thành ghế, Minh cúi xuống và trong một khoảnh khắc bất ngờ, hai tay người con trai vòng lấy đầu tóc bờ phờ rũ rượi của người đàn bà. Mắt nàng khép chặt trong một màu trắng xóa. Màu trắng đó đập choạng như một tấm màn sương phủ, đập chừa trái ra mênh mông thành tấm khăn liệm cho nàng bình yên nằm ngủ đời đời trong đó. Tấm màn bỗng cuốn lên, Trâm níu theo và hai tay hao hụt ôm choàng tới trước, vòng đai cảm giác khép quanh lưng Minh và Trâm mở mắt, xoay người, úp mặt vào tay, im theo từng đợt sóng cuốn cuộn dâng lên khắp người như bão lụt. Chỉ một thoáng, rồi tất cả chìm xuống, ném Trâm vào khoảng không vi vu, và nàng lại tê điếng trong chiều sâu hun hút của lòng vực không có tận cùng.

— Cô ngồi yên đây, đừng xuống cho đến khi em đi khuất rồi nhé, cô đừng xuống, đừng nhìn thấy em đi ra...

Tiếng giày xa dần ngoài thang lầu. Dưới đường, chiếc xe chở đồ mở máy. Trâm vớ diêm, đốt điếu thuốc đi như người mộng du ra khỏi phòng.

Nghe tiếng động, Minh nhìn lên. Giữa hai song gỗ đen thang lầu lờ mờ tối, khuôn mặt Trâm nín thở nhìn xuống. Minh. Tiếng gọi khàn đục vương mắc mấp máy trên đôi môi nhợt nhạt như một lời trăng trối cuối cùng. Minh đến dưới thang lầu hai mắt hoe đỏ nhìn lên. Cánh tay Trâm luồn qua song gỗ buông xuống, đặt vào môi Minh điếu thuốc sắp tàn. Rồi cánh tay Trâm treo lủng lẳng bất động ở khoảng không đó, như đã một đời. Khuôn mặt Minh ngửa lên sau vầng khói thuốc lung linh, trong khe khẽ cách đây đọa tự ý hai người khoắc khoải nhìn nhau. Như chân tay tôi nặng chiu gông cùm. Như em đứng ở ngoài song cửa tù, tự do nhìn vào thăm hỏi già từ cho tôi sắp phải lưu đày ra một ốc đảo hoang vu và suốt đời chết đó. Chỉ còn một phút này thôi. Một phút vô cùng trong một đời ngắn ngủi. Dồn tốc độ đam mê trong khoảnh khắc cho tôi sống một lần và chết một đời. Tôi phải làm gì tôi phải nói gì với em Tôi phải làm sao để kéo dài giây phút tận cùng này. Cái phút giây không bao giờ dừng lại, không bao giờ đến hai lần trong một đời người, cái phút thoáng qua huyền ảo của dòng trùng trùng điệp điệp của thời gian hai hình tình cách xa hàng triệu triệu năm mới một lần gặp gỡ. Không, tôi không còn nữa. Tôi ngày em đi không phải là tôi ngày em đến nữa. Tôi những ngày em vắng mặt

không phải là tôi những tháng ngày em có mặt ở đây. Sự chết im lìm nào đã chiếm đời sống bên trong của tôi và tôi thật đã chết đi một phần nào đó thể xác tâm hồn. Nên nhìn em phút này tôi buốt tê không còn cảm nhận được đớn đau hay buồn rầu nữa. Tôi kêu la vô vọng trong sa mạc cuộc đời bằng âm thanh chiêm bao tưởng tiếng mình chuyển đi khắp mặt địa cầu mà miệng vẫn câm lời khó nói. Tôi đã nói gì với em. Mình đã nói gì với nhau. Nhưng con người câm trong một vũ trụ điếc. Những tâm hồn lưu lạc trong một ốc đảo bơ vơ. Cho đời sống giữa em và tôi, giữa tôi với mọi người chỉ là thiếu sót, ngộ nhận và vô cùng ngăn cách. Không làm gì được. Như tôi nhìn em ở giây phút tận cùng và không biết sống làm sao đầy đủ khoảng khắc giới hạn này. Để khi em đi rồi, tôi ôm khoảng trống vào vòng tay cho đến ngày rã mục đi hài.

Trong im lặng rộn ràng của xúc động tay, Trâm níu xuống, tay Minh vươn lên, hai bàn tay đan nhau thành hình ảnh níu kéo vô vọng của hai người trên hai bến thiên đường cùng sắp đổ vỡ.

— Thôi cô quay lên đi, đừng nhìn thấy em đi. Mai em về, mai em về với cô.

Trâm ngồi bệt xuống thang lầu, mái tóc rối vòng qua cổ. Nàng tỉnh dậy một khắc trong tiếng nói đó và nhận ra mình không là gì cả, không chủ nhà, không cô giáo, không người yêu, không đối tượng. Chỉ là đứa trẻ con. Đứa trẻ con hiện hình nguyên vẹn trong cái lột đàn bà, như chồn hiện nguyên hình từ cái lột hồ ly tinh. Và đứa trẻ con sắp bị bầu bạn bỏ rơi ở một thềm nhà hoang vắng, kêu khóc đòi trở về giữa cánh tay đầm ấm của một người nào thân thuộc.

— Minh.

Minh lại nhìn lên, và Trâm thấy mình đang khóc bằng nước mắt trên hai mắt Minh hoe hoe đỏ.

— Không, không có gì cả, thôi, Minh đi đi.

— Thứ bảy chủ nhật em về.

— Ừ, « về xem lễ », nhé.

Một thoáng xê dịch mở hồ trên mười ngón tay đan nhau khăng khít. Khoảng đề muội nòng nàng vừa trôi qua trong hai ba bàn tay yên ngủ trong nhau. Con thức tỉnh bàng hoàng đến búa vây, kéo hai bàn tay về hai ngã. Từng ngón tay Trâm còn mê thiếp níu lấy khoảng không cho đến khi tiếng chân Minh im lìm trước ngõ. Và tiếng xe mất hút trên đường. Hai hàng mi Trâm khép chặt bóng dáng Minh đi nhanh về phía cửa, chiếc áo len trễ tràng khoác lên vai, chiếc đàn kéo lê dưới đất theo đà tay rã rời một mối. Từ phút này, tôi sẽ ra sao? Đập hết những gương soi trong nhà để không còn thấy

bóng mình trong đó nữa. Hai tay níu riết vào mớ tóc bơ phờ che vàng trán, đầu óc vô tận cho bay biến nỗi dày vò đau đớn. Đập phá hình hài này ra xem tôi có mê có dại có điên không. Khoảng trống nhức nhối kêu gào trong lồng ngực. Miền tri giác cuối cùng nào đó trong thể phách thừa thãi bỗng lồm xuống làm vực sâu đầy gió lạnh, bóng tối và tuyết băng. Con đau như thất lại từng hồi theo từng điệp khúc ý nghĩ : Minh đi rồi, Minh đi thật rồi.

Trâm nhắm mắt kẹp chặt những hình ảnh gây vụn vào hai hàng mi. Bên ngoài chiều len lén trôi vào tiếng gió vi vu chạy dài thung lũng. Cánh cửa nào dưới lầu quật mạnh vào vách. Và tiếng mơ hồ của những bước chân xa vọng về trên con đường heo hút chạy dài ? Nàng vòng tay ôm những thanh gỗ thang lầu, mở mắt xuống những bậc thang đều đặn. Những bậc thang lầu em đã lên đã xuống, những bậc thang lầu chúng mình cùng xuống cùng lên những buổi đi về. Hai bàn chân hồng non da thịt trẻ con nước mưa loáng ướt bên bờ cỏ sau vườn. Chiếc quần jean ngổ ngáo bê bết từng vết đất bẩn và dầu xe. Áo len màu xanh viền thắm đường cổ trắng. Tiếng huýt sáo một khúc nhạc sai. Tiếng cười huyền ảo ngày nghỉ học của lũ bạn bè. Những lấy hồn, vô cơ. Những triu mến không tên. Những ước muốn không lời. Tất cả bỗng cháy, ứa trào lên theo nước mắt Trâm. Tất cả còn phảng phất đâu đây, quanh Trâm, hư ảo hiện về trong tòa lầu vắng lặng từ nay im tiếng nói cười.

Lần xuống hết thang lầu, Trâm đi như xác không hồn từ phòng này qua phòng khác, dừng lại ở bức màn đỏ thắm gió cuốn phấp phồng. Tấm màn vén lên. Bên trong trống trơn như sân khấu sau giờ trình diễn. Nền nhà vương vãi những tàn thuốc đã đổi màu len vào những que diêm cháy xén. Mẫu giấy thời khóa biểu dán trên vách từ bao giờ rơi xuống, nét mực nhòe nhoẹt, lẫn giữa những mảnh giấy vụn, bụi rác mơ hồ. Chỉ còn có thể giữa bốn bức tường nhân chứng trống trải đứng im. Trâm lão đảo trở ra. Thang lầu như những bậc đá đen hăm mộ. Hun hút xuống. Vời vọi lên. Với những bậc tối tăm buồn nản như tuổi đời nàng. Những bậc thang lầu em đã lên đã xuống. Những bậc thang lầu chúng mình đã cùng xuống cùng lên. Từ đây là những bậc thang âm u dẫn tôi lên đêm ngày đều đặn chán chường trống không trên đó. Cuộc đời vô vi thiếu vắng mắt em. Cuộc đời ấy kéo dài cho đến mòn, đến hết.

(còn tiếp)

SINH HOẠT

Hội Bút-Việt vừa họp bầu ban chấp hành mới ngày 20-7 vừa qua. Cũng trong tháng 7 vừa qua, hội cho phát hành một số Tin Sách đặc biệt đề kỷ niệm nhà văn Nhất Linh tự hủy mình đề bênh vực tự do; số Tin-Sách nói trên cũng trình bày nhiều tài liệu liên quan đến việc một số văn hữu trong hội bị bắt bớ giam cầm và đến sự can thiệp của hội Văn-Bút quốc tế.

Nhân dịp này, chúng tôi tưởng nên nói qua về sự xích mích hiện nay đang diễn ra giữa hội Văn-Bút và hội COMES, Hiệp-hội các nhà văn Âu châu, chung quanh vấn đề thái độ chính trị của hội viên.

Hội Văn-Bút thành lập trước, nên sự hoạt động đập hát triển trên khắp thế giới. Hội chủ trương bênh vực tự do ngôn luận, khuyến khích sự tiếp xúc giữa các văn nghệ sĩ, sự trao đổi văn-hóa giữa các quốc gia dân tộc. Hội không tham gia các hoạt

PEN và COMES:
lại chuyện văn-ngệ
và chính-trị

động chính trị, nhưng đặc biệt lưu tâm đến những trường hợp văn-ngệ sĩ bị các chính quyền đàn áp vì tư tưởng bất đồng.

Hội Văn-Bút đã phát triển khắp nơi nhưng không thu hút được các nhà văn Nga-Sô. Thoạt tiên, dưới thời Staline, Nga-Sô chủ trương một chính sách bế quan, không tham gia vào tổ chức quốc tế nào của các nhà văn cả. Sau này, dưới chế độ cởi mở của Khroutchev một số (trong các tay lãnh đạo Hiệp-hội các nhà văn Sô-viết (trong đó có Soucrkov) có ý muốn mở rộng sự giao thiệp nên đã tiếp xúc với ông Tổng thư-ký của hội Văn-Bút là

David Carver. Chủ tịch hội lúc đó là nhà văn Alberto Moravia cũng tỏ ra nhiều cố gắng, mong có thể thu nạp văn nghệ sĩ Nga-Sô vào hội. Nhưng cuối cùng việc không thành; người ta ngờ rằng đó là do thái độ cò chấp của những phần tử bảo thủ trong Hiệp-hội các nhà văn Sô-viết. Không gia nhập Văn Bút, về sau Nga sô gia nhập hội COMES.

Hội sau này chỉ hoạt động ở Âu-châu (COMES : *Com munita Europea degli Scrittori*) và mới thành lập từ năm 1950 tại Florence. Sự chọn lựa của Nga-Sô hình như có tính toán kỹ : hội COMES còn non trẻ, qui tắc lỏng lẻo, cho nên dễ bề theo túng lung lạc, nhất là với phương tiện lớn lao của Nga-Sô.

Tuy vậy từ trước đến nay giữa hai hội vẫn chưa xảy ra điều gì. Trái lại, nhiều nhà văn ở Âu-châu có chân trong cả hai hội. Đặc biệt nhất là thích nhà thơ Victor E. van Vriesland, chủ tịch hội Văn Bút, cũng lại là hội viên của COMES.

Như thế cho đến mùa thu năm ngoái, tại hội nghị COMES họp ở Léningrad, tổng thư ký COMES thuật ra câu nói tai hại. Hội nghị Léningrad có sự tham dự của nhiều nhân vật danh tiếng như J.P. Sartre, Simone de Beauvoir, Alain Robbe-Grillet, Ehrenbourg, Sourkov, Tibor Déry v.v., Trong dịp ấy, tổng thư ký Giancarlo Vigorelli tuyên bố : Tôi chủ trương rằng khi một người tự cho là chống cộng, người ấy đương nhiên ở về phe phát-xít. Người ta có thể

không cộng sản, nhưng không được phép là người chống cộng».

Sau lại kỳ quái vậy ? Tại sao lại nhân danh hội tán thưởng thái độ chính trị này, cấm đoán thái độ chính trị kia ? Hội viên của COMES phải xếp hàng về một phía rồi chẳng ? Sự tự do tư tưởng của họ không còn được tôn trọng nữa chẳng ? Kỳ quái nhất là những lời lẽ kể trên lại thốt ra từ cửa miệng Giancarlo Vigorelli, là một người đã chiến đấu đến cùng trong hàng ngũ phát xít Mussolini, lại đã từng viết trên tờ tuần báo *Giovedì* cách đây mười năm : « Về phần những người văn minh, mọi sự hợp tác của họ với Cộng sản đều trở thành một nhơ nhục ».

Câu tuyên bố của Tổng thư ký hội COMES được báo Pravda đăng trên số ra ngày 5-10-1963. Chủ tịch hội Văn-Bút quốc tế liền gửi một bức thư đến chủ-tịch hội COMES là Giuseppe Ungaretti, yêu cầu minh xác vấn đề :

« Văn Bút là một hiệp hội phi chính trị và không bao giờ quan tâm đến hoạt động chính trị của hội viên, miễn là các hội viên ấy tuân theo đúng Hiến-chương Văn-Bút. Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn tưởng rằng hội COMES cũng bênh vực sự hợp tác tinh thần trên căn bản phi chính trị. Nếu hiện nay sự thực không còn đúng như vậy nữa thì thiết tưởng chúng tôi cần được thông báo cho biết, bởi vì sự thay đổi ấy có can hệ đến các mối tương quan

giữa hội Văn-Bút và hội COMES và dĩ nhiên, đến tình trạng của các văn hữu vừa là hội viên Văn-Bút vừa là hội viên COMES ».

Đáng lẽ chủ tịch G. Ungaretti có đôi lời giải thích nhưng bức thư ấy gửi đi sau nhiều [tháng trôi qua mà vẫn không có hồi âm. Trong lúc ấy, Alexei Sourkov viết trên báo Izvestia (số ra ngày 4-1-1964) một bài đả kích dữ dội chủ tịch Văn-Bút van Vriesland. Bài báo nhan đề là «Bọn phản động văn nghệ trong cơn nước đục », trong đó Sourkov chửi bới vung vít mọi người. Ông ta kêu rằng hễ cứ văn nghệ sĩ Nga-Sô cố gắng thoát ra khỏi tình trạng cô lập của mình là liền bị đón tiếp bằng lưỡi lê. Ông ta tố cáo triết gia Gabriel Marcel đã hợp tác với bọn quốc xã trong thời chiến tranh, ông trách mắng John Dos Passos là phản bội văn học cấp tiến Hoa-Kỳ, ông ta kết tội Hội nghị về Tự-Do Văn-hóa phục vụ đường lối của Hoa-thịnh-đốn v.v... Nhưng đặc biệt là ông kết tội Văn Bút nặng nề : « hủi người lãnh đạo tự xưng là phi chính trị của tổ chức Văn-Bút quốc tế đã từng nhiệt liệt bênh vực 'bọn phản động văn nghệ, hoặc bọn văn sĩ tại các nước xã hội đã bị phê bình một cách xứng đáng, và cho đến lúc này họ cũng còn tiếp tục bênh vực chúng. Nhưng họ nín thinh mỗi khi các nhà văn có tư tưởng tiến bộ bị bỏ tù, bị tra khảo hay bị xử bắn do những tên độc tài phát xít ở Âu Châu hay Châu Mỹ la-tinh ».

Trước thái độ ấy, Ông David Carver Tổng thư-ký của Văn-Bút quốc tế gửi một bức thư trả lời cho chủ-bút tờ Izvestia (bức thư này không được đăng lên cho độc giả Nga-Sô xem) đồng thời ông cũng gửi một bức thư khác đăng trên tuần báo The Observer của nước Anh.

Trong bức thư gửi cho báo Izvestia, ông David Carver kể lại những cố gắng trong ba mươi năm qua của hội để tiếp xúc với các nhà văn Sô Viết, điều mà Sourkov cố ý lờ đi để kêu rằng mình bị uy hiếp bằng lưỡi lê trong cảnh cô lập. Còn về thái độ bênh vực « bọn phản động » của hội, ông David Carver đã cải chính dễ dàng bằng những chứng cứ rõ rệt. Văn Bút quốc tế đã can thiệp bênh vực cho mọi nhà văn thuộc bất cứ quốc gia nào : Triều - Tiên, Việt - Nam Algérie (như Mestapha Lacheraf), Hung-Gia-Lợi (Tibor Déry, Gyula Hay) ..., thuộc bất cứ xu hướng chính trị nào, kể cả xu hướng Cộng-sản (trường hợp nhà văn Cộng-sản Hy-Lạp Manolis Glezos)

Trong khi ấy thì những người « tiến bộ » như ông Sourkov đã làm gì cho các nhà văn bị chính quyền đàn áp ? Bức thư của ông David Carver gửi cho tạp chí The Observer có nhắc đến chuyện ấy. Khi bà Olya Iviuskaia, người bạn của nhà văn quá cố Pasternak mới bị nhà cầm quyền sô viết giam giữ, Sourkov có sang thăm viếng nước

Anh. Tại đây khi hội Văn-Bút yêu cầu ông dùng ảnh hưởng của mình để cứu giúp nữ văn hữu nói trên, thì được, ông ta cho hay rằng chính vì tại những sự can thiệp của các nhà văn và các tổ chức như hội Văn-Bút mà bà Ivinskaia không được phóng thích; ông hứa hẹn là một khi những hoạt động can thiệp ấy chấm dứt thì chỉ trong vài tháng nữa bà được thả liền. Đến mùa Hè 1961, Tổng thư ký Văn Bút nhắc lại lời hứa trước kia thì Sourkov lại trả lời: «*Tôi biết quá nhiều về bà Ivinskaia để có thể giúp bà ta được trả tự do*». Hóa ra lời hứa nọ chỉ là một mưu kế nhằm làm dịu phong trào phản đối nhà cầm quyền Xô viết về việc đàn áp văn nghệ, chỉ là một cách tiếp tay với nhà cầm quyền! Và cho đến bây giờ bà Ivinskaia vẫn còn bị giam giữ.

Vì các sự việc trên mà Phó chủ tịch của hội COMES là John Lehman đề gửi đơn từ chức. (Người ta cho rằng nhiều đơn từ chức khác sẽ kế tiếp đơn ông). Rắc rối nghiêm trọng; kẻ gây sự tìm cách dàn xếp: hình như ông Vigorelli đã đề nghị được gặp ông David Carver để thanh minh. Lại hình như đại biểu Văn Bút các nước dân chủ nhân dân (những nước

này đã gia nhập Văn Bút trước đệ-nhi thể-chiến, nghĩa là trước khi theo Cộng sản, và sau đề vẫn tiếp tục ở luôn trong hội) đã cố gắng giảng hòa đôi bên, tại hội nghị ban chấp hành Văn-Bút ở Luân-Đôn kỳ vừa qua.

Rồi đây PEN (Văn-Bút) và COMES có làm lành được với nhau chăng? Đến nay chưa thấy có một dấu hiệu công khai nào. Dù sao, sự xích mích vừa rồi cũng nêu lên cho chúng ta một kinh nghiệm là giữa chính quyền và văn hóa cũng như giữa giới văn hóa với nhau, sự hợp tác chỉ tốt đẹp khi nào người ta biết tôn trọng tư tưởng của nhau. Một manh tâm qui hướng tư tưởng thường gây ra bất bình, đổ vỡ. Mà những người Cộng-sản, họ tiến đến tổ chức văn hóa nào hình như cũng sẵn sàng mang theo cái manh tâm ấy. Sau bốn mươi năm cô đơn, bước đầu của họ tiến đến giới trí thức Tây-Âu đã không thành công, sự cản trở không phải là những «*lưới lê*» nọ, mà chắc chắn chính là cái manh tâm kia.

THU-THỦY

(thuật theo *Preuves Informations*
bản ra ngày 9-6-1964)



Một đêm không ngủ

Người đứng ra tổ chức «*một đêm không ngủ*» nhân ngày Quốc-Hận

20-7-1964 là anh Đỗ-Ngọc-Yến và một nhóm gồm 5 sinh viên nữa. Theo những người có sáng kiến và tổ chức một đêm «*thức tỉnh*» này thì còn có thể đặt

thêm một cái tên nữa : « đêm văn hóa ».

Khoảng 20g30 ngày 20-7 « đêm không ngủ » được khai mạc và bắt đầu bằng những bài ca dân tộc, mang mang gọi lên tình lưu luyến quê hương. Len trong ánh sáng chớp chờn, vươn lên bầu trời mênh mông, bản « tình ca » bỗng gây xúc động lạ thường.

Số người tham dự đông hơn dự tưởng của ban tổ chức. Một số các nhân vật tên tuổi cùng « thức tỉnh » với anh em sinh viên đã lần lượt đến máy vi âm phát biểu cảm tưởng giáo sư Nguyễn đăng Thục, đại đức Thánh giác Đức, linh mục Thanh Lãng v.v... Anh Tộ, một công nhân của nhà hàng Caravelle cũng háng hái nói lên ý nghĩ chân thành của mình. Còn một số đông văn, nghệ sĩ khác đứng ngồi lẩn lộn với anh em sinh viên.

Sau đó, anh Lê đình Điều chủ tọa cuộc hội thảo đi tìm giải đáp cho vấn đề thống nhất hàng ngũ sinh viên.

Cuộc hội thảo chưa hoàn toàn chấm dứt thì một sinh viên lên tiếng đề nghị bắt đầu cuộc tuần hành. Một số lớn sinh viên đứng dậy. Ban tổ chức « đêm không ngủ » dự định là cuộc tuần hành mở đầu vào lúc 5 giờ sáng ngày 21-7-1964. Theo lời một người trong ban tổ chức thì nếu tuần hành quá sớm, các nhân viên ban trật tự không kịp làm việc. Vả lại, còn phải tùy theo sức khỏe và tinh thần

mọi người để định lộ trình. Thành linh, anh chủ tịch ban chấp hành tổng hội sinh viên xuất hiện trước máy vi âm và tuyên bố : biểu tình ngay. Thế là một số người ùn ùn kéo ra khỏi sân trường Đại học văn khoa và tràn xuống tới gần chợ Bến Thành. Ban tổ chức, đứng trước một sự « đã rồi », vội chia việc phân công. Hai anh chạy ra xe phóng thanh và hướng dẫn cuộc tuần hành. Số người dự cuộc tuần hành khoảng trên ba ngàn (con số THSV đưa ra trong cuộc họp báo ngày 22-7 là 5000). Họ đi trong ánh lửa đuốc chớp chùng, hàng ngũ tề chỉnh. Sự kỷ luật, nghiêm trang của một đoàn thanh niên đốt đuốc đi trong đêm tạo nên một cảnh đẹp và hùng ca liên tiếp các bản hành khúc và hô lớn các khẩu hiệu như : « Việt Nam muôn năm » « Thanh niên Việt Nam trưởng thành trong đoàn kết » « Không thể ngủ yên khi tổ quốc đang đau khổ ».

Đoàn người chỉ bắt đầu xao động mạnh khi có một số người trong đám biểu tình lên tiếng kêu gọi mọi người đi đập phá tòa đại sứ Pháp. Lời kêu gọi được khoảng hơn một trăm người hưởng ứng. Việc này hoàn toàn ngoài ý muốn của ban tổ chức. Sau này, một anh đã cho chúng tôi biết :

— Chúng tôi tìm cách ngăn cản mà không được. Thật đáng tiếc ! « Đêm không ngủ » bị giảm mất một phần ý nghĩa.

Đến con đường rẽ dẫn đến tòa đại sứ Pháp chiếc xe hướng dẫn cuộc tuần hành cứ tiếp tục đi thẳng và cố ý đi xa tòa đại sứ càng sớm càng tốt. Thế là từ đó đám người chia làm hai nhóm. Một nhóm nhỏ rủ nhau đi đốt phá. Nhóm chính và đông đảo còn lại vẫn tiếp tục lộ trình trong kỷ luật và trật tự, bảo vệ ý nghĩa Đêm Văn Hóa.

Qua dinh thủ tướng họ hô to những khẩu hiệu đòi một cuộc cách mạng thực sự. Sau đó đoàn tuần hành tiến dẫn về phía Tân-Định.

Đoàn người đã thu hút được một số đông đảo những người dân ở hai bên đường phố. Thỉnh thoảng họ lại hô những lời kêu gọi nhẹ nhàng mà thiết tha: « Xin hãy thức tỉnh cùng chúng tôi bằng cách bật đèn lên ». Và bỗng dưng, cả một dãy phố dài đang yên ngủ như bừng tỉnh giấc. Lần lượt từng nhà người ta bật đèn lên như để chào đón đoàn người đông đảo. Vài cánh cửa sổ mở vội vàng. Nhất là có nhiều người trong những căn nhà vừa bừng thức giấc ấy đã ra đường nhập vào đoàn biểu tình. Đoàn người cũng tặng lại họ những lời hoan hô nồng nhiệt. Một chiếc đèn mới bật sáng là lại có một số nhà được hoan nghênh.

Đi dọc theo đường Yên Đổ, đến ngã tư Trương Minh Giảng Yên Đổ thì vừa đúng 2 giờ sáng. Đó là giờ mà đoàn người muốn nhắc đến trong sự uất hận. Họ dừng lại và cùng cất tiếng hát bài quốc ca.

Lòng thương quê hương, xứ sở bỗng như được dồn cả vào những âm thanh hùng tráng. Sau đó trên ba ngàn người đứng im phăng phắc để mặc niềm niềm đau của tổ quốc và các chiến sĩ hy sinh cho dân tộc. Một phút tĩnh tâm nữa để ý thức trách nhiệm trước lịch sử và quyết tâm tranh đấu.

Sau đó, đoàn người tiến chậm chậm về phía đường Lê văn Duyệt. Qua chỗ hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, họ dừng lại dành một phút mặc niệm tất cả những người đã hy sinh cho đất nước. Rồi đoàn người trở lại sân trường Đại học Văn khoa. Họ đã vượt hàng mấy chục cây số trong khoảng hơn 3 giờ.

Anh Lê-Đình-Điều ở lại sân trường với những người không đi tuần hành thì cũng mệt nhoài. Có một số người cứ đòi nghe nhạc ngoại quốc và nhảy Twist, bầu không khí có vẻ sôi nổi vì một lý do không đáng khuyến khích mấy.

Ban tổ chức đã quá mệt nên vụ xử án (xử: a) Tinh thần chủ bại b) Tinh thần vô trách nhiệm c) Tinh thần vong bản) không được thành công như ý muốn. Vụ xử cũng có kẻ buộc tội, kẻ bào chữa. Hai bên lý luận và cãi nhau rất hăng nhưng hình như các tài tử không chú ý đến luật học nhiều nên mọi người được một dịp cười vui, thoải mái. Theo lời ban tổ chức thì chủ đề quan trọng của Đêm Văn Hóa này bị bỏ vì cuộc

tuần hành đã diễn ra quá sớm và bất ngờ.

Tuy nhiên, giữa giây phút mệt mỏi này, anh em « thức tỉnh » lại được gặp vài chuyện bất ngờ lý thú khác.

Một bà — mà anh em gọi là « bà mẹ Việt-Nam » — đã thức dậy khi đoàn biểu tình đi qua nơi cư ngụ của bà. Rồi, bà mẹ Việt-Nam đã đi theo đoàn người đến tận sân trường Văn Khoa. Bà lại hăng hái lên máy vi âm đọc thơ của thi sĩ Vũ-Hoàng-

Chương. Vài cô gái — những bà mẹ Việt-Nam tương lai — và mấy em nhỏ khác, cũng « nhập bọn » ở dọc đường, cũng lần lượt ca tặng đoàn người nhiều bài ca thật hay.

Khoảng 5 giờ 30 sáng, khi mặt trời còn chưa thức tỉnh, những người qua một đêm không ngủ mới bắt đầu chia tay nhau. Hầu hết đều nghĩ rằng họ đã qua một đêm tuyệt đẹp.

LÊ-TẮT-ĐIỀU



HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Đến khởi điểm (Bửu Ân) Thử đặt lại vấn đề bác ái (Hiếu Sinh) Cuộc tẩu thoát — Hoa cúc, (Lữ Thứ) Niềm đau... (Hoàng-Thị-Bích-Ni) Nỗi niềm (Thy-Uyên-Trang) Áo tưởng... (Trung-Huyền) Gặp gỡ... (Ngọc-Sơn) Tan đi cơn nong Nam (Hoài Lan) Những gì cho hấn... (Ngọc Trai Hương Rừng) Chiến tranh và lời kêu gọi... (Lữ Thứ) Thơ (Nguyễn Huy Nghiễn) Siêu tưởng (Trần Phát Tài) Tiền sử... (Chu Vương Miện) Suy tưởng (Trần-Hồng-Nhan) Thuyền đi trong đêm trăng (Nguyễn-Tấn-Bình) Kết lại tình thương (Hương - Linh) Con đường cũ... (Yên-Giang) Già từ tuổi nhỏ (Mai-Lê-Văn) Nỗi buồn của hấn (Thanh Dạ Hoài Nhân) Kỷ niệm Qui Nhơn (Mộng Hoa Huyền) Vùng vàng (Hoàng Mãi) Trăm ca tháng giêng (Hoài Linh Xuyên) Chân thành (Nguyễn Thủy) Nghìn năm phiêu lãng (Bành-Kim-Lộc) Bóng đất (Tư Kế Tường) Giấc ngủ... (Thành-Miêng) Tính số cuộc đời... (Mạc - Quan - Huyền) Tình thương

nhân loại (Nguyễn Nhân) Bài ca chúa nhật... (Nguyễn-Văn-Linh) Tân Hiến (Chung-Giang) Quê tôi... (Thi Thi Hoài-Mộng) Thực tại (Hoa Phương) Giấc mơ kỳ ảo... (Phan Trước Viên).

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— Vài nét về **Giáo-dục cộng-đồng** tại Việt-Nam, của Vương-Pễn-Liêm do tác-giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 140 trang, giá 36 đ.

— **Sống động**, tuần báo văn-ngệ chính-trị số 1 ra ngày 20-7-1964— Chủ nhiệm : Nguyễn-Văn-Năng, thư ký tòa soạn : Đỗ-Ngọc-Vũ, báo quán : 332 Trương - Minh - Giảng Saigon. Mỗi số 12 trang khổ lớn giá 4đ.

Trân trọng cảm ơn tác giả cuốn sách trên đây và tuần báo Sống Động và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

ĐẠI NAM VĂN HIẾN XUẤT BẢN CỤC

THẾ-PHONG giám đốc Văn học — Hộp thư 1123 SAIGON

LOẠI SÁCH BẢN THẢO. Từ tháng 1 đến 6 năm 1964 đã có mặt

LÝ DŨNG TÂM, PHÙ SINH, thơ — Thế Phong vào đề.

THẾ PHONG, TRUYỆN NGƯỜI CỦA TỈNH PHỤ, tâm-truyện-kể

THẾ PHONG THƠ LÂM LỚN DẠY CON NGƯỜI, thơ.

VƯƠNG MIỆN, ĐÊM ĐEN 20 TUỔI, thơ — Vương Đức Lệ vào đề.

NGUYỄN ĐẮC LỘC, SAU HAI MƯƠI NĂM, hồi ký lịch sử,

LOẠI IN TYPÔ. Từ đầu năm 1964 đã phát hành toàn quốc :

THẾ PHONG, NHẬN DIỆN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
truyện ký — Lữ Hồ và Đăng Giao họa, 25 đồng.

BÙI KHAI NGUYỄN, THIẾT THA, thơ — Uyên Thao vào đề, Lữ
Hồ họa, trình bày, phụ bản, 40 đồng.

ĐÌNH XUÂN CẦU, ĐÔI KÍNH, kịch — Thế Phong vào đề — Vĩ
Ý họa, trình bày, 40 đồng.

MỘT XUẤT-BẢN-CỤC ĐUỠY NHẤT THỰC HIỆN TỰ DO NGHỆ
THUẬT và thực hiện bằng công trình sáng tạo, bất chấp mọi ngăn trở,
đóng góp vào sự lớn mạnh của văn học hôm nay, có mặt từ 1959
trở lại đây.

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA